

慧
感
文集



HUỆ KHẢI

VẠN HẠNH
THIÊN SƯ
XƯA VÀ NAY

HUỆ KHẢI

VẠN HẠNH THIÊN SƯ XƯA VÀ NAY

NXB TÔN GIÁO

Sách ấn tống. Không bán.



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



▲ Chùa Tiêu:
Quốc Sư Vạn Hạnh
trụ tích trấn vương kỳ.
Chùa Tiêu (xã Tương
Giang, thị xã Từ Sơn,
tỉnh Bắc Ninh) nằm
trên quốc lộ 1A cũ
(nay là tỉnh lộ 295B)
và tuyến đường sắt
Hà Nội - Lạng Sơn.
Xã Tương Giang ở về
phía Đông Bắc Từ
Sơn, cách Hà Nội
22km về phía Đông
Bắc, cách thành phố
Bắc Ninh 9km
về phía Tây Nam.



Nụ cười Vạn Hạnh Thiền Sư
Trần Bửu Long (sơn dầu, 2014)



▲ Bất Nhị Môn chùa Tiêu (Trưng Giang, Từ Sơn, Bắc Ninh). Xá lợi Quốc Sư Vạn Hạnh thờ tại chùa Tiêu từ năm 1018. Ngày rằm tháng 5 hàng năm chùa tổ chức lễ giỗ Quốc Sư.

Ảnh: Đăng Định

<http://www.panoramio.com>



▶ Đường lên chùa Tiêu

<http://hoangphaphanoi.com>



Chùa Tiêu: Tôn tượng Đức Thiền Sư Vạn Hạnh. Tượng cao gần mười mét, do Nguyễn Thạc Điền phóng tác từ pho tượng cổ Đức Thiền Sư đang thờ trong chùa Tiêu.

Ảnh: <http://hoangphaphanoi.com>

VẠN HẠNH THIÊN SƯ
XƯA VÀ NAY

Quyển 80-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo
Kỷ niệm sáu năm ấn tống (tháng 6-2008 / tháng 6-2014)

HUỆ KHẢI. *Thế danh* Lê Anh Dũng. *Bút danh* Dũ Lan, Lê Khang Thìn...
ĐÃ IN TRONG CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO:
NHỚ ĐẠT LINH (chủ biên, 2008) • **TÌM HIẾU KINH SÁM HỐI** (viết chung với
Thanh Căn, 2009, 2010, 2011) • **HÀNH TRẠNG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT** (viết
chung với Cao Bạch Liên, 2010, 2012) • **CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ** (viết chung
với Lê Anh Minh, truyện tranh, 2013) • **TƯỚNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN
THỌ** (chủ biên, 2014) • **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN** (chủ biên, 2012, 2013, 2014,
ấn tống mỗi quý).

HUỆ KHẢI VĂN TẬP (ấn tống)

ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI (*Cochinchina as a
Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*, 2008, 2012) •
ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐỀ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI (*Cochinchina as a Legal
Precondition for the Foundation of Caodaism / La Cochinchine – le
Préalable Juridique pour la Fondation du Caodaïsme*, 2008, 2010) • **NGŨ
VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN** (*Ngũ Văn Chiêu – the First
Caodai Disciple*, 2008, 2009, 2012) • **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO
ĐÀI** (2008, 2010, 2012) • **LÒNG CON TIN ĐẮNG CAO ĐÀI** (2008, 2010) • **KINH
CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI** (2009, 2010, 2011) • **TÌM HIẾU NGỌC HOÀNG
THIÊN TÔN BỬU CÁO** (2009, 2010) • **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐỀ TƯ TƯỞNG
MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** (*The Three Teachings of Vietnam as an Ideological
Precondition for the Foundation of Caodaism*, 2010, 2013) • **MỘT DÒNG
BÁT NHÃ** (2010, 2013) • **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU** (1993, 1995, 2000, 2001,
2003, 2005, 2010, 2011) • **TÌM HIẾU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ
HƯƠNG NỘI ĐIỆN** (2011, 2012) • **NHIP CẦU TƯƠNG TRI** (2011, 2013) • **ĐỌC
LẠI THẮT CHÂN NHÂN QUẢ** (2011, 2013) • **ĐIỂM TỰA TÂM LINH** (2011, 2012)
• **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU** (2011) • **MỘT
GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI** (2011) • **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC** (2011, 2013) •
TU CỨU CỬU HUYỀN THẮT TỔ (2012, 2013) • **CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ
1928-1950 / Caodaism under Persecution in Central Vietnam 1928-1950**
(2012) • **BẮC CẦU TÂM LINH** (2012, 2013) • **HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN** (2012,
2013) • **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY** (1995, 2013) • **DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN** (2013)
• **HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY** (2014) • **PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY** (2014) •
HÀNH TRẠNG ĐỨC AN TRINH THẦN NỮ (2014) • **THIÊN BÀN TẠI NHÀ** (*The
God's Altar at Home*, 2014) • **NGŨ GIỚI CẤM XƯA VÀ NAY** (*The Five
Precepts Past and Present*, 2014) • **VẠN HẠNH THIÊN SƯ XƯA VÀ NAY** (2014)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI *kết tập*

VẠN HẠNH THIÊN SƯ
XƯA VÀ NAY

IN LẦN THỨ NHẤT

Nhà xuất bản **TÔN GIÁO**
Hà Nội 2014



Ấn tổng lần thứ nhất năm ngàn quyển do:
quý môn sanh Chiêu Minh (**LONG VÂN ĐÀN**, Mỹ Tho)
chung tay công quả **36,5 triệu** đồng;
và quý môn sanh Cao Đài (HT Ban Chính Đạo) thuộc
GIA TỘC họ PHẠM (Long An), công quả **8,5 triệu** đồng.

Kính nguyện hồi hướng cho quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoằng dương,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đẳng bị nạn.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện. Trân trọng kính mời Quý vị liên hệ với **thánh thất Bàn Sen**, hoặc các điểm phát hành của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biểu).

Kinh sách được ấn tổng để kính biểu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của Quý vị.

BAN ÁN TỔNG

PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ MẠNH THƯỜNG QUÂN

MÔN SANH CHIẾU MINH LONG VÂN ĐÀN (MỸ THO)

01	ĐT NGỌC NHI. Gởi đợt 82.	10.000.000
02	Đạo hữu NGỘ THANH TÂM. Gởi đợt 85.	6.000.000
03	Chơn linh ĐH PHẠM VĂN TỐ. Trích đợt 83.	20.500.000

MÔN SANH CAO ĐÀI HỘI THÁNH BAN CHÍNH ĐẠO THUỘC GIA TỘC HỌ PHẠM (LONG AN)

04	ĐH MAI XUÂN NAM: Chung cư Botanic, Nguyễn Thượng Hiền, Phú Nhuận. Gởi đợt 85.	500.000
05	ĐT NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM (TT Long Phú). Gởi đợt 84.	500.000
06	ĐT NGUYỄN THỊ MINH GIANG (TT Long Phú). Gởi đợt 74, 79, 85.	1.000.000
07	ĐT NGUYỄN THỊ MUN (TT Nhựt Chánh): Gởi đợt 67, 85.	1.000.000
08	ĐT NGUYỄN THÚY HẰNG (TT Long Phú). Gởi đợt 77.	1.000.000
09	ĐH PHẠM CÔNG BÌNH (TT Long Phú). Gởi đợt 84.	500.000
10	Cháu PHẠM GIA HƯNG (TT Long Phú). Gởi đợt 81, 84.	1.000.000
11	Cháu PHẠM NHỰT TRƯỜNG (TT Long Phú). Gởi đợt 87.	500.000
12	ĐH PHẠM THANH LONG (TT Long Phú). Gởi đợt 81, 84.	1.000.000
13	ĐT PHẠM THỊ CHUYỂN (TT Long Phú). Hồi hướng ông nội (ĐH Phạm Văn Ky, Phó Hội Trưởng TT Phước Đông, Cần Đức, Long An). Gởi đợt 87.	500.000
14	ĐH PHẠM VĂN TRON (TT Long Phú). Gởi đợt 64.	500.000
15	ĐH PHAN THÀNH TÂM (TT Long Phú): Bến Lức. Gởi đợt 85.	500.000

Tổng cộng: **45.000.000 đồng**

MỤC LỤC

Giao cảm	7
Phụ bản	8A, 8B, 8C, 8D

HÀNH TRẠNG ĐỨC VẠN HẠNH THIÊN SƯ	
Lê Anh Minh	11

THÁNH GIÁO ĐỨC VẠN HẠNH THIÊN SƯ

1. VIỆT NAM HỮU PHÚC TRONG HỒNG ÂN THƯỢNG ĐẾ	19
2. TÔN GIÁO LÀ CÁI GÌ?	26
3. NIÊN ĐĂNG CÔ PHẬT LÀ GÌ?	42
4. CHÂN HẠNH PHÚC NGƯỜI TU	52
5. TAM GIÁO QUY NGUYÊN	67
6. PHÂN BIỆT GIẢ CHÂN, LỘC LỪA HƯ THẬT	79
7. HAI TIẾNG TU HÀNH	85
8. TỪ TAM GIÁO, TỬ GIÁO, TỚI VẠN GIÁO ĐỒNG NGUYÊN	100
9. LỄ SỐNG VÀ LỄ CHẾT	114
10. HỘI THÁNH LÀ GÌ?	125
11. HÃY BIỂU LỘ VÀ CHỨNG MINH CHÂN GIÁ TRỊ NGƯỜI TU GIỮA CÔI ĐỜI GIẢ TẠM	133
12. Ý NGHĨA THẬT CỦA CHỮ ĐẠO	143

*Huệ Khải Lê Anh Dũng giữ bản quyền
© All Rights Reserved*

Giao cảm

Vì yêu văn chương, yêu cái mỹ miều của tiếng Việt giống nòi, thuở đôi mươi tôi nhờ hạnh ngộ thơ phú trong thánh thi Cao Đài mà rung động tự nhiên, mà dạt dào cảm xúc, để rồi tự nguyện xin làm đứa học trò áo trắng nhỏ nhút của Thầy của Mẹ.

Cũng cái thuở đôi mươi ấy, có lần tình cờ tôi đọc được những dòng thánh giáo sau đây:

Thời gian mãi trôi, dần theo năm tháng. Cuộc cờ kim cổ, thay đổi đổi thay. Có ai đếm mấy độ trăng tròn, bao lần nguyệt khuyết?

Sóng triều búa vực, móm đá rêu phong. Tuyết phủ trắng đầu non, rừng cây thay xác lá. Đếm thời gian mà độ lấy năm dài, cuộc đời vô thi vô chung.

Ngoảnh nhìn lại sau lưng, ngược trông về trước mắt. Quá khứ, tương lai dày đặc, buộc con người vào chính cái nó được đặt để.

Con người. Hai tiếng ấy vọng về trong sa mạc. Sa mạc hoang vu của vũ trụ, gió núi nắng lửa, bình sa lưu thủy⁽¹⁾ chấp chờn trong ảo giác.

⁽¹⁾ Bình sa 平沙: Bãi cát phẳng. Lưu thủy 流水: Nước chảy.

Thử đếm vạn lá ngô đồng rơi rụng,⁽²⁾ đếm ức hạt Hằng sa để hưng cái thời gian đã đi và đang đến.

Nào ai bình chúc dạ hành,⁽³⁾ kéo muội⁽⁴⁾ tánh hư linh trong đời người ngắn ngủi.

Nào ai đã tận dụng thời gian mà giật giành với tử thần, cho cuộc sống vẫn ghi hằng sống.

Nào những ai đứng lặng, ngắm trường giang mà hát câu nhứt mộ, hay vỗ mạn thuyền mà hát khúc yên ba, xem thế sự như vàng mây nổi.

Tất cả và tất cả hai chữ thời gian đã làm con người khắc khoải, rung động cả bộ óc ưu tư.

Tôi bàng hoàng sung sướng, bởi lẽ:

Những từ ngữ *nhứt mộ*, *yên ba* liền kéo lòng tôi về hai câu thơ của Thôi Hiệu mà tôi vẫn hằng mê thích: *Nhứt mộ hương quan hà xứ thị / Yên ba giang thượng sử nhân sầu*. Mười bốn chữ man mác nỗi niềm thiên cổ này từng được Tản Đà chuyển thành lục bát thần cú: *Quê hương khuất bóng hoàng hôn / Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai*.

Và thêm nữa, cái giọng văn đượm hơi hướm biển ngẫu

⁽²⁾ Ngô đồng 梧桐: Loại cây cho gỗ nhẹ mà chắc, dùng đóng đàn. Câu thơ thường được truyền tụng: *Ngô đồng nhất diệp lạc, thiên hạ cộng tri thu*. 梧桐一葉落, 天下共知秋. Một lá ngô đồng rụng, ai ai cũng biết là mùa thu sang.

⁽³⁾ Bình chúc dạ hành 秉燭夜行: Cầm đuốc đi đêm.

⁽⁴⁾ Muội 昧: Làm cho mờ tối, u mê, hôn ám.

cổ kính (*Sóng triều bủa vực, mỏm đá rêu phong. Tuyết phủ trắng đầu non, rừng cây thay xác lá.*) lại mang mặc lẫm nét tu từ hiện đại (*Con người. Hai tiếng ấy vọng về trong sa mạc. / Tất cả và tất cả hai chữ thời gian...*).

Những dòng thánh giáo bay bướm, mượt mà ấy chính là của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư. Lần đầu tiên tôi được hâm thưởng thơ văn của Ngài nhờ có bộ *Đạo Học Chỉ Nam* do các đàn cơ tại Minh Lý Thánh Hội thông công tiếp diễn.

Một vị Thiền Sư đầy huyền thoại của lịch sử dân tộc cuối Lê đầu Lý xa xưa đã trở về với cháu con Hồng Lạc những năm non nước điêu linh gần cuối thế kỷ Hai Mươi, mượn ngọn cơ mầu nhiệm há đâu chỉ để tung hoành chữ nghĩa cho phi chí với văn thơ. Mà chính vì thọ nhận sứ vụ thiêng liêng với Ngọc Hư Cung, với Công Đồng Tam Giáo trong cơ cứu độ Kỳ Ba nên Đức Thiền Sư mới lâm trần truyền ban đạo lý thượng thừa.

Đặc điểm thánh giáo của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư là nét diễm lệ làm say mê những ai có lòng mến mộ văn chương, yêu quý tiếng mẹ Trời dành. Đồng thời ngôn từ như gấm thêu hoa rực rỡ lại kết châu đính ngọc lung linh ấy cốt yếu chở chuyên chân lý giải thoát giúp cho những phận người đang thiết tha, khao khát muốn tháo thân khỏi tấm lưới trần bủa giăng giăng bủa. Là một Thiền Sư, nên thánh giáo của Ngài thường chở chuyên không ít những thuật ngữ nhà Phật đa nghĩa ẩn vi. Điều này khiến cho thánh giáo Đức Thiền Sư vừa quyến rũ vừa huyền thâm, khiến người học đạo phải nghiền ngẫm suy tư, tham bác miệt mài mà không

thôi nom nóp rằng vẫn còn sơ sót nên ngộ nhận, lệch sai!

Phần chú thích các bài thánh giáo của Đức Thiền Sư trong tập này vì thể rất mong được quý bạn đạo thanh khí gần xa hoan hỷ cảm thông và lượng thứ cho tất cả những gì chưa đúng theo sở nguyện.

Mười hai bài thánh giáo của Đức Vạn Hạnh Thiền Sư giảng cơ tại Sài Gòn, Vĩnh Long trong các năm 1969, 1970, 1971, 1973 trích lục trong tập sách này giúp chúng ta biết được phần nào về Đức Thiền Sư *ngày nay* thời Tam Kỳ Phổ Độ. Để tìm hiểu ít nhiều về Đức Thiền Sư *ngày xưa* thời Nhị Kỳ Phổ Độ, tôi in vào đây bài *Hành Trạng Đức Vạn Hạnh Thiền Sư* của bào đệ Lê Anh Minh. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn bào đệ đã dành nhiều thời gian duyệt lại tất cả các chú thích của tôi trong tập sách.

Tôi chân thành cảm tạ và tri ân quý vị Mạnh Thường Quân đã chung tay ấn tống tập sách này, trợ duyên cho tôi thêm cơ hội được diễm phúc góp phần nhỏ bé vào công cuộc quảng truyền giáo lý Đại Đạo Kỳ Ba.

Kính thành cầu nguyện Đức Chí Tôn và Đức Thiền Sư ban ơn lành đến quý vị Mạnh Thường Quân và cửu huyền thất tổ quý ân nhân của chúng con.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam mô Vạn Hạnh Thiền Sư.

Phú Nhuận, 23-5-2014

Huệ Khải

HÀNH TRẠNG ĐỨC VẠN HẠNH THIÊN SƯ

LÊ ANH MINH

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư 萬行禪師 là Tô đời thứ mười hai dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi (*Vinītaruci*). Ngài vốn là người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang, phủ Thiên Đức (nay là thôn Đại Đình, xã Tân Hồng, thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh).

Có sách ghi ngài họ Lý, hoặc họ Nguyễn, nhưng không biết tên thật. Năm sinh, năm mất của ngài đều chưa rõ; có sách ghi ?-1018; hoặc ghi 938-1025...

Ngài thông minh khác thường, học thông Tam Giáo, bách gia chư tử, coi thường công danh phú quý.

Năm hai mươi một tuổi, ngài xuất gia ở chùa Lục Tổ, cùng với Định Huệ học đạo nơi Thiền Ông. Chùa Lục Tổ nay ở làng Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Ngài siêng năng học tập không biết mệt. Sau khi Thiền Ông mất, ngài chuyên tu tập pháp tổng trì tam muội⁽¹⁾ nên có thần thông; nói ra điều gì thì thiên hạ đều cho là lời sấm

⁽¹⁾ Tổng trì tam muội (tam ma địa): *Tổng trì* nắm giữ được tất cả, không để cho rơi rụng. *Tam muội* hay *tam ma địa* (*samādhi*) là trạng thái cực tĩnh lặng, tâm không bị tán loạn.

(có tính tiên tri). Vua Lê Đại Hành (trị vì 980-1005) rất tôn kính Thiền Sư.

Năm 980 nhà Tống sai Hầu Nhân Bảo đem quân xâm lược nước Nam, đóng quân ở gò Tử Cương, núi Giáp Lăng. Vua mời ngài đến hỏi tình hình sẽ thắng bại thế nào. Thiền Sư bảo trong khoảng từ ba tới bảy ngày thì giặc phải lui. Kết cục quả đúng như thế.

Vua Lê muốn chinh phạt Chiêm Thành, nhưng còn trù trừ vì muốn hội ý triều thần; Thiền Sư bèn khuyên mau tiến quân. Vua nghe theo và toàn thắng.

Có kẻ gian là Đỗ Ngân muốn ám hại Thiền Sư. Ngài đoán biết, nên gửi cho y một bài kệ:

*Thổ Mộc tương sinh Cấn bạn Kim
Vị hà mưu ngã uẩn linh khâm?
Đương thì ngũ khẩu thu tâm tuyệt
Trực chí vị lai bất hận tâm.*

土木相生艮畔金
爲何謀我蘊靈襟?
當時五口秋心絕
直至未來不恨心。

(Thổ và Mộc sinh ra nhau, Cấn đứng liền với Kim, Có sao lại chắt chứa trong lòng mưu mô hại ta? Lúc bấy giờ lòng ta buồn bã vô cùng, Nhưng về sau thì chẳng còn để bụng oán giận.)

Ngô Đức Thọ dịch thơ:

*Thổ Mộc sinh ra Cấn cạnh Sâm (Kim)
Thù ta toan định sẵn mưu ngầm
Tặng này biết chuyện lòng buồn dứt
Cả đến mai sau chẳng oán thâm.*

Câu đầu bài thơ là cách chiết tự họ tên Đỗ Ngân:

Thổ 土 + Mộc 木 là Đỗ 杜.

Cấn 艮 + Kim 金 là Ngân 銀.

Thầy Thiên Sư biết rõ âm mưu rồi, lại còn nêu đích danh tánh, nên Đỗ Ngân sợ hãi, không dám hãm hại ngài nữa.

Vua Lê Long Đĩnh (trị vì 1005-1009) làm nhiều tội ác tàn độc, dân chúng oán hận. Lý Công Uẩn lúc ấy còn giữ chức Tả Thân Vệ Điện Tiền Chỉ Huy Sứ 左親衛殿前指揮使.⁽²⁾ Bây giờ nhiều điềm lạ xuất hiện các nơi.

Thiên Sư phân tích lý giải các điềm lạ này, và cho rằng đó là điềm nhà Lê sắp đổ, nhà Lý lên thay. Ngài yết bảng ở các ngã đường:

蒺藜沉北水
李子樹南天
四方戈杆靜
八表賀平安。

⁽²⁾ Hữu Thân Vệ Điện Tiền Chỉ Huy Sứ là Nguyễn Đê, con trưởng của Định Quốc Công Nguyễn Bặc.

Tật lê trầm Bắc thủy

Lý tử thụ Nam thiên

Tứ phương qua can tĩnh

Bát biểu hạ bình yên.

(Cây tật lê chìm xuống biển Bắc

Cây mạn mọc lên ở trời Nam

[Ấy là lúc] bốn phương dứt binh lửa

Tám cõi mừng chúc cảnh thái bình.)

Ngô Đức Thọ dịch thơ:

Tật lê chìm biển Bắc

Cây lý mọc trời Nam

Bốn phương binh đao lặng

Tám hướng chúc bình an.

Câu đầu nói *tật lê* để ám chỉ triều Lê 黎 sẽ mất (chìm xuống biển); lại nói *biển Bắc* vì tật lê là một loại thuốc Bắc (tức cây thuốc Trung Quốc).⁽³⁾

⁽³⁾ Tật lê hay bạch tật lê 白蒺藜, tật lê trắng (danh pháp Latin: *fructus tribuli*; tiếng Anh: *caltrop fruit*, *puncture-vine fruit*, *tribulus*) là một loại cây thuốc Trung Quốc, trị bệnh nhức đầu, chóng mặt, hoa mắt, kinh nguyệt không đều, đau mắt đỏ, ngứa ngoài da, bạch biến.

(*Chinese individual herbs, fructus tribuli, treats headache, vertigo, dizziness, irregular menstruation, red and painful eyes, itching skin lesions and vitiligo.*)

[www.americandragon.com/Individualherbsupdate/Bai\(Ci\)JiLi.html](http://www.americandragon.com/Individualherbsupdate/Bai(Ci)JiLi.html).

Câu sau nói *lý tử* 李子 là cây mận, để ám chỉ người họ Lý 李, tức Lý Công Uẩn sẽ thay nhà Lê làm vua phương Nam (*Nam thiên*: trời Nam).

Lại có sách chép rằng vào năm 1009 cây gạo cổ kính làng Diên Uẩn bị sét đánh. Tại chỗ sét đánh trên thân cây hiện ra tám câu sấm, tương truyền do Thiên Sư Vạn Hạnh sắp đặt để dọn đường cho Lý Công Uẩn lên ngôi vua. Hai câu 3-4 của bài sấm là:

Hòa đao mộc lạc 禾刀木落 (Lúa đao gỗ rụng)

Thập bát tử thành 十八子成 (Mười tám con thành)

Câu 3: *Hòa* 禾 + *đao* 刀 + *mộc* 木 là Lê 梨 (trái lê). *Lạc* là rụng mất. Lê 梨 đồng âm với Lê 黎 (họ Lê, nhà Lê), ám chỉ nhà Tiền Lê sẽ mất ngôi vua.

Câu 4: *Thập* 十 + *bát* 八 + *tử* 子 là Lý 李. *Thành* là thành tựu, thành công. Ý nói Lý Công Uẩn sẽ lên làm vua.

Sau này Lý Công Uẩn lên ngôi, tức vua Lý Thái Tổ (trị vì 1010-1028). Vua tôn Vạn Hạnh làm Quốc Sư.

Ngày rằm tháng 5 niên hiệu Thuận Thiên thứ chín đời Lý Thái Tổ (30-6-1018), Quốc Sư gọi đệ tử lại dặn dò, đọc bài kệ rời viên tịch:

身如電影有還無
萬木春榮秋又枯
任運盛衰無怖畏
盛衰如露草頭鋪。

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.*

(Người đời như tia chớp, có rồi lại không
Như cây cối, mùa xuân tốt tươi, mùa thu khô héo
Mặc cho vận đời dù thịnh hay suy, đừng sợ hãi
Vì sự thịnh suy [mong manh] như sương đeo ngọn cỏ.)

Ngô Tất Tố (1894-1954) dịch thơ:

*Thân như bóng chớp, có rồi không
Cây cối xuân tươi, thu nào nùng
Mặc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi
Kìa kìa ngọn cỏ giọt sương đông.*

Vua Lý Thái Tổ cùng triều thần làm lễ trà tỳ (hỏa táng), rồi cung thỉnh xá lợi của Thiên Sư thờ phụng tại chùa Tiêu.

Ngày 15-5 âm lịch hàng năm tại chùa Tiêu đều tổ chức lễ giỗ Quốc Sư Vạn Hạnh.

Cát ở lưng chừng núi Tiêu cây cối u tịch, ngày nay chùa Tiêu (Thiên Tâm Tự) thuộc xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Xã Tương Giang ở về phía Đông Bắc thị xã Từ Sơn, cách Hà Nội hai mươi hai cây số về phía Đông Bắc, cách thành phố Bắc Ninh chín cây số về phía Tây Nam, nằm trên tuyến quốc lộ 1A cũ (nay là tỉnh lộ 295B) và tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn.

Trong chùa Tiêu ngày nay có đắp tượng Quốc Sư cảm
tích tượng,⁽⁴⁾ mô phỏng theo bài kệ vua Lý Nhân Tông (trị
vì 1072-1127) truy tặng Quốc Sư:

萬行融三際
真符古識機
鄉關名古法
拄錫鎮王畿

*Vạn Hạnh dung tam tế
Chân phù cổ sấm kỳ (cơ)
Hương quan danh Cổ Pháp
Trụ tích trấn vương kỳ.*

Ngô Đức Thọ dịch thơ:

*Vạn Hạnh thông ba cõi
Lời sư nghiệm sấm thi
Từ làng quê Cổ Pháp
Chống gậy trấn kinh kỳ.*

LÊ ANH MINH
06-4-2014



Ảnh do Minh Lý Đạo tặng

Minh Lý Đạo: nơi Đức Vạn Hạnh Thiền Sư lâm đàn dạy đạo.

⁽⁴⁾ Xem phụ bản màu, tr. 8B, 8C, 8D.

VIỆT NAM HỮU PHÚC TRONG HỒNG ÂN THƯỢNG ĐẾ

Minh Lý Thánh Hội

Tuất thời, 09-4 Kỷ Dậu (Thứ Bảy 24-5-1969)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Pháp đàn: Huỳnh Chơn.

VẠN HẠNH THIÊN SƯ

Bản Tăng chào chư Thiên mạng, chư đạo hữu lưỡng phái.

(...) Bản Tăng cùng chư đạo hữu đàm luận một vài câu đạo lý để cùng làm thức ăn tinh thần cho người chí tâm mộ đạo.⁽¹⁾ Bản Tăng mời chư đạo hữu đồng đăng tọa thiền.

Suốt một đời người, thử xét kỹ, có bao nhiêu bậc thánh hiền, vĩ nhân, quân tử. Nhìn lại chính bản thân cũng chưa thấy gì là toại nguyện trong kiếp phù sinh.⁽²⁾ Nhưng người đời vẫn sống với cái sống quen thuộc đã mang mặc từ ngoại cảnh vật chất hữu hình chi phối, nên tâm linh bị mờ

⁽¹⁾ **Chí tâm** 至心: Dốc trọn lòng, hết lòng (*heartily, with all one's heart*). **Mộ đạo** 慕道: Yêu mến đạo lý, tín ngưỡng (*to love faith*).

⁽²⁾ **Phù sinh** (sanh) 浮生: Kiếp sống trôi nổi, bấp bênh, tạm bợ (*ephemeral floating life*).

tối, tánh hải⁽³⁾ bị xao động. Các vọng thức⁽⁴⁾ sóng dậy dẫn dắt con người đi vào cõi mộng lung mờ ảo để lục thức⁽⁵⁾ tung hoành trong dục giới. Mọi sự kiện của thế gian đã trùm phủ lên con người nguyên nhân của Thượng Đế.⁽⁶⁾ Khi tách rời bên mê ngược dòng khổ hải muôn lượn trùng ba,⁽⁷⁾ con người mới tự thấy cảnh hải hùng đau khổ trước

⁽³⁾ **Tánh** (tính) **hải** 性海: Biển tánh, ý nói chân tánh (thật tánh) sâu rộng như biển. Bài kệ của Thiên Sư Nam Nhạc Huệ Tư 南嶽慧思 (515-577) trước khi viên tịch mở đầu như sau: *Đạo nguyên bất viễn / Tánh hải phi điều (dao) ... 道源不遠 / 性海非遙... Nguồn Đạo chẳng xa / Biển tánh rất gần...*

⁽⁴⁾ **Vọng thức** 妄識: Cái biết sai trái (*wrong consciousness*).

⁽⁵⁾ **Lục thức** 六識: Sáu cái biết (*the six consciousness*) là chức năng của sáu cơ quan (lục căn 六根: *the six organs*) trong thân người. Do mắt thấy mà có nhãn thức 眼識 (cái biết của mắt). Do tai nghe mà có nhĩ thức 耳識 (cái biết của tai). Do mũi ngửi mà có tỷ thức 鼻識 (cái biết của mũi). Do lưỡi nếm mà có thiệt thức 舌識 (cái biết của lưỡi). Do da thịt đụng chạm sinh cảm giác mà có thân thức 身識 (cái biết của thân). Do ý tiếp xúc tư tưởng, sinh nghĩ suy mà có ý thức 意識 (cái biết của ý). Thí dụ, mắt nhìn thấy người khác giàu sang rồi sinh lòng ham muốn, thèm khát. Không được điều chỉnh, lòng tham đó tăng trưởng đến mức nào đó sẽ khiến con người phạm tội là cướp bóc, tham nhũng... Đó là ý nghĩa lời Thiên Sư: “*tung hoành trong dục giới*”.

⁽⁶⁾ **Con người nguyên nhân của Thượng Đế:** Con người vốn là bậc nguyên nhân 原人 từ cõi trời được Thượng Đế phái xuống cõi trần.

⁽⁷⁾ **Khổ hải** 苦海: Biển khổ (*the sea of suffering*), ám chỉ cõi

mắt, muốn vùng vẫy vươn lên thoát ra ngoài vòng cương tỏa⁽⁸⁾ cũng phải lăm phen kiên tâm bền chí chịu đựng thiên ma vạn khảo⁽⁹⁾ mới quay được con thuyền trở về bến giác.

Than ôi! Phù sinh một kiếp ai đã chắc trăm năm! Dù có trăm năm chẳng nữa, ai đã thấy cảnh thiên đường cực lạc để cho kiếp sống được hạnh phúc vinh quang, hay là chỉ thấy những việc khổ đau, những điều tráo chác lẩn quẩn loanh quanh trong bả⁽¹⁰⁾ lợi danh vinh nhục. Rốt cuộc, tay trắng buổi sơ sinh đến phút cuối cùng vẫn hoàn đôi tay trắng. Nhìn lại cõi âm u mờ mịt duyên nghiệp đeo đẳng luân hồi, độ nào là vương bá công hầu, nay bỗng bần cùng hạ tiện. Cuộc đời là thế, vô thủy vô chung.

Nhưng người không nên lấy đó để làm liều, mà phải tự mình tìm nguyên nhân xuất phát của mình do ở nơi đâu.

đời. Khổ hải muôn lượn trùng ba (*Khổ hải vạn trùng ba 苦海萬重波*): (Cuộc đời ví như) biển khổ với muôn lượn sóng liên tiếp, dập dồn làm con người chìm đắm.

⁽⁸⁾ **Cương tỏa** 纏鎖: Bó buộc, trói buộc, ràng buộc (*to be tied to*).

⁽⁹⁾ **Thiên ma vạn khảo** 千魔萬考: Vô vàn những trở ngại, thử thách để khảo sát, kiểm chứng trình độ người tu hành (*myriads of challenges to test those who are cultivating themselves*). **Ma**: Chướng ngại trên đường tu (ma chướng 魔障). **Khảo**: Sự xem xét, kiểm tra, kiểm chứng (*examination, test, verification*).

⁽¹⁰⁾ **Bả**: Mồi độc để nhử (*poison bait*). **Bả lợi danh** (*baits of profit and fame*): Danh lợi cám dỗ con người phạm lỗi, trái đạo lý, mất nhân phẩm... nên danh lợi giống như mồi độc giết người.

Nào những bậc đa văn quảng kiến,⁽¹¹⁾ bác học triết nhân⁽¹²⁾ có tìm đặng cái điểm khởi đầu của chính mình mới biết được con đường vị lai⁽¹³⁾ và hiện tại.

Ôi! Đạo lý tối đại, không thể nghĩ bàn.⁽¹⁴⁾ Chỉ có một điều rất dễ cho mọi người là muốn tìm đạo lý, phải tìm ở chính bản thân trước nhất. Tâm thức⁽¹⁵⁾ phải sáng ngời để mọi linh cảm được thông công⁽¹⁶⁾ cùng thiên không⁽¹⁷⁾ vũ trụ. Biết nhìn chỗ tối chỗ sáng, biết chọn việc dữ việc lành, biết nẻo tà nẻo chánh, biết cơ⁽¹⁸⁾ nguy vong, biết thời thành tựu. Có như thế thì mới gọi là tu.

⁽¹¹⁾ **Đa văn quảng kiến** 多聞廣見: Nghe nhiều thấy rộng (*vast knowledge*).

⁽¹²⁾ **Bác học** 博學: Người học rộng (*erudite man*). **Triết nhân** 哲人: Người hiền, trí tuệ cao tột (*sage*).

⁽¹³⁾ **Vị lai** 未來: Chưa tới, tương lai (*future*).

⁽¹⁴⁾ **Không thể nghĩ bàn** (*bất khả tư nghị 不可思議*): Không thể nào suy nghĩ và bàn luận cho được (*inconceivable and undiscussable*), vì vượt ngoài khả năng lý trí. Thành ngữ này dùng để tả cái tuyệt đối (*the absolute*), chỉ có ai đã giác ngộ mới thấu suốt.

⁽¹⁵⁾ **Tâm thức** 心識: ① Cái biết của tâm (*mental perception, mental cognition, mind consciousness*). ② Tâm và thức: Hai từ đồng nghĩa, hiểu như là tâm. Trong bài thánh giáo này nên hiểu theo nghĩa thứ hai.

⁽¹⁶⁾ **Thông công**: Liên lạc, tiếp xúc với (*to communicate with*).

⁽¹⁷⁾ **Thiên không** 天空: Bầu trời (*sky*).

⁽¹⁸⁾ **Cơ** 幾: Cái điểm, dấu hiệu nhỏ nhất báo trước (*the minutest sign*).

Bản Tăng lúc sinh thời, chắc có lẽ chư đạo hữu nơi đây cũng đọc qua vài trang lịch sử nước nhà, và hiểu Bản Tăng qua một vài nét đại cương trong sự tu hành đặc đạo.

Đến thời kỳ này, Việt Nam hữu phúc, Đức Thượng Đế chan rưới hồng ân,⁽¹⁹⁾ ban huyền linh phép lạ cho đến thế gian để nhân sinh được thấu triệt⁽²⁰⁾ cơ⁽²¹⁾ huyền nhiệm đất trời, sống trở lại cuộc đời thánh đức, hòa hợp Thiên Liêng để tiến hóa lên bầu trời thanh thoát. Cũng chính thời kỳ này, dân tộc Việt Nam đang gặp hồi quốc phá gia vong,⁽²²⁾ điều linh thống khổ.⁽²³⁾ Mấy mươi năm tao loạn,⁽²⁴⁾ cốt nhục tương tàn,⁽²⁵⁾ nếu không có sự cứu vãn của Thượng Đế, Bản Tăng nói cho chư đạo hữu được rõ, là sẽ không còn mảnh đất để dung thân khi toàn dân chẳng chịu hồi đầu hướng thiện.⁽²⁶⁾

⁽¹⁹⁾ **Hồng ân** 洪恩: Ôn huệ to tát (*great grace, great favour*).

⁽²⁰⁾ **Thấu triệt** 透徹: Thông suốt, hiểu rõ hết (*to understand thoroughly*). Thấu và triệt cùng nghĩa.

⁽²¹⁾ **Cơ** 機: Bộ máy, guồng máy vận hành (*mechanism*).

⁽²²⁾ **Quốc phá gia vong** 國破家亡: Nước tan, nhà mất.

⁽²³⁾ **Điều linh** 凋零: Héo rụng (*withered*); suy bại, tàn tạ, xác xơ, rã rời (*decayed*). **Thống khổ** 痛苦: Đau khổ (*suffering*).

⁽²⁴⁾ **Tao loạn** 騷亂: Rối loạn, nhiễu nhương (*disturbance*).

⁽²⁵⁾ **Cốt nhục tương tàn** 骨肉相殘: Ruột thịt giết hại lẫn nhau (*close kindred slaughter one another*).

⁽²⁶⁾ **Hồi đầu hướng thiện** 回頭向善: Quay đầu lại đường thiện, trở lại nẻo lành (*to turn one's head, following the right way*).

Chư đạo hữu! Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hoát khai⁽²⁷⁾ không phải chỉ một dân tộc này thôi, mà chính là sự cứu cánh⁽²⁸⁾ chung cho nhân loại. Đường cộng nghiệp⁽²⁹⁾ lan tràn thế giới, chiến họa thiên tai. Bản Tăng khuyên những ai là người lãnh đạo, hướng đạo,⁽³⁰⁾ tín đồ, chí sĩ,⁽³¹⁾ đã mang truyền thống Rồng Tiên, hãy cố gắng thức tỉnh ngoi lên khỏi bờ vực thẳm, xem nhẹ mọi quỵến rũ hữu hình để vươn mình lên và gọi kêu mọi người đang chệnh choạng trong bóng tối của màn đêm. Ngày mai đây là ngày mà các khối dục vọng sẽ nổ bùng ra muôn mảnh vì sức va chạm lẫn nhau. Chừng đó, ai thánh ai phàm, ai người ai quý sẽ phân biệt được ngay trước luật công bình của thiên nhiên Tạo Hóa.

(...)

⁽²⁷⁾ **Hoát khai** 豁開: Mở rộng ra.

⁽²⁸⁾ **Cứu cánh** 究竟: **Cứu** là sau cùng; **cánh** là xong tất, hoàn thành. Người Trung Quốc dịch **Ba la mật đa** 波羅蜜多 (*paramita*) sang chữ Hán là **đáo bỉ ngạn** 到彼岸 (sang bờ bên kia, qua bờ giác), cũng dịch là **cứu cánh** 究竟. Thế nên hai chữ **cứu cánh** còn có nghĩa là cứu độ, cứu rỗi, giải thoát luân hồi sanh tử (*free from samsara*).

⁽²⁹⁾ **Cộng nghiệp** 共業: Cái nghiệp báo mà cả một tập thể phải cùng nhau chung trả (*collective karmic retribution*).

⁽³⁰⁾ **Hướng đạo** 向導: Người dẫn dắt đạo hữu (*those who lead their brethren*).

⁽³¹⁾ **Chí sĩ** 志士: Người có chí lớn, biết hy sinh lo việc nước, có lý tưởng và khí tiết (*person of ideals and integrity*).

Hồi chư đạo hữu!

THI

*Đạo ở nơi người chớ chẳng xa
Chánh tâm tu niệm thoát trần la ⁽¹⁾
Đón ngăn vọng thức khai minh lộ ⁽²⁾
Mới thấy chơn như ⁽³⁾ vượt ái hà. ⁽⁴⁾*

(...)

Bần Tăng già từ chư hiền hữu. Thăng.

⁽¹⁾ **Trần la** 塵羅: Lưới trần (*the world's net*). Trần gian như tấm lưới vây hãm con người trong bốn cái khổ (sanh, lão, bệnh, tử), khó thoát ra được.

⁽²⁾ **Khai minh lộ** 開明路: Mở ra con đường sáng, cũng như khai đạo, mở đạo.

⁽³⁾ **Chơn (chân) như** 真如: Bản thể chân thực tràn khắp vũ trụ, là nguồn gốc của muôn vật, bản thể của muôn vật. Thấy được chân như tức là giác ngộ, vượt ra khỏi thế giới nhị nguyên (*dualistic*), chứng được cái nhất thể (*oneness, unity*) của khách thể và chủ thể. Chân như đồng nghĩa với như lai tạng, như lai, như như, pháp thân, Phật tính, thực tướng, Thượng Đế tính, tự tánh... (Tiếng Anh có nhiều cách dịch, tạm chọn: *the true reality, suchness of existence...*)

⁽⁴⁾ **Ái hà** 愛河: Sông tình ái (*the river of love*). Tình yêu thương nam nữ làm người ta đắm chìm nên ví như sông nước. Có câu *Ái hà thiên xích lãng* 愛河千尺浪 (Sóng ở sông tình ái cao ngàn thước), ngụ ý sông tình ái có sóng dữ làm con người chìm đắm. Chữ *ái* này là một món trong thất tình, làm con người luân hồi.

Huệ Khai chú thích (21-5-2014)

TÔN GIÁO LÀ CÁI GÌ?

Minh Lý Thánh Hội

Tuất thời, 08-9 Kỷ Dậu (Thứ Bảy 18-10-1969)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Pháp đàn: Huỳnh Chơn. Đồng tử: Hoàng Mai.

THIỆN HẠNH ĐỒNG TỬ

Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng, ⁽⁵⁾ Thiên sắc. ⁽⁶⁾ Chào chư liệt vị ⁽⁷⁾ đàn tiền. ⁽⁸⁾ Vâng lệnh Đức Vạn Hạnh Thiển Sư đến báo đàn. Chư liệt vị kính lễ ⁽⁹⁾ nghinh tiếp. Tiểu Thánh xin xuất ngoại ứng hầu. Thăng.

TIẾP ĐIỂN

⁽⁵⁾ **Thiên mạng** (mệnh) 天命: Bậc hướng đạo đang nhận lãnh sứ mạng của Trời giao phó là thế Thiên hành hóa 替天行化 (thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành).

⁽⁶⁾ **Thiên sắc** 天色: Thiên ân chức sắc.

⁽⁷⁾ **Liệt vị** 列位: Các ngài, các vị đang có mặt (*all of you present*).

⁽⁸⁾ **Đàn tiền** 壇前: [Có mặt] trước đàn cầu cơ (*present before the seance*).

⁽⁹⁾ **Kính lễ**: Tức là *kính lễ* 敬禮, cung kính chào đón (*to salute*). Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Kính 阮有鏡 (1650-1700) có công lớn mở mang đất nước về phương Nam. Dân miền Nam kiêng húy, đọc trại *Kính* thành *Kinh*.

VẠN HẠNH THIÊN SƯ

Chào chư Thiên mạng, chư đạo hữu đạo tràng.⁽¹⁰⁾

THI

*Tương giỏi điều hành vạn toán binh
Muôn dân trăm họ hướng theo mình
Người tu lấp lửng⁽¹¹⁾ khôn ngăn nổi
Lục dục, lục căn⁽¹²⁾ với thất tình.⁽¹³⁾*

(. . .)

Đàn hôm nay dành riêng cho chư đạo hữu đạo tràng một đề tài tu học để kiểm điểm và khắc phục nội tâm cho xứng

⁽¹⁰⁾ **Đạo tràng** (trường) 道場: Chỗ tu học, nơi sinh hoạt tôn giáo như chùa, thất, thánh đường, thiền viện, tu viện... (*religious institution, monastery*...).

⁽¹¹⁾ **Lấp lửng**: Không dứt khoát, không kiên quyết.

⁽¹²⁾ **Lục căn** 六根: Sáu căn (*the six senses*) gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân xác, ý nghĩ (*eyes, ears, nose, tongue, body, mind*). Đối tượng của lục căn là **lục trần** 六塵, gồm sắc 色 (hình tướng), thanh 聲 (âm thanh), hương 香 (mùi), vị 味, xúc 觸 (tiếp xúc với da thịt), pháp 法 (tư tưởng). Khi lục căn tiếp xúc với lục trần thì sinh ra sáu thứ ham muốn gọi là **lục dục** 六欲 (*the six desires*): Ham muốn do mắt nhìn sắc đẹp, do tai nghe âm thanh du dương, do mũi ngửi mùi thơm, do lưỡi nếm vị ngon, do thân xác được sung sướng, do ý được thỏa thích.

⁽¹³⁾ **Thất tình** 七情: Bảy tình cảm (*the seven emotionals*) là mừng (*hỷ 喜, joy*), giận (*nộ 怒, anger*), yêu (*ái 愛, affection*), ghét (*ố 惡, hatred*), buồn (*ai 哀, sorrow*), vui (*lạc 樂, cheerfulness*), sợ (*cụ 懼, fearfulness*).

với cương vị⁽¹⁴⁾ của người tu thân lập hạnh, học đòi theo đức tính của các Đấng Phật Tiên, Thánh Thần.

Vậy Bần Tăng mời chư đạo hữu đạo tràng đồng an tọa.

Chư đạo hữu! Thượng Đế vì nhân sinh đã phải đến trần gian nhiều lần mở nhiều tôn giáo, mượn nhiều hình thể, bày nhiều hình thức, xưng hô nhiều danh từ khác nhau⁽¹⁵⁾ để thích hợp với mọi hoàn cảnh, mọi phong tục tập quán, mọi ngôn ngữ, để tùy thời tùy thế độ rỗi⁽¹⁶⁾ nhơn sanh cái ác

⁽¹⁴⁾ **Cương vị** 崗位: Vị trí, nơi thi hành phận sự (*a post*).

⁽¹⁵⁾ **Thượng Đế vì nhân sinh đã phải đến trần gian nhiều lần mở nhiều tôn giáo, mượn nhiều hình thể, bày nhiều hình thức, xưng hô nhiều danh từ khác nhau**: ① Tại Long An Đàn (Sài Gòn), đêm 08-10 Kỷ Sửu (18-11-1939), Đức Chí Tôn dạy: Thích Ca xưa vốn Cao Đài / Cao Đài nay cũng Như Lai giáng trần. ② Tại Thiên Lý Đàn (Hòa Hưng), Tuất thời, 30-12 Giáp Thìn (01-02-1965), Đức Chí Tôn dạy: Xuống lên, lên xuống luân hồi / Đến tên Ngọc Đế mấy hồi đổi thay / Khi xưng Giáo Chủ Cao Đài / Khi xưng Thiên Chúa, khi khai Di Đà / Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha / Bao lần Khổng Mạnh cũng Già này đây.

⁽¹⁶⁾ **Độ rỗi**: Độ 渡 [度] là qua (sông), giúp người qua sông mê bề khổ. Rỗi là thông thả, không bị ràng buộc (*tự tại, tự do*). Con người lúc sống bị ràng buộc vào tham muốn, sân hận, si mê (ngu muội), vì thế gây tội lỗi rồi bị vướng vào tù ngục thế gian; chết đi linh hồn lại chịu đày đọa nơi địa ngục. Các chánh giáo dạy con người tu hành, như đưa chiếc thuyền chờ con người vượt qua biển khổ, giúp con người thoát khỏi tham sân si, khỏi phạm tội; nhờ thế, khi còn sống thì tâm hồn và cuộc đời được rỗi, lúc chết đi thì linh hồn cũng được rỗi, khỏi sa địa ngục. Độ

tùng thiện,⁽¹⁷⁾ xa lánh nẻo mị tà⁽¹⁸⁾ trở về đường chánh giáo.

Người thức thời hiểu đạo nhìn các hình thức tôn giáo, đạo giáo hành đạo có khác nhau không lấy chi làm lạ. Trong giới đó, thương hại thay cho những người còn nhận xét với phàm tâm phàm ý, với nhục nhãn,⁽¹⁹⁾ rồi lại bài bác, chỉ trích, xuyên tạc những hình thức hành đạo khác với tập quán của mình; do đó thể nhân trong cửa đạo thường mắc phải chứng bệnh kỳ thị.⁽²⁰⁾ Đó là một trở ngại rất lớn trên bước đường tu thân lập hạnh.

Ví dụ một trường hợp rất mỉa mai và đau thương. Nếu đất nước này, dân tộc này khi chưa có một tôn giáo nào khai minh,⁽²¹⁾ người dân vẫn sẵn có tinh thần thương yêu nhau vì tình đồng chủng,⁽²²⁾ đồng quốc gia, thì tổ⁽²³⁾ dân

rồi cùng nghĩa như *cứu rồi*.

⁽¹⁷⁾ **Cải ác tùng** (tòng) **thiện** 改惡從善: Sửa đổi những gì không tốt, đi theo đường ngay chính (*correcting one's wrong deeds and following the right way*).

⁽¹⁸⁾ **Tà mị** 邪媚: Gian xảo và siểm nịnh (*dishonest and flattering*).

⁽¹⁹⁾ **Nhục nhãn** 肉眼: Mắt thịt, mắt phàm tục (*eyes of flesh*).

⁽²⁰⁾ **Kỳ thị** 歧視: Đối xử khác nhau, bên nể trọng bên khinh rẻ (*to discriminate*).

⁽²¹⁾ **Khai minh** 開明: Soi sáng (*to enlighten*).

⁽²²⁾ **Đồng chủng** 同種: Cùng dòng giống (*the same race*). **Đồng văn** 同文: Cùng chữ viết, ngôn ngữ (*the same script, the same language*).

tộc Việt. Nhưng đến khi có một tôn giáo, rồi nhiều tôn giáo khai minh, mỗi một nhóm dân Việt vào thọ giáo mỗi tôn giáo khác nhau. Vì sự nhận thức thiên cận⁽²⁴⁾ nảy sinh óc kỳ thị, từ đó bắt nguồn sự chia rẽ giữa những nhóm người trong các tôn giáo khác nhau, rất đỗi chỉ biết bên vực cho giáo thuyết giáo điều, cho các hình thức lễ bái hành đạo mà quên đi tình dân tộc nước non.

Than ôi! **Tôn giáo là cái gì?**⁽²⁵⁾ Phải chăng tôn giáo là phương hướng giáo thuyết để dạy đời nhìn thấy những gì thiêng liêng cao cả? Chẳng những chỉ ở phần tâm linh tối thượng, mà tôn giáo còn dạy người đời xem nhau như tình ruột thịt, huynh đệ đại đồng, tuy khác nhau ở màu da sắc tóc nhưng cũng đồng thọ bầm⁽²⁶⁾ đức háo sanh dưỡng dục

⁽²³⁾ **Thỉ (thủy) tổ** 始祖: Ông tổ đầu tiên (*primogenitor*).

⁽²⁴⁾ **Thiên cận** 淺近: Nông cạn, hời hợt, không sâu xa (*narrow-minded and superficial*).

⁽²⁵⁾ **Tôn giáo là cái gì?** Lưu ý, ở đây Đức Thiên Sư không hỏi *Tôn giáo là gì?* Chủ đích thánh giáo này không nhằm giải thích ý nghĩa thuật ngữ tôn giáo. Ngài hỏi *Tôn giáo là cái gì?* Chữ **cái** được dùng mang tính tu từ (*retorical*), để biểu thị ý nhấn mạnh về sắc thái chơn chánh của tôn giáo mà Ngài nêu lên để cho thấy rất tương phản với thực trạng là con người vì trót hiểu sai về tôn giáo đi đến hậu quả là kỳ thị tôn giáo, độc tôn đạo của mình và coi rẻ đạo người khác. Thế gian vì khác tôn giáo mà gây tranh chấp, chiến tranh (quả là sai lầm) trong khi đúng lý ra phải từ đức tin tôn giáo mà hợp sức kết đoàn để chung tay xây đắp xã hội thương yêu, bác ái, hòa hiệp, hòa bình.

⁽²⁶⁾ **Thọ bầm**: *Bầm thụ* (thọ) 稟受, tự nhiên có được tính chất nào đó chứ không do tập luyện (*to be endowed with something*).

an bài của luật đương nhiên Tạo Hóa.

Tôn giáo dạy người phải lấy tình thương yêu hòa ái từ xã hội rất nhỏ như gia đình, phu phụ, phụ tử, huynh đệ, bằng hữu, đến một xã hội bực trung là đoàn thể, quốc gia, dân tộc và chí đến nữa là đại xã hội nhân loại đại đồng.

Xã hội nhỏ có thương yêu hòa ái thì gia đình được hạnh phúc, phụ tử tử hiếu, huynh hữu đệ cung.⁽²⁷⁾

Một xã hội bực trung có thương yêu hòa ái thì đoàn thể được phát triển, nảy nở mau lẹ trong sự điều dắt, giáo dục, bảo vệ cho nhau.

Một quốc gia, toàn thể dân trong nước đó từ vua quan cho đến lê thứ, dân dã cùng đinh mà biết thương yêu hòa ái thì quốc gia đó được thịnh trị, dân tộc đó được phú túc, sung mãn, hùng cường.

Nếu đại xã hội nhân loại đại đồng biết thương yêu hòa ái nhau thì đại xã hội đó là một thiên đường cực lạc tại thế gian.

Bởi chung con người không nhận thức được cái lý đó, chỉ nhìn sự kiện với óc thiên cận là trái ngược lại đạo lý, cũng như những người hành giáo⁽²⁸⁾ nhận thức giáo lý thiên cận như thế, nên đã làm sai lạc tôn chỉ cao quý của tôn giáo. Đó là mầm đau khổ cho nhân loại.

⁽²⁷⁾ **Huynh hữu đệ cung** 兄友弟恭: Anh chị em hòa ái, tôn kính nhau (*loving, friendly and respectful siblings*).

⁽²⁸⁾ **Người hành giáo** 行教之人: Người tu hành (*religious practitioner*).

Đáng lý con người đã sẵn có tình quốc gia dân tộc, thêm được giáo lý đạo đức, biết dung hợp⁽²⁹⁾ như gắm thêm hoa, đàng này trái lại.

Xuyên qua sự thể ấy, thử tìm xem nguồn gốc do đâu nảy sanh, nếu không phải là bức màn vô minh⁽³⁰⁾ mà Đức Phật thường hay dùng để chỉ con người tội lỗi.

Phật chỉ rõ, mọi điều tội lỗi, độc ác, sa đọa đều do bức màn vô minh che lấp nguon thần. Sự nhận thức của con người không phân biệt được cái nào là chơn là giả, điều nào là thiệt là hư, cũng đều do bức màn vô minh ngăn cách giữa con người và chân lý. Con người thường nhận xét các sự vật qua nhãn quan và óc chủ quan của mình,⁽³¹⁾ nên thường bị thất tình lục dục gạt gẫm, đánh lừa.

Thánh xưa cũng vẫn có thất tình lục dục như người thời nay, nhưng Thánh xưa biết sử dụng, điều khiển những thất tình lục dục ấy đúng chỗ, đúng lúc và hợp hoàn cảnh.

Thánh xưa vui với cái vui nội tâm thích hợp đạo lý, giận với cái giận của bực siêu nhân, thương với lòng thương của

⁽²⁹⁾ **Dung hợp** 融合: Bao dung, hòa hợp những chỗ khác nhau.

⁽³⁰⁾ **Vô minh** 無明: Ngu dốt, tối tăm, không hiểu biết (*ignorant*).

⁽³¹⁾ Bởi vậy, Đức Phật dạy thực hành Bát Chánh Đạo, trong đó có *chánh kiến* (*right views*: thấy đúng), *chánh tư duy* (*right thinking*: suy nghĩ đúng), *chánh niệm* (*right mindfulness*: giữ tâm ý luôn luôn ghi nhớ những điều chơn chánh), *chánh định* (*right meditation*: tập trung tư tưởng vào những điều chơn chánh, lợi ích cho mình và người).

hàng thánh thiện, sợ với cái sợ của bậc trí tri,⁽³²⁾ yêu với tình yêu của Đấng Tạo Hóa, ghét với cái ghét của bậc hiền nhân, muốn với lòng ham muốn của người đạo đức. Như thế mới gọi là mừng, vui, giận, ghét, yêu, sợ, muốn của bậc siêu nhân.

Mừng là tự thấy mình có ý nghĩ, lời nói và hành động có tác dụng vào sự tế nhân lợi vật.⁽³³⁾

Vui là vui vì đã làm được những việc giúp đời.

Giận là giận khi thấy lòng chưa được thanh tịnh hoặc ý nghĩ, lời nói, việc làm không thuận Thiên hòa nhân, tự khắc kỷ⁽³⁴⁾ để tự hậu⁽³⁵⁾ không còn tái diễn.

Ghét là ghét những điều trái đạo lý, luân thường, nhân nghĩa mà không hề nghĩ đến, nhìn đến, nói đến và làm đến.

Sợ là sợ những hành động trái với đạo đức, trái với lòng Trời, chớ không phải sợ dư luận khen chê, tán tụng.

Có điều khiển, làm chủ, hướng dẫn được thất tình thì chúng nó sẽ ngoan ngoãn tuân theo rồi lần hồi trở thành

⁽³²⁾ **Trí tri** 致知: Hiểu rõ sự vật, biết cho rốt ráo, biết cho đến cùng tột (*to have an insight*).

⁽³³⁾ **Tế nhân lợi vật** 濟人利物: Giúp ích cho đời (*to help the world*).

⁽³⁴⁾ **Khắc kỷ** 克己: Kiểm chế bản thân, kỷ luật với chính mình (*self-restraint, to subdue one's self*), tức là khắc chế bản ngã, trừ khử lòng tự tư tự lợi.

⁽³⁵⁾ **Tự hậu** 自後: Từ nay về sau, sau này (*afterwards, henceforth*).

thói quen. Biết tận dụng điều khiển thất tình, chúng sẽ trở nên thất bửu là bảy món báu vô giá để làm tả phù hữu bật,⁽³⁶⁾ tiền xung hậu kích trước mọi cảnh ngộ đảo điên, và chúng sẽ giúp trở lại chủ nhơn ông⁽³⁷⁾ được trọn vẹn trên đường thánh thiện.

Còn qua lãnh vực lục dục, lục căn cũng thế. Hãy điều khiển, sai khiến chúng phải tuân theo, làm theo chủ nhơn ông. Cũng thời chúng nó, nếu chủ nhơn ông biết tận dụng, chúng sẽ trở nên hàng trung thần thân tín. Nếu ngược trở lại, không biết tận dụng, điều khiển chúng thì chúng sẽ trở nên đám nghịch thần phá hoại, ngăn cản mọi bước tiến trên đường thánh thiện.

Lục dục, lục căn biết luyện thì chúng sẽ trở nên lục thông,⁽³⁸⁾ đưa chủ nhơn ông đến hàng Tiên Phật. Ngược lại,

⁽³⁶⁾ **Tả phù hữu bật** 左扶右弼: Được chung quanh giúp đỡ.

⁽³⁷⁾ **Chủ nhơn (nhân) ông** 主人翁: Ông chủ, người làm chủ, ông chủ (*master, host, owner*). *Chân tâm* (真心 *the true mind*) là chủ nhân ông, thắng được sự sai khiến, cám dỗ của thất tình lục dục. Nếu để thất tình lục dục sai khiến, không còn làm chủ được tâm, tức là mất quyền chủ nhân ông. Giống như chủ nhà bị người ngoài lọt vào không chế.

⁽³⁸⁾ **Lục thông** 六通: Cũng gọi *lục thần thông*, là sáu phép thần thông của bậc đắc quả a la hán, gồm có: ① *Thiên nhãn thông* (thấy được mọi vật trong vũ trụ). ② *Thiên nhĩ thông* (nghe được mọi tiếng trong vũ trụ). ③ *Túc mạng thông* (biết kiếp trước của mình và của người khác, biết luôn cả kiếp này và kiếp sau). ④ *Tha tâm thông* (biết được ý nghĩ, tư tưởng người khác). ⑤ *Thần túc thông* (đi khắp nơi trong nháy mắt, biến hóa

chúng sẽ làm lục tặc⁽³⁹⁾ rồi dẫn dắt kéo trì chủ nhơn ông trở xuống lục đạo luân hồi⁽⁴⁰⁾ hoặc sa tăng, ngạ quỷ.⁽⁴¹⁾

Thế nên người tu luôn luôn phải xem xét, suy nghĩ, cân nhắc trước mọi sự vật xảy ra hằng ngày đến với mình. Rất dễ mà cũng rất khó để phân biệt được cái nào chơn giả, điều nào thiệt hư.

Đừng thấy người chê rồi vội vàng phát giận; đừng nghe người khen rồi vội vàng mừng vui. Nếu sự chê ấy đúng chỗ đúng lúc thì phải cố gắng nhẫn nại phục thiện để sửa chữa.

Bản Tăng xin lặp lại: Nếu sự chê ấy do nơi mình khuyết điểm thì phải cố gắng để sửa chữa. Nếu gặp lời khen có tánh cách ve vãn, nịnh bợ để làm hài lòng, có dụng ý cho tư danh tư lợi thì hãy coi chừng. Đừng vội mừng mà mắc mưu ma quỷ.

Thánh xưa có nói: Người chê ta đúng chỗ là thầy ta, khen ta đúng chỗ là bạn ta; ngược lại, nếu chê không đúng

tùy ý). ◎ *Lậu tận thông* (trong sạch hoàn toàn, dứt hết các phiền não, dứt luân hồi, nhập niết bàn).

⁽³⁹⁾ **Lục tặc** 六賊: Sáu tên cướp, ám chỉ *lục dục* 六欲. Lục dục (sáu ham muốn do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân xác, ý nghĩ) phá hoại tâm thanh tịnh, giống như kẻ cướp xông vào nhà quấy nhiễu.

⁽⁴⁰⁾ **Lục đạo luân hồi** 六道輪迴: Sáu nẻo tái sinh (*the six paths of rebirth*): ① Địa ngục 地獄; ② Ngạ quỷ 餓鬼 (quỷ đói); ③ Súc sinh 畜生; ④ A tu la 阿修羅 (thần ác, *asura*); ⑤ Nhân 人 (người); ⑥ Thiên 天 (thần cõi trời, thiên thần, *deva*).

⁽⁴¹⁾ **Ngạ quỷ** 餓鬼: Quỷ đói (*hungry demons*).

chỗ là phá hoại ta, khen không đúng chỗ là hại ta.

Đó là lời khuyên đối với hàng nhân sĩ để tiếp nhân xử thế; còn ở cương vị của người học đạo, tu thân lập hạnh thì lại phải cẩn thận trọng, cân nhắc thêm hơn.

Người tu thân nên lạc thiện lạc đạo,⁽⁴²⁾ chớ không đợi người đời nhìn thấy để lời phê phán ngợi khen mới vui. Nếu vui như vậy là háo danh, bị động, không làm chủ lấy mình. Nếu bị lời gièm pha, đổ ky, xuyên tạc rồi bỏ dở dang việc hành đúng đạo lý là đã mắc mưu tà quái rồi đó.

Những điều đan cử⁽⁴³⁾ vừa qua cũng chỉ là những chi tiết trong sự điều khiển, hướng dẫn thất tình lục dục mà thôi.

Chư đạo hữu thử kiểm điểm lại một điều rất nhỏ này sẽ thấy có trong lòng mỗi người: Hằng ngày, sắp tới giờ lễ bái hoặc tham thiền, trong lúc đó những gì sẽ xảy đến cho mình? Bên trong nội tâm, cơ thể có khi nghe uể oải, nhức đầu, nóng lạnh, có lúc bụng đói, có lúc lưỡi biếng vô cùng. Còn ngoại cảnh thì thường gặp khách đến, vì nể tình phải nán lại ít khắc,⁽⁴⁴⁾ hết tiếp người này đến người khác, rồi giờ lễ bái tham thiền trôi qua không đúng giờ giấc. Đó là

⁽⁴²⁾ **Lạc thiện lạc đạo** 樂善樂道: Vui làm việc lành, vui với cuộc sống đúng đạo lý (*to feel happy doing good deeds and leading a righteous life*).

⁽⁴³⁾ **Đan (đơn) cử** 單舉: Nguyên nghĩa là nêu ra (*cử*) một trường hợp (*đơn*). Về sau, dùng rộng rãi, khi kể ra vài trường hợp vẫn nói là *đơn cử*.

⁽⁴⁴⁾ **Khắc** 刻: Mười lăm phút (*a quarter*).

chưa nói đến người thân xảy ra bạo bệnh phải chạy thuốc kiểm thầy, v.v...

Chư đạo hữu thấy chưa? Từ nội tâm cho đến ngoại cảnh diễn biến luôn luôn, làm ngăn trở đường tu không ít. Người càng gặp nhiều sự xảy đến là người còn quá nặng nghiệp chướng tiền khiên,⁽⁴⁵⁾ phải ráng lo. Ngoài sự tu kỹ,⁽⁴⁶⁾ phải làm thêm sự bố thí là tài thí, pháp thí, vô úy thí,⁽⁴⁷⁾ tùy theo hoàn cảnh sở hữu, sở năng, sở đoản, sở trường⁽⁴⁸⁾ của mỗi người.

Đây, Bàn Tăng cũng nói trở lại hai tiếng **vô minh**. Hễ vô minh 無明 thì gặp minh 冥. Minh 明 trước là sáng, minh 冥 sau là mờ.⁽⁴⁹⁾ Nếu không dùng tâm linh chung hợp lý

⁽⁴⁵⁾ **Tiền khiên** 前牽: Sự trì kéo, ràng buộc do nợ nần kiếp trước, sang kiếp này người mắc nợ phải trả nghiệp. *Khiên* là lôi kéo, vướng vít, ràng buộc.

⁽⁴⁶⁾ **Tu kỹ** 修己: Tu thân, sửa đổi và luôn cải thiện chính con người mình (*to cultivate and improve oneself constantly*).

⁽⁴⁷⁾ **Tài thí** 財施: Giúp (bố thí, cho) tiền và hiện vật. **Pháp thí** 法施: Bố thí lời đạo đức, nói lời lẽ đạo đức để khuyên nhủ; thuyết giáo, ấn tống kinh sách. **Vô úy thí** 無畏施: An ủi, giúp cho người khác khỏi sợ hãi.

⁽⁴⁸⁾ **Sở hữu** 所有: Cái mình có (*one's belongings*). **Sở năng** 所能: Cái mình có thể làm, khả năng của mình (*one's capabilities*). **Sở đoản** 所短: Mặt yếu, nhược điểm của mình (*one's weak points*). **Sở trường** 所長: Mặt mạnh, ưu điểm của mình (*one's strong points*).

⁽⁴⁹⁾ **Vô minh** 無明 là không sáng suốt (*minh* 明 là sáng); thì gặp

trí⁽⁵⁰⁾ xét đoán các sự vật cho minh 明 thì mọi hành động xử sự sẽ bị mờ ám.

THI

*Tu hành luyện tập phải luôn luôn
Như nước luân lưu khắp ngọn nguồn
Nếu nước bị ngăn thành bản thủ
Nghiệp dày che án điểm thiên lương.⁽⁵¹⁾*

THI BÀI

*Sống cõi tạm phải lo cho tạm
Kiếp phù sanh⁽⁵²⁾ giữa đám mây mù
Lấp che thiên tánh mờ lu
Phải dày công khó lo tu gỡ lẩn.*

*Tuy còn sống cõi trần trần tảo
Phải lo phần nhân đạo hằng ngày
Ơn dân nghĩa nước cao dày
Ngọn rau tác đất ai hoài⁽⁵³⁾ lòng dân.*

minh 冥 (u tối, tối tăm). Thí dụ: *thông minh* 聰明 (*minh* 明 là sáng); *cõi u minh* 幽冥 (*minh* 冥 là tối tăm).

⁽⁵⁰⁾ **Tâm linh chung hợp lý trí**: Kết hợp tâm linh với lý trí.

⁽⁵¹⁾ **Thiên lương** 天良: Phần tốt đẹp của con người do Trời ban cho; lương tâm (*conscience*).

⁽⁵²⁾ **Phù sanh** (sinh) 浮生: Kiếp sống trôi nổi, bấp bênh, tạm bợ (*ephemeral floating life*).

⁽⁵³⁾ **Ai hoài** 哀懷: Buồn và nhớ nghĩ tới.

Nhưng phải ráng lo phần thiên đạo
Dốc một đời thiện bảo kỳ thân ⁽⁵⁴⁾
Noi gương Tiên Phật Thánh Thần
Lo tu trọn kiếp nghiệp trần trả xong.

Đừng tạo nghiệp lòng vòng luân chuyển
Kiếp xuống lên mây chuyển đi về
Lộn quanh trong cõi trần mê
Muôn năm khó trở lại quê cảnh nhàn.

Đừng hiểu đạo cực đoan sự thể
Vào tu rồi buông phé cuộc đời
Hoặc khi liệu thể xử thời
Thì đi theo mãi không rời bước nhau.

Vào thế tục bôn đào thế tục ⁽⁵⁵⁾
Mùi lợi danh tổn đức hại nhân
Cực đoan bên đạo bên trần
Là điều chướng ngại, nguyên nhân ⁽⁵⁶⁾ coi chừng.

Phải cẩn thận dò từng bước một
Bước một rồi lên tột bước cao

⁽⁵⁴⁾ **Thiện bảo kỳ thân** 善保其身: Giữ gìn kỹ, bảo vệ thân mạng mình (*to protect one's life prudentially*).

⁽⁵⁵⁾ **Bôn đào** 奔逃: Chạy trốn (*to run away, to flee*).

⁽⁵⁶⁾ **Nguyên nhân** (nhon) 原人: Những linh căn 靈根 nguồn gốc từ cõi trời, xưa kia nhận lãnh sứ mạng xuống thế gian độ đời; khác với *hóa nhân* (nhon) 化人 là những ai từ kim thạch, thảo mộc, cảm thú tiến hóa lên làm người.

Người tu vui với chí hào ⁽⁵⁷⁾
Không vì dư luận bàn vào tán ra.

Cố gắng bước đầu xa cũng tới
Bền tâm đi đến Hội Long Hoa
Biện phân kẻ chánh người tà
Phật Tiên cùng với quỷ ma hai đường.

Thời mạt kiếp còn đương diễn tiến
Ráng tu đi thực hiện nghĩa nhân
Gia công ⁽⁵⁸⁾ chung trí góp phần
Tạo đời mình đức tâm dân sau này.

Đêm đã hết thì ngày lại tới
Hại qua rồi kể lợi đến nơi
Để xem máy Tạo đối đời
Phép mầu thưởng phạt buổi đời thượng nguồn.

Đừng thấy khổ chùn chân chậm bước
Chớ thấy hay vội rước hai tay
Câu kia đã sẵn miếng mồi ⁽⁵⁹⁾
Lòng tham không đáy là đời ngửa nghiêng.

⁽⁵⁷⁾ **Chí hào**: Chí lớn (muốn thoát trần, không chịu trói buộc trong vòng danh lợi trần tục).

⁽⁵⁸⁾ **Gia công** 加功: Thêm sức, ráng sức làm việc gì (*to try hard*).

⁽⁵⁹⁾ **Câu kia đã sẵn miếng mồi**: Mồi đã mắc sẵn vào lưới câu. Cạm bẫy đã sắp sẵn, đang chờ.

Hãy trở lại căn duyên tiền định
Là dân sanh, dân tính, dân quyền
Ngày xưa nòi giống tổ tiên
Áo lam vẫn giữ được yên cõi bờ.

Nào đâu phải trông nhờ ai giúp
Để toàn dân lặn hụp biển mê
Suốt bao thế kỷ nã nê
Thôi thôi muốn tắm hãy về ao ta.

Dem đạo lý ái tha⁽¹⁾ làm gốc
Lấy tình thương dân tộc hiệp hòa
Dựng xây cho nước non nhà
Vui lòng đẹp dạ ông cha suối vàng.⁽²⁾
Trượng phu⁽³⁾ ai biết luận bàn.

Nhiệm vụ Bàn Tăng đến đây đã xong. Hẹn gặp lại chư đạo hữu cũng vào giờ này ngày 22 tới.

Bàn Tăng cảm ơn và xin giã từ chư đạo hữu đạo tràng. Bàn Tăng xin lui điểu về thượng giới. Thăng.

(1) **Ái tha** 愛他: Thương yêu người khác.

(2) **Suối vàng**: Huỳnh (hoàng) tuyền 黃泉, cõi âm, nơi ở của người chết.

(3) **Trượng phu** 丈夫: Bậc tài trai có khí tiết.

Huệ Khải chú thích (16-3-2014)

NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT LÀ GÌ?

Minh Lý Thánh Hội
Tuất thời, 22-9 Kỷ Dậu (Thứ Bảy 01-11-1969)
Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài
Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.
Pháp đàn: Huỳnh Chơn. Đồng tử: Hoàng Mai.

THIỆN HẠNH ĐỒNG TỬ

Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng, chư liệt vị tam ban.

Vâng lệnh Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, Tiểu Thánh đến báo đàn. Chư liệt vị thành tâm nghinh tiếp. Tiểu Thánh chào chung. Xin xuất ngoại hầu lịnh. Thăng.

TIẾP DIỄN

THI

*Đèn huệ⁽⁴⁾ soi đường giữa tiết đông
Giống chuông cảnh tỉnh giống Tiên Rồng
Đừng e tiếng gọi trong sa mạc
Vẫn có âm vang chốn bụi hồng.⁽⁵⁾*

VẠN HẠNH THIÊN SƯ

Bàn Tăng chào mừng chư Thiên mạng. Mừng chư đạo hữu đạo tràng.

(4) **Đèn huệ**: Huệ đăng 慧燈 (*wisdom lamp, wisdom light*), trí sáng suốt của người tu chứng, đặc đạo.

(5) **Chốn bụi hồng**: Hồng trần 紅塵, cõi trần gian (*the world*).

Hôm nay Bàn Tăng giảng đàn để tiếp tục phần vụ còn dang dở. Bàn Tăng thỉnh chư liệt vị, chư đạo hữu đồng an tọa để giúp Bàn Tăng hành tròn bốn phận.⁽⁶⁾

(. . .)

Chư đạo hữu ôi! **Nhiên Đăng Cổ Phật là gì** ⁽⁷⁾ mà từ xưa đến nay đã có nhiều vị đạo hữu từng niệm danh hiệu, đã niệm, đang niệm và sẽ niệm, nhưng có mấy ai hiểu nguồn gốc lịch sử danh từ **Nhiên Đăng Cổ Phật**.⁽⁸⁾

Thế gian lịch sử loài người phần đông đã hiểu tông tích lịch sử các Đấng cứu thế hoặc các bậc giáo chủ như Thái Thượng Đạo Tổ, Lão Tử, Khổng Phu Tử, Quan Âm Bồ Tát, Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và Gia Tô Giáo Chủ Jesus Christ, v.v... Người ta chỉ biết rằng **Nhiên Đăng Cổ**

Phật là một vị Phật rất xa xưa, không biết có tự bao giờ, có thể là có trước khi tạo thiên lập địa không chừng, chỉ hiểu ngàn ấy để kính thành vái niệm là đủ rồi.

Hôm nay Bàn Tăng muốn đem vấn đề này đặt ra đây để chư đạo hữu hiểu qua, tự đặt lấy cho mình một sứ mạng thể Thiên hành hóa ⁽⁹⁾ hay là một bậc vĩ nhân cho hậu thế trên phương diện đạo lý và nhơn sanh thể đạo.⁽¹⁰⁾

Nhiên Đăng là gì nếu không phải là ngọn đèn lưu ly ⁽¹¹⁾ sáng tỏ không ngừng không dứt từ cổ chí kim, từ thượng thiên đến hạ địa, từ tam thập lục thiên, tam thiên thế giới, từ thất thập nhị địa, tứ đại bộ châu, từ hàng giáo chủ đến hàng nhơn sanh tín hữu?

Nhiên Đăng có thể gọi là đèn Thái Cực. Chư đạo hữu hãy nhìn lên chánh điện, ngọn đèn lưu ly Thái Cực ngày đêm, năm tháng, giờ khắc nào cũng phải rực cháy luôn luôn.

⁽⁹⁾ **Thế Thiên hành hóa** 替天行化: Thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành.

⁽¹⁰⁾ **Nhơn sanh** (nhân sinh) **thể đạo** 人生世道: Đạo ở đời của con người; con đường mà phận làm người phải noi theo để sống đúng đạo lý hay lẽ phải (*the way of life*). Nhơn sanh thể đạo cũng là *nhơn đạo* 人道 (đạo làm người, đạo người, *the way of man*).

⁽¹¹⁾ **Lưu ly** 琉璃: ① Một thứ ngọc quý màu xanh. ② Một cách gọi pha lê (*pha ly* 玻璃, *crystal*). **Đèn lưu ly** 琉璃燈: Đèn pha lê (*crystal lamp*).

⁽⁶⁾ Thánh giáo này tiếp theo bài *Tôn Giáo Là Cái Gì?* đàn cơ ngày 08-9 Kỷ Dậu (18-10-1969).

⁽⁷⁾ **Nhiên Đăng Cổ Phật là gì?** Đức Thiên Sư không hỏi là ai? vì Ngài không nhằm mục đích giảng về lai lịch, tiểu sử Đức Phật Nhiên Đăng. Ngài hỏi là gì? vì Ngài muốn nói tới ý nghĩa biểu tượng của hồng danh **Nhiên Đăng Cổ Phật**.

⁽⁸⁾ **Nhiên đăng** 燃燈: ① Thắp đèn, đốt đèn (*to light a lamp*). ② Ám chỉ đèn Thái Cực, ánh sáng tâm linh bất hoại trong con người. ③ Tên vị Phật xưa (thời Nhất Kỳ Phổ Độ), tiếng Sanskrit là *Dipankara*. Ngài có trước Phật Thích Ca (thời Nhị Kỳ Phổ Độ), hồng danh là **Nhiên Đăng Cổ Phật** 然燈古佛 (*Dipankara the Ancient Buddha*). Phật Nhiên Đăng cũng là Định Quang Phật 定光佛 (*Buddha of Fixed Radiance*). Theo Phật Giáo, Ngài có ba ngày kỷ niệm (ngày vía) là 06-01 âm lịch, 15-3 âm lịch, và 22-8 âm lịch.

Nhiên Đăng có thể gọi là ngôi Thái Cực, hoặc đèn Thái Cực soi sáng, đem lại sự ấm áp cho vũ trụ trước khi phân định âm dương và tạo thiên lập địa. **Nhiên Đăng có thể gọi là linh hồn của vũ trụ.**

Con người đã mang nhục thể,⁽¹²⁾ tứ đại cấu hợp,⁽¹³⁾ đương nhiên phải chịu màn bao bọc của cõi hồng trần. Màn ấy cũng có thể gọi là màn vô minh. Chính bức màn vô minh ấy đã che án ngọn Nhiên Đăng nơi nội tâm của mỗi con người. Vì vô minh mà con người dễ sa ngã, dễ bị quyến rũ, dễ đọa lạc, dễ gây tội lỗi trở thành nghiệp chướng oan khiên.⁽¹⁴⁾

Đối với con người thì hai tiếng **Nhiên Đăng có thể gọi là tâm đăng.**⁽¹⁵⁾ Tâm đăng luôn luôn bắt diệt nơi **trung tâm điểm của mỗi con người.**⁽¹⁶⁾ Người nào đại căn đại

⁽¹²⁾ **Nhục thể** 肉體: Tâm thân xác thịt, thể xác (*physical body*).

⁽¹³⁾ **Tứ đại cấu hợp** 四大構合: Bốn chất kết hợp tạo thành. Theo Phật Giáo, thân xác con người do bốn chất căn bản tạo thành là *đất* (da thịt...), *nước* (máu, các chất lỏng...), *lửa* (hơi ấm, thân nhiệt), *gió* (hơi thở).

⁽¹⁴⁾ **Oan khiên** 冤牽: Oan nghiệp 冤業, oan nghiệt 冤孽, là tội lỗi gây ra kiếp này sẽ phải tiếp tục gánh chịu hậu quả để đền trả thêm nữa trong kiếp sau.

⁽¹⁵⁾ **Tâm đăng** 心燈: Đèn lòng (*mind lamp*); óc sáng suốt (minh triết) của người dày công tu học, không bị tham dục, vô minh che mờ lương tri (thiên lương).

⁽¹⁶⁾ **Trung tâm điểm của mỗi con người:** Theo bác sĩ Nhân Từ Nguyễn Văn Thọ (1921-2014) trong đầu não con người có trung tâm điểm, y học gọi là Não Thất Ba (*3rd ventricle*), kinh

kiếp, ít nghiệp chướng tiền khiên, sớm giác ngộ, lo tu thân lập hạnh, tạo âm chất, gầy dựng phước đức, đem đạo giúp đời, thì bức màn vô minh ấy càng sớm mỏng dần.

Hễ màn vô minh được mỏng, ngọn tâm đăng hiện lần lần ra. Hễ ngọn tâm đăng càng hiện lần lần, sáng tỏ chừng nào thì con người ấy sẽ được và đang được trở thành một người thuần hậu, thuần lương. Từ tướng đi cách đứng, khi nói lúc làm, luôn luôn tác phong người ấy rất nghiêm chỉnh, phúc hậu, đoan trang, dễ gây sự thiện cảm, kính mến với tất cả mọi người chung quanh. Một lời người ấy nói ra sẽ đem lại sự thành công nên việc, an ủi và hạnh phúc cho kẻ khác.

Thế nên người đời thường nói *Phật tức tâm, tâm tức Phật* mà không hiểu tâm là gì, Phật là gì. Đó là tâm đăng hay là Nhiên Đăng đó, chư đạo hữu à! Người ta chỉ nói một chiều thuận là *Phật tức tâm, tâm tức Phật* chớ không ai nói ma quỷ tức tâm, tâm tức ma quỷ. Nếu có ai nêu được câu đó lên tức là đã đánh thức được cơn mê của lớp người muội tánh.⁽¹⁷⁾

Tại làm sao chỉ nói *Phật tức tâm*? Nghĩa là ai ai cũng có Phật ở nơi tâm. Thế mà tại sao trên thế gian này đã có lắm người có những ngôn ngữ, hành động còn tệ hơn ma quỷ hoặc ác thú chốn rừng sâu? Có phải chăng ngọn tâm đăng

sách gọi là Thiên Tâm, Nê Huòn Cung, Cốc Thần, Huyền Quan Khiếu, Cao Đài... (Xem phụ lục cuối bài thánh giáo này.)

⁽¹⁷⁾ **Muội tánh** 昧性: Tánh phàm tâm tối, u mê (*human stupidity*).

đã bị đắm chìm quá sâu nơi tâm khảm⁽¹⁸⁾ của lớp người ấy vì tham, si, dục đã cấu thành bức màn vô minh càng ngày càng dày đặc, đã làm ngọn tâm đăng không một chỗ nào có thể rọi soi ra được? Rồi tất cả những hành động của lớp người ấy hoàn toàn do tham sân si dục và những vọng thức⁽¹⁹⁾ ngự trị làm chủ, điều dắt họ ư? Đó là nói về lãnh vực của người học đạo, tu thân, hành đạo, còn phần sau đây nói về nhân sinh thế đạo.

Trong nhân sinh thế đạo thì ý nghĩa của Nhiên Đăng là gì, hỡi chư đạo hữu?

Như trên đã nói, Nhiên Đăng là ngọn đèn lưu ly soi sáng vũ trụ khi còn huyền bí hỗn độn sơ khai trước ngày tạo thiên lập địa. Nói rằng lúc đó cả vũ trụ bao la tối tăm dày đặc lạnh giá vô cùng, nhờ ngọn Nhiên Đăng rọi soi mà bầu vũ trụ lúc bấy giờ được u u minh minh, nửa tối nửa sáng, bao trùm Hồng Quân Lão Tổ đang ngồi trầm ngâm trong tịch mịch. Mãi đến khi phân định âm dương nhật nguyệt rồi thì không còn ai để ý đến ngọn Nhiên Đăng, nhưng ngọn Nhiên Đăng vẫn ngấm ngấm soi sáng và sưởi ấm muôn loài vạn vật suốt cả ngày đêm hoặc từ các thượng tầng không gian cho đến loài thủy tộc, côn trùng vẫn nhờ ánh sáng và sự sưởi ấm đó giúp muôn loài vạn vật được sanh hóa mãi mãi, trường dưỡng và bảo tồn.

(18) **Tâm khảm** 心坎: Đáy lòng, chỗ sâu kín nhất trong lòng.

(19) **Vọng thức** 妄識: Cái biết sai trái (*wrong knowledge*), nhận thức sai (*wrong recognition*).

Còn Nhiên Đăng, ngọn đèn sáng của nhơn sinh thế đạo là gì?

(. . .)

Bản Tăng muốn nói ánh sáng đó là Nhiên Đăng hay ngọn tâm đăng, hay khí thiêng anh linh vẫn trường tồn vĩnh cửu của đất nước dân tộc. Tuy bao phen u tối, lắm lúc đau buồn vì bức màn vô minh tham si dục của loài người đã che án ngọn tâm đăng khí thiêng ấy, nhưng nó vẫn lưu ly ngấm ngấm cháy mãi, chỉ chờ khi nào có người biết vệt bức màn vô minh ấy là có dịp cho ngọn tâm đăng khí thiêng bùng dậy, đánh thức cơn mê cho mọi người cùng đem lại vinh quang cho đất nước.

(. . .)

Nói trở lại thực tại, hiện giờ chư đạo hữu là con dân của đất nước này. Hãy đem đạo lý tình thương, đem ngọn tâm đăng soi sáng cho mọi người và gia công hành đạo giúp đời bằng cách kêu ngọn tâm đăng cho tất cả mọi người.

Bản Tăng tạm mượn lời sau đây để kết thúc vấn đề này: Không tiệc vui nào mà chẳng tàn, không màn hát nào mà chẳng vãn, không cơn mưa nào mà chẳng tạnh, không có đêm trường nào mà chẳng sáng, và cũng không có cuộc loạn ly nào mà không tri.

Vậy là bực tín hữu hay hướng đạo⁽²⁰⁾ cũng thế. Hãy

(20) **Hướng đạo** 向导: Người dẫn dắt đạo hữu (*those who lead their brethren*).

chuẩn bị mọi điều kiện, mọi mặt cho ngọn tâm đăng soi rọi đêm trường đang dày đặc cho mọi người sớm hưởng ánh sáng vinh quang, thanh bình an lạc trong nếp sống đạo lý.

THI

*Tâm đăng soi sáng giúp cho mình
Tâm đạo trau dồi được tuệ minh⁽²¹⁾
Cầm đuốc rọi đường cho đại chúng
Phổ truyền giáo lý độ nhơn sinh.*

(. . .)

Bản Tăng tạm ngừng bút nơi đây vì còn phải hội nơi Đại Hùng Bửu Điện⁽²²⁾ trong giờ sau đây. Bản Tăng cảm ơn chư đạo hữu đã có tâm thành kính trong việc tiếp kinh.⁽²³⁾ Bản Tăng cũng mong sao tiếng trống Lô Âm vang suốt

⁽²¹⁾ **Tuệ** (huệ) **minh** 慧明: Sáng suốt, minh triết (*wise, enlightened*).

⁽²²⁾ **Đại Hùng** 大雄: Hàm ý là Đức Phật Tô (Thích Ca). Người tự chiến thắng chính mình, vượt lên lục dục thất tình để thành chánh quả còn khó hơn chiến thắng muôn vạn tinh binh; vì thế gọi Phật là Đại Hùng. Chánh điện thờ Phật Thích Ca là **Đại Hùng Bửu Điện** 大雄寶殿. Trong thánh giáo này, Đức Thiên Sư ngụ ý cho biết sau khi từ giã đàn cơ, Ngài sẽ về chùa Lô Âm họp với Đức Phật Tô tại Đại Hùng Bửu Điện.

⁽²³⁾ Thánh giáo này được dạy trong thời gian Minh Lý Thánh Hội đang tiếp nhận bộ *Đạo Học Chỉ Nam* qua nhiều đàn cơ. Ngày khởi đầu tiếp kinh là 15-4 Mậu Thân (11-5-1968). Ngày hoàn kinh (hoàn tất việc tiếp kinh) là 01-3 Tân Hợi (27-3-1971).

trong tam thiên đại thiên thế giới để ngày ngày có những nguyên nhân⁽²⁴⁾ thức tỉnh hồi đầu,⁽²⁵⁾ Bản Tăng mới được một lúc sum vầy bạn hữu⁽²⁶⁾ nơi niết bàn Phật cảnh.

Bản Tăng hẹn Thứ Bảy tuần tới, cũng trong giờ này, lại đến với chư đạo hữu. Bản Tăng chào chung tất cả chư đạo hữu lưỡng phái. Thăng.

PHỤ LỤC

TRUNG TÂM ĐIỂM CỦA MỖI CON NGƯỜI

Lấy một điểm giữa trán và một điểm giữa đỉnh đầu; từ hai điểm ấy, kéo hai đường ngang dọc A và B, thì giao điểm T ở ngay trung tâm não bộ, cũng là trung tâm điểm của mỗi con người. Y học gọi nơi này là Não Thất Ba (*the Third Ventricle*),

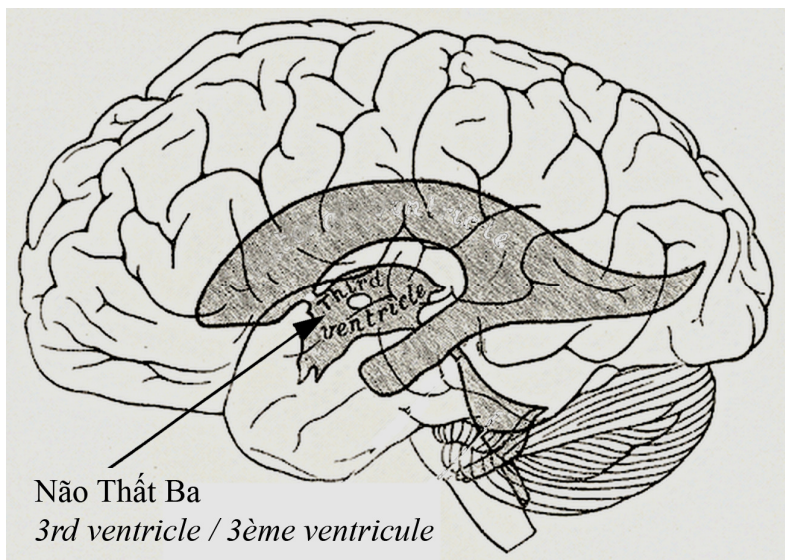
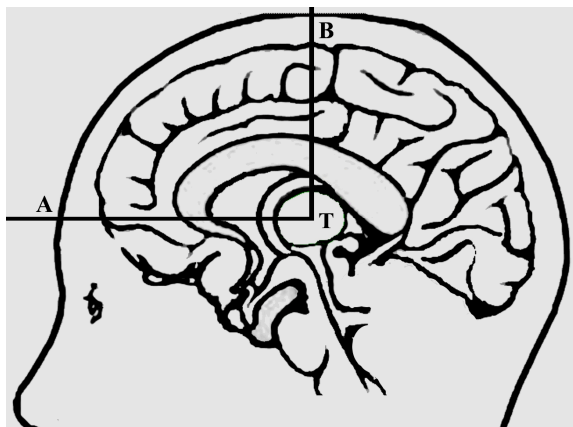
⁽²⁴⁾ **Nguyên nhân** (nhơn) 原人: Những linh căn 靈根 nguồn gốc từ cõi trời, xưa kia nhận lãnh sứ mạng xuống thế gian độ đời; khác với *hóa nhơn* (nhơn) 化人 là những ai từ kim thạch, thảo mộc, cầm thú tiến hóa lên làm người.

⁽²⁵⁾ **Hồi đầu** 回頭: Quay đầu lại đường thiện, tỉnh ngộ, trở về đường tu.

⁽²⁶⁾ **Bạn hữu** 伴侶: Bạn bè. (*Lữ* 侶 cũng là bạn.) Đức Thiên Sư hàm ý những người thế gian đang tu hành hôm nay vốn là bạn bè của Ngài trong các kiếp trước. Sau khi trọn vẹn công quả, công trình, công phu tu học và hành đạo, từ giã thế gian rồi thì tất cả sẽ hội ngộ Đức Thiên Sư trên cõi trời.

Huệ Khải chú thích (18-3-2014)

kinh sách gọi là *Thiên Tâm, Nê Hườn Cung, Cốc Thần, Huyền Quan Khiếu, Cao Đài...* Bác sĩ Nhân Từ Nguyễn Văn Thọ (1921-2014) có công phát hiện về ý nghĩa của Não Thất Ba trong Đạo học.



Não Thất Ba
3rd ventricle / 3ème ventricule

CHÂN HẠNH PHÚC NGƯỜI TU

Minh Lý Thánh Hội

Tuất thời, 08-4 Canh Tuất (Thứ Ba 12-5-1970)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Pháp đàn: Huỳnh Chơn. *Đồng tử:* Hoàng Mai.

THANH TỊNH ĐẠI HẢI BỒ TÁT

Chào chư Thiên sắc. Chào chư thiện tín ⁽¹⁾ lưỡng ban. Ta vâng lệnh Phật Tổ Như Lai đến báo đàn. Chư thiện tín thủ lễ nghinh tiếp. Ta chào tất cả. Xin xuất ngoại hộ đàn. Thăng.

TIẾP ĐIỀN

KỆ

Trùng dương khổ hải đập đùng xao ⁽²⁾

Thương bấy nơn sanh chốn dạt dào ⁽³⁾

-
- (1) **Thiện tín** 善信: Thiện nam tín nữ 善男信女 (*good male and female believers*), tức tín đồ 信徒.
- (2) **Trùng dương** 重洋: Biển và đại dương (*seas and oceans*). **Khổ hải** 苦海: Biển khổ (*the sea of suffering*), ám chỉ cõi đời. **Đập đùng xao**: (Sóng vỗ) âm âm, xao động dữ dội (*raging waves*).
- (3) **Bấy nơn sanh**: Nhiều ngàn ấy con người (*such lots of people*). **Dạt dào** (dào dạt): Nhiều và liên tục. **Chốn dạt dào**: Cõi đời khổ nhiều và liên miên (như biển lúc nào cũng dậy sóng).

Nước mắt nhiều hơn vùng nước biển⁽⁴⁾
 Máu đào vượt hẳn sóng ba đào⁽⁵⁾
 Tham sân khuấy động tâm thanh tịnh
 Si dục nhận chìm trí tuệ cao
 Tiên Phật thường khuyên tu giải thoát
 Dọn mình trở lại cảnh tiêu dao.⁽⁶⁾

BỔN SƯ⁽⁷⁾ THÍCH CA MÂU NI TÔN PHẬT⁽⁸⁾

⁽⁴⁾ Kinh Phật hay nhắc câu “nước mắt chúng sinh còn nhiều hơn bốn biển” (*the tears of sentient beings are much more than the waters of the four oceans*).

⁽⁵⁾ **Máu đào:** Máu đỏ. **Ba đào** 波濤: Ba là sóng (*wave*), đào là sóng lớn (*huge wave*). Gộp chung, ba đào là sóng lớn, sóng cồn (*huge waves, surge billows*). Trong câu thơ này Ôn Trên chơi chữ, dùng hai chữ đào đồng âm để nói rằng máu đỏ của chúng sanh tuôn trào còn nhiều hơn sóng cả dâng trào. Câu trên nói nước mắt, chỉ mới là đau khổ. Câu này tới nói máu trào tức là xương thịt tan nát, chết chóc khốc liệt hơn.

⁽⁶⁾ **Tiêu dao** (diêu) 逍遙: Thông thả nhàn du, tự do tự tại, không bị bó buộc (*to be free*).

⁽⁷⁾ **Bổn** (bản) **sur** 本師: ① Thầy của con, thầy tôi (*my master*); tiếng Phật tử gọi Phật Tổ. ② Tổ sư (*Patriarch*). *Sử Ký* 史記 (*Nhạc Nghị Truyện* 樂毅傳) chép: *Nhạc Thần Công học Hoàng Đế, Lão Tử, kỳ bổn sư hiệu viết Hà Thượng Trọng Nhân, bất tri kỳ sở xuất. 樂臣公學黃帝, 老子, 其本師號曰河上丈人, 不知其所出.* (Nhạc Thần Công học Hoàng Đế, Lão Tử, tổ sư của ngài hiệu là Hà Thượng Trọng Nhân, không biết xuất thân từ đâu.) ③ Cách tự xưng của Đức Phật. Có vị tiền bối đàn anh như Đức Huỳnh Chơn, khi giảng

Bổn Sư chào mừng chư môn đồ, chư hướng đạo⁽⁹⁾ cùng thiện tín lương ban.

Chư môn đồ! Ngày này, một số lớn chùa thất am tự vẫn còn giữ theo cổ lệ,⁽¹⁰⁾ đều thiết lễ kỷ niệm mừng ngày thánh đản⁽¹¹⁾ mà nhơn sanh trọn lòng thành kính đối với một người đi trước biết tìm ra phương pháp giải khổ và diệt khổ⁽¹²⁾ để lại cho nhơn sanh tìm đường chánh giác.

đàn nói với các em trần gian thì tự xưng là *Bổn Huynh*.

⁽⁸⁾ **Thích Ca Mâu Ni** 釋迦牟尼佛: Cách người Hoa dịch âm (*translitering*) hồng danh *Sakyamuni*. **Tôn Phật** 尊佛: Đức Phật tôn kính (*the Honoured Buddha*).

⁽⁹⁾ **Chư hướng đạo** 諸向導: Các vị dẫn dắt đạo hữu (*those who lead their brethren*).

⁽¹⁰⁾ **Cổ lệ** 古例: Lệ cũ, tập quán cũ, quy định cũ (*old tradition, old custom*). Trước năm 1950, cũng như một số nước Đông Á, Việt Nam mừng lễ Phật Đản (*Vesak*) vào ngày 08-4 âm lịch. Đại Hội Phật Giáo Thế Giới lần thứ Nhất (*the First Conference of the World Fellowship of Buddhists*) tổ chức tại Tích Lan (Sri Lanka) từ 25-5 đến 08-6-1950, quy tụ đại biểu hai mươi sáu nước thành viên (trong đó có Việt Nam) đồng thuận chọn ngày Phật Đản cho toàn thế giới là ngày 15-4 âm lịch. Sau nghị quyết của Đại Hội ấy, tại Việt Nam từ 1951 đến nay ngoài ngày Phật Đản 15-4 âm lịch một số nơi vẫn duy trì ngày 08-4 âm lịch theo cổ lệ.

⁽¹¹⁾ **Thánh đản** 聖誕: Ngày sinh của một vị giáo chủ, như Không Tử, Phật Thích Ca, Đức Chúa Gia Tô... (*holy birthday*).

⁽¹²⁾ Đức Phật hàm ý nhắc tới Tứ Diệu Đế. **Tứ Diệu Đế** 四妙諦 (*the Four Noble Truths*) là giáo lý nền tảng của Đức Phật Tổ, chỉ rõ nguyên nhân của khổ và con đường giải thoát. Tứ Diệu Đế

Bổn Sư giáng cơ giờ này nơi đây cũng như các nơi khác để chứng lòng thành kính của chư môn đồ thiện nam tín nữ. Hãy giữ tâm thanh tịnh để tìm lý siêu nhiên nhiệm mầu Tạo Hóa vẫn có sẵn nơi mỗi con người.

Hôm nay, Bổn Sư có mời Vạn Hạnh Thiên Sư đến để luận đàm cùng chư môn đồ. Vậy đàn trung⁽¹³⁾ hãy thủ lễ tiếp nghinh. Bổn Sư ban ơn lành chung tất cả. Thăng.

TIẾP ĐIỀN

THI

*Phật Tiên nào phải quá thanh nhàn
Đến nổi ngao du⁽¹⁴⁾ chốn thế gian
Khổ hải thương đời đang lặn hụp
Dắt dìu trở lại cõi Tây phang.*

VẠN HẠNH THIÊN SƯ

Bản Tăng chào mừng chư Thiên mạng,⁽¹⁵⁾ chư đạo hữu

gồm bốn chân lý như sau: ① **Khổ Đê**: Mọi kiếp sống đều chịu khổ. ② **Tập Đê**: Tham dục là nguyên nhân gây ra khổ. ③ **Diệt Đê**: Diệt trừ tham dục thì diệt được khổ và đưa tới hạnh phúc. ④ **Đạo Đê**: Con đường diệt khổ là Bát Chánh Đạo.

⁽¹³⁾ **Đàn trung** 壇中: Những vị có mặt trong đàn cầu cơ (*those who are present at the seance*).

⁽¹⁴⁾ **Ngao du** 遨遊: Đạo chơi (*to roam, to travel*).

⁽¹⁵⁾ **Thiên mạng** (mệnh) 天命: Bạc hướng đạo đang nhận lãnh sứ mạng của Trời giao phó là thể Thiên hành hóa 替天行化 (thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành).

đạo tràng.⁽¹⁶⁾ Bản Tăng vâng lệnh Đức Bổn Sư Thích Ca Như Lai giáng cơ, trước thăm viếng chư đạo hữu sau thời gian xa cách, và cũng để luận đàm đôi điều đạo lý cùng chư đạo hữu. Bản Tăng mời chư Thiên mạng, chư đạo hữu đồng an tọa.

Chư đạo hữu! Thế cuộc đang đổi thay từng giờ từng phút. Trong sự đổi thay ấy, đối với người đời thì luôn luôn xao tâm bận trí, buồn vui ghét sợ, nhưng đối với người tu hành trong cửa đạo, tâm phải được thanh tịnh và xem những sự kiện đổi thay ấy như nước khi lớn lúc ròng, như mây khi tan lúc hiệp, và cũng như bộ máy tuần hoàn châu lưu⁽¹⁷⁾ trong nhỏ nhất là cơ thể con người và ở sự lớn nhất là nơi vũ trụ. Bởi vì nơi cõi vô thường này không có một vật gì gọi là bất di bất dịch,⁽¹⁸⁾ chỉ có một điều là sự di dịch ấy có thấy được cùng không, có nghe được cùng không. Đừng nghĩ rằng khi thấy khi nghe được mà gọi rằng có, còn lúc không nghe không thấy được mà lại gọi rằng không. Vì giác quan con người chỉ có giới hạn, còn sự tuần hoàn luân chuyển của vũ trụ thì lại vô hạn vô biên.

Linh hồn tạm mượn thể xác nơi cõi sắc giới⁽¹⁹⁾ này cũng

⁽¹⁶⁾ **Đạo tràng** (trường) 道場: Chỗ tu học, nơi sinh hoạt tôn giáo (chùa, thất, thánh đường, thiền viện, tu viện...).

⁽¹⁷⁾ **Châu lưu** (chủ) 周流: Chảy khắp nơi (*to be circumfluent, to flow everywhere*).

⁽¹⁸⁾ **Bất di bất dịch** 不移不易: Không dời đổi, không thay đổi (*unchanging, steadfast*).

⁽¹⁹⁾ **Sắc giới** 色界: Cõi sắc, thể giới vật chất hữu hình (*the realm*

ví như con ốc mượn hồn.⁽²⁰⁾ Đừng nên chấp cái vỏ ấy rồi làm trở ngại bước đường tiến hóa. Sự tu học của người tu hành, mục đích cuối cùng là toàn thiện toàn mỹ để thích hợp với trình độ tiến hóa của các Đấng trọn lành nơi cõi hư linh.

Tạm mượn chỗ giả để gầy dựng cái chơn. Đừng quan niệm rằng chỉ cực đoan⁽²¹⁾ theo cái chơn rồi phứt tất cả cái giả. Nếu vậy là thả mồi bắt bóng.

Tạo Hóa đã an định con người nơi cõi này, phải làm tất cả những điều thích hợp đạo lý để phục vụ cho cõi này mới mong có một nền tảng vững chắc làm bàn đạp tiến đến cõi chơn. Người tu hành nhiều khi vấp phải một điểm gọi là giải thoát mà vô tình gây tạo sợi dây trói buộc càng thêm.

Sự giải thoát tự nó sẽ đến, người tu cứ quan niệm, cứ thực hành đạo lý trong vô tư vô vọng.⁽²²⁾ Nếu trong lúc thực hành có tư có vọng là đã trói buộc cái giải thoát đó.

of material forms).

⁽²⁰⁾ **Ốc mượn hồn:** Loài còng nhỏ sống trong vỏ ốc đã chết (*hermit-crab*).

⁽²¹⁾ **Cực đoan** 極端: Quá khích, quá mức bình thường (*extreme*).

⁽²²⁾ **Vô tư** 無思: Không tư tưởng đến, không bận tâm nghĩ đến (*carefree, thinking nothing about, unworried about*). **Vô vọng** 無望: Không ngóng trông, không mong mỏi (*expecting nothing*).

Một lữ hành trên đường thiên lý thấy một bản nhân⁽²³⁾ đói khổ ăn xin, vì động lòng trắc ẩn⁽²⁴⁾ trước sự đói khát rét lạnh mà cho, chớ không vì sự làm phước mà cho. Sự cần thiết của thực tại là làm sao giải quyết hộ kẻ cơ hàn⁽²⁵⁾ qua con giày vò, đó là xong. Nếu vì sự cho là làm phước để có tài sản vô hình gửi với Trời Phật, đó là hậu ý, là vọng, là tạo dây tự trói buộc đó.

Cũng như ai đều biết rằng tu là để cải tạo tư tưởng trở nên chí thiện chí mỹ. Có chí thiện chí mỹ mới tương đồng với các điển lành của thế giới trọn lành như Phật Tiên, đương nhiên sẽ được sống vào thế giới đó. Nhưng khi tu thân hành đạo, phải tâm thanh tịnh, vô tư, kiến cơ nhi tác⁽²⁶⁾ mà đừng mong vọng sẽ trở thành Phật Tiên.

⁽²³⁾ **Bản nhân** 貧人: Người nghèo (*a poor person*).

⁽²⁴⁾ **Trắc ẩn** 惻隱: (Lòng) thương xót (*compassion, pity*).

⁽²⁵⁾ **Cơ hàn** 飢寒: Đói lạnh (*hungry and cold*).

⁽²⁶⁾ **Kiến cơ nhi tác** 見幾而作: Nhìn thấy triệu chứng (mầm mống vừa hiện ra). *To see the minutest signs*. Chữ *cơ* này có nghĩa là sự nhỏ nhặt, điềm mới khởi, dấu hiệu mới vừa xuất hiện (triệu chứng), tương ứng tiếng Anh là “the minutest sign(s)”. Thành ngữ “kiến cơ nhi tác” lấy trong Kinh Dịch (Hệ Từ Hạ), cả câu như sau: *Quân tử kiến cơ nhi tác, bất sĩ chung nhật*. 君子見幾而作, 不俟終日. (Sĩ: chờ đợi; chung nhật: hết ngày.) Nhiều sách dịch “kiến cơ” là “nhìn thấy thời cơ, cơ hội” thì không chính xác. Nguyễn Hiến Lê dịch đúng hơn cả: “Người quân tử thấy trước triệu chứng mà ứng phó ngay, không đợi cho hết ngày.” Có thể dịch câu văn trên ra tiếng Anh như sau: *The superior man sees the minutest signs, and*

Sự giải thoát không phải đợi đến rũ bỏ nhục thể linh hồn mới được giải thoát. Ngay lúc sinh thời, ai ai cũng có thể thực hành phương pháp giải thoát. Câu *cur trần bất nhiễm*⁽²⁷⁾ đã hàm ý cho định nghĩa ấy rồi. Nếu đợi ngày rũ bỏ nhục thể, lấy gì chứng minh rằng được giải thoát cùng không? Nếu như thế thì Thiêng Liêng không khuyên bảo người tu đem đạo giáo đời để cho tất cả mọi người trọn tốt trọn lành, để an hưởng cõi thiên đường cực lạc tại thế gian. Ngay buổi sinh thời, nếu không cải tạo được tư tưởng theo các Đấng trọn lành thì dù có bỏ nhục thể trăm ngàn lần, tục lụy vẫn hoàn tục lụy, luân hồi chuyển kiếp vẫn chuyển kiếp luân hồi theo nhịp độ của nghiệp duyên.

Chư đạo hữu ôi! Bản Tăng chỉ một khía cạnh nhỏ của

acts accordingly without waiting for a single day. Thí dụ, Trương Lương vừa nhìn thấy cái mời Lưu Bang lên làm vua (Hán Cao Tổ) bắt đầu trở mặt, muốn âm mưu giết hại công thần thì ông liền từ quan đi tu. Còn Hàn Tín cứ tin vào lòng dạ Lưu Bang, cứ ở lại triều làm quan hưởng lộc, cuối cùng đành chết thảm. Trương Lương là người “kiến cơ nhi tác”. Trong bài thánh giáo này, Đức Thiên Sư dạy người tu đừng vọng niệm ngóng trông mình sẽ thành Tiên thành Phật, hãy luôn để lòng thanh tịnh, sáng suốt nhận định hoàn cảnh chung quanh; và “kiến cơ nhi tác” nghĩa là hễ thấy cái mời phải ần thì sớm ần ngay, thấy cái mời phải làm thì sớm làm ngay không được chần chờ; dù ần hay làm thì lúc nào cũng giữ tâm không, chẳng ôm ấp một ý đồ riêng tư nào cả.

⁽²⁷⁾ **Cur trần bất nhiễm** 居塵不染: Sống ở cõi trần mà không bị bụi trần làm cho ô nhiễm, không bị ảnh hưởng của trần gian (*in the dust does not dye*).

vấn đề ấy mà mỗi người đều có kinh nghiệm và có ảnh hưởng ít nhiều. Chư đạo hữu có thấy không, chân hạnh phúc của đời người đâu phải căn cứ vào vật chất hữu thể sung mãn. Một khi đã làm một việc thiện, một công đức, một điều đạo lý, tâm hồn được khoan khoái yên vui mát mẻ. Đó nếu không là chân hạnh phúc thì còn gọi là gì?

Thánh xưa thường an bản lạc đạo,⁽²⁸⁾ vui trong cái vui của tha nhân, buồn khổ trong cái buồn khổ của tha nhân, nhưng biết trước cái biết của tha nhân. Đó là tri túc thường túc,⁽²⁹⁾ tri lạc thường lạc.⁽³⁰⁾ Thế nên đạo lý không dành riêng hoặc đặc ân cho bất cứ một giai tầng⁽³¹⁾ nào. Có tu có đắc, có hành có thành. Một kiếp biết tu muôn kiếp hưởng, một thời⁽³²⁾ làm lỗi vạn thời trầm.⁽³³⁾

⁽²⁸⁾ **An bản lạc đạo** 安貧樂道: Bằng lòng trong cảnh nghèo mà vui sống theo đạo lý (*content in poverty and happy with a righteous life*).

⁽²⁹⁾ **Tri túc thường túc** 知足常足: Biết đủ thì thường thấy có đủ (*He who contents himself with what he has got will always feel sufficient*).

⁽³⁰⁾ **Tri lạc thường lạc** 知樂常樂: Biết vui thì thường thấy vui (*He who feels happy with his situation will always enjoy himself*).

⁽³¹⁾ **Giai tầng**: Giai tầng 階層, thứ lớp, cấp bậc, tầng lớp (*stratum, class*).

⁽³²⁾ **Thời** 時: Lúc (*a moment*).

⁽³³⁾ **Trầm** 沉: Chìm đắm (*to sink*).

THI

Ở thế mà tâm chẳng nhiễm trần
Tuy mang nhục thể thấy phi thân⁽³⁴⁾
An bản lạc đạo nơi trần tục,
Giải thoát tự nhiên có sẵn phần.

THI BÀI

Thân ở tục lòng trần chẳng nhiễm
Tập hằng ngày tu niệm gìn tâm
Lạc lừa để tránh sai lầm
Việc hành chánh đạo vui thâm luôn luôn.
Còn ở thế vai tuồng thế sự
Tùy cơ duyên cư xử cho xong
Dùng phèn nước đục lóng trong
Tập rèn tư tưởng tâm hồn thanh cao.
Dù ở chỗ nơi nào cũng thế
Tiếng thị phi⁽³⁵⁾ chớ nệ⁽³⁶⁾ chê khen
Ao bùn kìa ngấm bông sen,
Ngàn năm muôn kiếp chẳng phen nhiễm bùn.
Còn sống tạm chung cùng thế tạm
Giữa hỏa lò hắc ám lợi danh

⁽³⁴⁾ **Phi thân** 非身: Không có thân (*having no body*).

⁽³⁵⁾ **Thị phi** 是非: Đúng sai, phải trái (*right and wrong*). Lời khen chê (*pros and cons*).

⁽³⁶⁾ **Chớ nệ**: Đừng bận lòng mà cho là quan trọng (*not to concern oneself with*).

Ai chen đua để giựt giành
Người tu nhứt mực tu hành mới nên.
Đời ham muốn tuổi tên danh bằng
Người tu hành ẩn dạng rèn tâm
Dò chơn khỏi sụp hổ hảm
Dắt dìu bạn tác sư tâm Đạo Cao.
Đừng chấp nê sắc màu bên ngoại⁽³⁷⁾
Mà gây nên trở ngại bước đường
Đạo thường dạy tạo tình thương
Từ bi, bác ái trên đường quả công.
Dù vạn giáo cũng đồng nhứt lý
Tập hằng ngày xả kỷ vị tha⁽³⁸⁾
Mong sao cõi thế nhà nhà
Tình thương đùm bọc ái tha⁽³⁹⁾ chủng loài.
Tu trước nhứt đừng vay nợ mới
Do cái danh cái lợi mà ra
Tu lo trả nợ đời qua
Nghiệp duyên tiền kiếp do ta tạo gây.
Làm công quả đủ đầy phúc đức
Tuy vô hình chẳng mất đi đâu

⁽³⁷⁾ **Bên ngoại**: Bên ngoài, bề ngoài.

⁽³⁸⁾ **Xả kỷ vị tha** 舍己爲他: Cũng như vong kỷ vị tha 忘己爲他, bỏ lòng ích kỷ (quên lợi ích bản thân) mà nghĩ tới người khác, quên mình vì người (*selfless, unselfish*).

⁽³⁹⁾ **Ái tha** 愛他: Thương yêu người khác (*to love other people*).

Tu lo xây bắc nhịp cầu
 Nhịp cầu thông cảm tự đầu Bắc Nam.
 Người ở thế chia làm nhân ngã
 Thật với tình Tạo Hóa đương nhiên
 Cùng chung bản thể hậu thiên
 Cũng trong bộ máy diệu huyền mà ra.
 Đừng e sợ tu qua một kiếp
 Không vẹn tròn lỗ nhịp cầu Tiên
 Lo là e chẳng vẹn tuyền
 Thủy cần chung dải,⁽⁴⁰⁾ liên miên đối đời.
 Đừng lo chẳng có Trời tế độ⁽⁴¹⁾
 Phật Thánh Tiên chẳng hộ chẳng điều
 Lo là e được buổi chiều
 Trong đêm lại phải đổi chiều thay phương.
 Đừng e sợ lạc đường cựu vị⁽⁴²⁾
 Lo là không khắc kỷ vô minh⁽⁴³⁾

⁽⁴⁰⁾ **Thủy cần chung dải** 始勤終怠: Mới đầu siêng năng nhưng sau lại lười biếng.

⁽⁴¹⁾ **Tế độ** 濟渡: Tế là qua sông (đồng nghĩa với độ). Tế độ là cứu vớt con người khỏi bể khổ sông mê, giống như đưa thuyền đến vớt kẻ chết đuối chờ sang bờ bên kia.

⁽⁴²⁾ **Cựu vị** 舊位: Ngôi vị cũ ở trên trời, trước khi xuống trần làm người (*former position in heaven*).

⁽⁴³⁾ **Khắc kỷ** 克己: Kiểm chế bản thân, kỷ luật với chính mình (*self-restraint, to subdue one's self*), tức là khắc chế bản ngã, trừ khử lòng tự tư tự lợi. **Khắc kỷ vô minh**: Kềm chế bản thân

Miệng thì tụng đọc câu kinh
 Mà lòng lại có ẩn tình đầu đầu.
 Lời hay nói “Máy sâu họa kín”⁽⁴⁴⁾
 Việc uống ăn tiền định⁽⁴⁵⁾ hưởng chi
 Việc đời việc đạo khác gì
 Lành siêu dữ đạo tiếng ghi muôn đời.
 Dù tu Phật, tu Trời, tu Thánh
 Hoặc tu Tiên, Không Mạnh, Gia Tô
 Chung quy một nẻo thù đồ⁽⁴⁶⁾
 Thủy chung vẹn giữ đạo cơ⁽⁴⁷⁾ mà hành.
 Hễ gieo được giống lành phải chổ
 Đừng ngại không kết quả đơm hoa
 Luận gần rồi lại luận xa
 Để chư đạo hữu nghiệm ra mà hành.

trước những cám dỗ do ngu dốt (vô minh) xúi giục.

⁽⁴⁴⁾ **Máy sâu họa kín**: Máy Trời thâm diệu khôn lường, tai họa báo ứng thì kín nhiệm không thể đoán trước được. (Kinh Sám Hối, câu 225: *Phải hiểu biết máy sâu họa kín*.)

⁽⁴⁵⁾ **Uống ăn tiền định**: Do câu *Nhất ẩm nhất trác giai do tiền định* 一飲一啄皆由前定 (Một miếng uống, một miếng ăn đều có số định trước / *Even a drink or a peck is predestined*).

⁽⁴⁶⁾ **Chung quy một nẻo thù đồ**: Do câu *Đồng quy nhi thù đồ* 同歸而殊途 (Đường tuy khác nẻo nhưng cùng về một chỗ / *different ways lead to the same place*).

⁽⁴⁷⁾ **Đạo cơ** 道基: Nền tảng đạo đức (*virtuous basis*).

THI

*Hành đạo hư nên tự bởi mình
Lánh xa sắc tướng với âm thanh
Thường hành như dụng chung như thủy,
Thanh tịnh tâm trung ráng giữ gìn.*

Chư đạo hữu! Bản Tăng cảm ơn chư đạo hữu đã dành nhiều thiện cảm đối với Bản Tăng. Bản Tăng chỉ mong là chư đạo hữu được kiên tâm trì chí,⁽⁴⁸⁾ thường hành đạo sự vào nếp sinh hoạt thường nhật. Mỗi người mỗi việc, mỗi trình độ tu tiến, mặc dù có chênh lệch khác nhau nhưng chung quy rồi cũng đến mức cuối cùng là trùng hoan⁽⁴⁹⁾ nơi cựu vị. Những việc hành thiện trong vòng đạo đức là những phương tiện tối cần để đưa người tu hành đến nơi chí thiện chí mỹ.

(...)

Cố gắng tập làm sao cho cõi lòng mở rộng bác ái với tha nhân thì quý lắm. Việc tập luyện ấy ban đầu hơi khó, nhưng nhiều ngày sẽ thành thói quen. Hãy xem bình tích nước trà. Mỗi lần châm trà, đem súc bình không thấy dính chỉ trong lòng bình tích, nhưng lâu ngày sẽ thấy màu trà đóng bên trong. Rất đổi lau chùi mạnh tay cũng khó ra. Sự tập luyện nội tâm cũng vậy. Muốn tập thì nên hành phương

⁽⁴⁸⁾ **Trì chí** 持志: Giữ vững ý chí (*to maintain one's will firmly*).

⁽⁴⁹⁾ **Trùng hoan** 重歡: Vui mừng gặp lại nhau (*joyful at reunion*).

Huệ Khải chú thích (28-5-2014)

pháp giản dị sau đây:

Khi nào muốn phê bình chỉ lỗi một người nào, tự xét coi đời mình có lần nào lâm vấp lỗi ấy không. Nếu có hãy tha thứ cho họ. Khi nào trong lòng cảm thấy giận hờn buồn tức người khác, tự vấn lương tâm hỏi coi mình có cần sự an ủi vỗ về với lời dịu dàng trìu mến trong tinh thần xây dựng hay không? Nếu cần, sẽ tha thứ và hãy dùng các biện pháp ấy để giúp người đó. Cố gắng tập rèn mãi mãi. Khi gặp một cảnh ngộ nào xảy đến, phải tập cho lòng mình có chút trầm ổn xót thương tội nghiệp giùm cho người ấy. Sau thời gian lâu ngày, tự nhiên thấy lòng mình từ ái vô biên, thanh cao mát mẻ. Từ đó, thể hiện lên nét mặt dễ kính dễ mến, dễ gây thiện cảm với mọi người.

Trong một tập thể, như là tập thể người tu, nếu mỗi người tập được như vậy, bầu không khí từ ái sẽ bao trùm một vòm trời không nhỏ vậy.

THI

*Lòng thương kẻ khác tập hằng ngày
Năm tháng bền tâm sẽ đổi thay
Từ chỗ hẹp hòi ra đại lượng
Đáng yêu đáng kính khắp trong ngoài.*

(...)

Thôi, Bản Tăng xin giã từ chư Thiên mạng, chư hướng đạo và chư đạo hữu lưỡng ban. Chúc cầu tu tiến trên đường Thiên Đạo. Thăng.

TAM GIÁO QUY NGUYÊN

Minh Lý Thánh Hội

Tuất thời, 11-9 Canh Tuất (Thứ Bảy 10-10-1970)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Pháp đàn: Huỳnh Chơn. *Đồng tử:* Hoàng Mai.

THI

THIỆN ác do người muốn tạo gây

HẠNH lâm ⁽¹⁾ mấy kẻ biết tìm Thầy

ĐỒNG tâm giữa lúc đời ly loạn

TỬ hậu ⁽²⁾ an vui một kiếp này.

Tiểu Thánh chào chư hướng đạo. Vâng lệnh Đức Thiên Sư báo đàn. Chư liệt vị thành tâm tiếp rước. Tiểu Thánh chào chung. Xuất ngoại ứng hầu. Thăng.

TIẾP ĐIỀN

THI

Khai Minh Lý Đạo phá mê đồ ⁽³⁾

Mở cửa Thiên Đường rước khách vô

⁽¹⁾ **Hạnh lâm** 杏林: Cũng gọi *hạnh đàn* 杏壇. Tương truyền Đức Khổng Tử ngồi dạy học ở giàn cây hạnh. Do đó hạnh lâm, hạnh đàn được dùng để ám chỉ nơi dạy học, hoặc giới Nho sĩ.

⁽²⁾ **Tử hậu** 死後: Sau khi chết.

⁽³⁾ **Mê đồ** 迷途: Con đường mê muội, sai lầm, cũng như *mê lộ* 迷路 (*the path of error*).

Hướng đạo ⁽⁴⁾ *Kỳ Ba ra tế chúng* ⁽⁵⁾
Vườn đào yến tiệc ⁽⁶⁾ *sẵn bày phô.*

VẠN HẠNH THIÊN SƯ

Bàn Tăng chào chư đạo hữu, chư đạo muội.

Giờ nay, Bàn Tăng giáng đê cùng chư đạo hữu bày giải một vai tuồng khá quan trọng của Phật Pháp trong Tam Kỳ Phổ Độ. Mời chư đạo hữu, đạo muội đồng tọa thiên.

Trước hai nghìn sáu trăm năm, ⁽⁷⁾ Phật Pháp đã thành lập. Đạo Giáo, Nho Giáo cũng khởi thủy từ đó, vẫn là một cõi sanh ba để tùy thời kỳ mà giáo hóa, tùy căn cơ mà bạt độ. ⁽⁸⁾

⁽⁴⁾ **Hướng đạo** 向導: Người dẫn dắt đạo hữu (*those who lead their brethren*).

⁽⁵⁾ **Tế chúng** 濟眾: Cứu giúp chúng sinh (*to help or save all living beings*).

⁽⁶⁾ **Vườn đào yến tiệc:** Hội Yến Bàn Đào của Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

⁽⁷⁾ **Hai nghìn sáu trăm năm:** Đức Phật Thích Ca khai sáng đạo Phật vào thế kỷ thứ sáu trước Công Nguyên, cùng thời đại với Đức Lão Tử và Đức Khổng Tử (đời nhà Châu, Trung Quốc). Sang thế kỷ 20 Đức Thiên Sư dạy bài này. Thế nên Ngài nói là *hai nghìn sáu trăm năm*. **Trước hai nghìn sáu trăm năm, Phật Pháp đã thành lập:** Phật Pháp thời Nhứt Kỳ Phổ Độ ở Ấn Độ là đạo Bà La Môn. Thượng Đế Ba Ngôi của đạo này là Brahma, Shiva và Vishnu. Một hóa thân của Vishnu là Krishna. Trong *Di Lạc Chơn Kinh* có câu niệm: *Brahma Phật, Shiva Phật, Krishna Phật*.

⁽⁸⁾ **Bạt độ** 拔渡: Cũng như *tế bạt* 濟拔, cứu vớt. (*Bạt* 拔: Kéo lên.)

Sau, đến Thích Giáo⁽⁹⁾ ra đời giữa lúc thế nhân điên đảo, mạnh hiếp yếu, khôn lẩn dại, chia phân giai cấp nô lệ quyền quý, làm cho con người và con người sanh thù nghịch lẫn nhau, xem nhau như thú dữ giành mồi, sát hại nhau không chút tình thương xót. Vì thế, Phật Pháp mới thị hiện⁽¹⁰⁾ đứ từ bi giữa thời nhà Châu để đem lại mức sống quân bình trong cơn hỗn loạn. Từ một địa vị hoàng thái tử bước xuống hàng thứ dân để khép mình vào khuôn khổ, hầu đem gương ấy cảnh tỉnh người đời đang đắm đuối phù hoa vật chất, quyền quý vinh sang, chẳng nghĩ đến đồng loại đang sống trong cảnh trầm luân cơ cực.⁽¹¹⁾

Phật Pháp lập lại Thích Giáo lần thứ hai mở ra đường tận độ. Tuy nhiên, tôn chỉ đường lối có sự tương quan giữa chơn như bản thể và nhân sinh. Mặc dù vẫn trong hình thái của một dân tộc mà giáo lý vẫn quảng truyền. Từ chỗ ô trược hồng trần vẫn tạo được một bản chất thanh tịnh để giao thông cùng tam thiên đại thiên thế giới,⁽¹²⁾ lấy đứ hóa

⁽⁹⁾ **Thích Giáo** 釋教: Hay Thích Ca Giáo, là đạo Phật thời Nhị Kỳ Phổ Độ, do Đứ Thích Ca Mâu Ni Phật sáng lập vào thế kỷ thứ sáu trước Công Nguyên.

⁽¹⁰⁾ **Thị hiện** 示現: Bày ra cho mọi người thấy.

⁽¹¹⁾ **Trầm luân** 沉淪: Chìm đắm (to sink). **Cơ cực**: Đói khổ.

⁽¹²⁾ **Tam thiên đại thiên thế giới** 三千大千世界: ① Thái dương hệ 太陽系 chứa cõi địa cầu này là một thế giới. Cứ một ngàn thái dương hệ hợp thành một *tiểu thiên thế giới* 小千世界. Một ngàn tiểu thiên thế giới hợp thành một *trung thiên thế giới* 中千世界. Một ngàn trung thiên thế giới hợp

độ chúng sinh tạo thành Niết Bàn Cực Lạc.

Cho đến ngày nay, Phật Pháp vẫn còn là một tôn giáo siêu việt tối thượng thừa dù đã chia rất nhiều môn phái. Như chư đạo hữu đây là một trong các môn phái khác. Phật Pháp bao hàm vạn tượng tế chúng độ nhơn.⁽¹³⁾ Cái lý siêu

thành một *đại thiên thế giới* 大千世界. Vì một đại thiên thế giới là 1000x1000x1000 (tam thiên, ba ngàn) thái dương hệ nên cũng gọi một đại thiên thế giới là tam thiên đại thiên thế giới. 太陽系 x 1000 = 小千世界; 小千世界 x 1000 = 中千世界; 中千世界 x 1000 = 大千世界 (亦即三千大千世界). ② Theo *Trung Anh Phật Học Tự Điển* của Soothill và Hodous, *tam thiên đại thiên thế giới* (a great chiliocosmos) cũng gọi là tam thiên giới 三千界, tam thiên thế giới 三千世界. Một thế giới gồm có núi Tu Di 須彌 (Mt. Sumeru) và tứ đại bộ châu (four continents) bao quanh, có tám biển, và dãy núi sắt vây quanh các biển (ring of iron mountains: núi Thiết Vi 鐵圍). Một ngàn thế giới như thế hợp thành một *tiểu thiên thế giới* 小千世界 (a small chiliocosmos). Một ngàn tiểu thiên thế giới như thế hợp thành một *trung thiên thế giới* 中千世界 (a medium chiliocosmos). Một ngàn trung thiên thế giới như thế hợp thành một *đại thiên thế giới* 大千世界 (a great chiliocosmos), cũng gọi là *tam thiên đại thiên thế giới*. Hai chữ *tam thiên* ám chỉ là gồm có ba loại *thiên* như nói trên (the 三千 indicates the above three kinds of thousands), tức là *tiểu thiên*, *trung thiên*, *đại thiên*. Cũng theo Soothill và Hodous, tam thiên đại thiên thế giới là một thế giới của Phật (one Buddha world, a Buddha universe).

⁽¹³⁾ **Vạn tượng tế chúng độ nhơn** 萬象濟眾渡人: Muôn vàn (vô số) những hình tướng biểu hiện để cứu giúp chúng sinh.

việt không đo lường được ấy, giờ đây chỉ còn lại một số người trong một môn phái đã lãnh hội chân truyền diệu pháp trong đức hóa độ của Như Lai để xuất hiện trong Tam Kỳ Phổ Độ, làm đủ phương cách tận độ chúng sinh cho đúng với lời nguyện của Đức Phật: *Hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng.*⁽¹⁴⁾

Đồng thời, Đạo Giáo, Nho Giáo cũng diễn khai hóa độ bằng đường lối vô vi và hữu thể. Một trăm lạng để tìm lối thoát cho quần sinh,⁽¹⁵⁾ một đem lại trật tự an ninh cho đời ly loạn.⁽¹⁶⁾ Tuy ba mà một, một lại hóa ba. Kỳ trung⁽¹⁷⁾ Tiên Phật Thánh Thần nào cũng phải gồm đủ ba bản chất ấy mới nên Tiên Phật Thánh Thần.

Chư đạo hữu Minh Lý Thánh Hội đã nắm giữ được giềng mối chân chính trong Tam Kỳ Phổ Độ này, dù chưa đạt suốt máy huyền nhiệm, dù kho tàng chưa khai mở rõ ràng, nhưng đã bước ra một bước khá dài trên khoảng đường độ nhơn tế chúng.

Bản Tạng mừng cho cơ Đạo ngày nay, trên phương diện hữu hình, tôn giáo đã sắp xếp một cửa Đạo nghiêm minh để đón rước người thiện căn quay về đường chánh. Cũng vừa

⁽¹⁴⁾ **Hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng** 虛空有盡, 我願無窮: Cõi hư không còn có giới hạn, đại nguyện của ta chẳng có giới hạn.

⁽¹⁵⁾ Là Đạo Giáo (Lão Giáo, Tiên Giáo).

⁽¹⁶⁾ Là Nho Giáo (Khổng Giáo).

⁽¹⁷⁾ **Kỳ trung** 其中: Ở trong đó, trong chỗ đó.

là kịp lúc Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hoàng khai để tiếp trợ phần minh chơn lý Đạo cho trọn vẹn sứ mệnh của Minh Lý đã chấp nhận từ xưa.

Chắc có lẽ chư đạo hữu còn nhớ những lần đầu tiên Đức Thượng Đế Chí Tôn tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát đã dạy chư đệ tử đầu tiên của Ngài đến đây để cùng khai thông lý Đạo cho kịp lúc độ rồi chúng sinh giữa thời mạt kiếp.⁽¹⁸⁾

Từ ấy đến nay, trải qua mấy mươi năm, cơ Đạo hoàng dương khắp chốn. Về hình thức phổ độ trung thừa lan rộng, về thượng thừa chưa ai đạt đến mức tuyệt kỹ cao siêu. Do đó mà ngày nay mới có sự tương quan trùng hợp giữa Minh Lý và các tín hữu Đại Đạo để mở rộng đường lối cho nhân sinh tiến bước, để quật khởi tinh thần đạo đức chân chính ngõ hầu tìm cho đến cơ siêu mầu của đạo lý. Kho tàng này, Thiêng Liêng đã đặc trách cho đạo hữu Minh Thiện⁽¹⁹⁾ kế tiếp giữ gìn khai thác, nghiên cứu, đem lại cho người đời tìm thấy chơn lý Đại Đạo không còn phân biệt Phật Nho Thích nữa.

Các hướng đạo thời nay nếu chịu khó nhìn vào nội tâm

⁽¹⁸⁾ **Mạt kiếp:** Cũng gọi *hạ nguơn mạt kiếp* 下元末劫 (*the last kalpa*), là nguơn điêu tàn, nguơn tái tạo để trở lại thượng nguơn. Đây là thời kỳ cuối cùng, tiếp theo hai kỳ trước là: ① thượng nguơn (nguơn thượng đức, nguơn tạo hóa); ② trung nguơn (nguơn thượng lực, nguơn tranh đấu).

⁽¹⁹⁾ **Minh Thiện:** Ngài Nguyễn Văn Miết (1897-1972), đặc qua Bác Nhã Thiên Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát.

bản thể để xem xét một cách vô tư mới quán triệt được Thiên cơ vận chuyển. Nhược bằng ⁽²⁰⁾ còn thích đóng một vai trò trên sân khấu đối với thời hạ nguơn mặt kiếp này, e chẳng kết quả đúng Thiên ý đi chăng.

Nếu các hướng đạo ngày nay biết rõ đường lối tận độ quần sinh trong Tam Kỳ Phổ Độ để cùng hợp nhau xây dựng một nền tảng Đại Đạo duy nhất. Phật Pháp, Đạo Pháp, Nho Giáo cùng xiển dương chơn lý, phá mê đồ cho vạn sinh thức tỉnh thì công cuộc hòa bình không cần phải đòi hỏi cũng sẽ đến ngay.

Sở dĩ ⁽²¹⁾ Minh Lý Thánh Hội ra đời trước kia là chi Minh Lý. Cái tác dụng của hai chữ Minh Lý đến ngày này gắn liền danh từ Thánh Hội, đó là đến lúc Minh Lý phải minh ⁽²²⁾ chơn lý Đạo cho đúng với mục đích giáo thuyết của người đã chủ trương Minh Lý Đạo.

THI

*Thánh Hội Quần Tiên tại lý chơn
Minh tường ⁽²³⁾ Đại Đạo tợ cao sơn ⁽²⁴⁾
Quần sinh tận độ kỳ nguơn hạ
Sứ mạng giao cho dạ chớ sờn.*

⁽²⁰⁾ **Nhược bằng:** Nếu như.

⁽²¹⁾ **Sở dĩ** 所以: Bởi thế, do đó, cho nên (*therefore*).

⁽²²⁾ **Minh** 明: Làm cho sáng tỏ (*to illustrate*).

⁽²³⁾ **Minh tường** 明詳: Làm cho sáng tỏ (*to illustrate*).

⁽²⁴⁾ **Tợ** (tựa) **cao sơn:** Như núi cao.

HỮU

*Chớ sờn nẻo tục lấm gay go
Đến bến thì toan bỏ lại đò
Vững chắc phàm trần không bám vủ
Trì tâm ⁽²⁵⁾ thanh tịnh mới nên cho.*

HỮU

*Cho ai biết đặng lý siêu nhiên
Để lối mình chơn ⁽²⁶⁾ đạt chánh truyền
Thức tỉnh người đời cơn sóng gió
Trùng dương lướt dậm một con thuyền.*

HỮU

*Con thuyền bát nhã cậy người tu
Lèo lái cho qua cảnh mịt mù
Khêu ngọn hải đăng trên bể hoạn ⁽²⁷⁾
Thuyền từ ⁽²⁸⁾ cập bến đắc công phu.*

HỮU

*Công phu từ bấy đã gây nên
Một khoảng đường sau gặng chí bền*

⁽²⁵⁾ **Trì tâm** 持心: Giữ chặt cái tâm.

⁽²⁶⁾ **Minh chơn** 明真: Làm sáng tỏ lẽ thật (chân lý, Đạo).

⁽²⁷⁾ **Bể hoạn:** Hoạn hải 患海. Cõi trần làm đắm chìm con người trong vô vàn tai ương, hoạn nạn. Do đó, gọi đời là bể hoạn.

⁽²⁸⁾ **Thuyền từ:** Từ thuyền 慈船, từ hàng 慈航. Tôn giáo, đạo pháp ví như chiếc thuyền từ bi cứu vớt chúng sinh ra khỏi biển khổ, sông mê.

Mở cửa pháp môn ra tận độ
Niết Bàn Cực Lạc sẽ kể bên.

HỮU

Kề bên kíp⁽²⁹⁾ bước lại quê xưa
Là chốn hư vô cõi thượng thừa
Không diệt, không sanh, không tất cả
Chỉ còn Phật tánh của thời xưa.

HỮU

Thời xưa những bậc đấng Như Lai
Chẳng có ta mà chẳng có ai
Bản thể thiên nhơn hòa hiệp một
Là nơi Phật cảnh chốn linh đài.⁽³⁰⁾

HỮU

Linh đài lắm kẻ muốn men chân
Khổ nỗi lòng chưa dứt nghiệp trần
Tam độc⁽³¹⁾ vẫn còn theo bận bịu
Công phu dày dặn khó đem cân.

HỮU

Dem cân đạo lý với lòng trần
Phải diệt lòng trần ý sạch lằng⁽³²⁾

⁽²⁹⁾ **Kíp** (cấp 急): Gấp, vội, đừng chậm trễ (*urgently*).

⁽³⁰⁾ **Linh đài** 靈臺: Nê Hườn Cung, Não Thất Ba (*the Third Ventricle*), Cao Đài, Cốc Thần... bên trong đỉnh đầu.

⁽³¹⁾ **Tam độc** 三毒: Ba món độc là tham, sân, si.

⁽³²⁾ **Lằng**: Nhẹ nhàng, lằng lằng.

Cửa Thánh mới mong tìm đạo lý
Kim thân⁽³³⁾ giác ngộ đối phàm thân.

HỮU

Thân mật khuyển nên nhớ những lời
Tam Kỳ sứ mệnh chó buông rơi
Minh chơn lý Đạo con tâm tối
Dem một tâm linh để cứu đời.

HỮU

Cứu đời mật kiếp thoát tai ương
Minh Lý nêu danh chốn ngọc đường⁽³⁴⁾
Đại hội Long Hoa chờ kết quả
Lập đời thánh đức thuở Nghiêu Vương.⁽³⁵⁾

Bần Tăng dặn dò bao nhiêu lời để chừa đạo hữu được hiểu thời kỳ Tam Giáo đồng quy nhứt nguyên⁽³⁶⁾ để đem chơn tông ra dựng đời sửa thế, mà nhiệm vụ quan trọng Minh Lý Thánh Hội phải gánh vác cho tròn đạo nghĩa người tu.

Định Pháp, Huệ Lương! Nhị vị đạo hữu có biết vì sao

⁽³³⁾ **Kim thân** 金身: Nhị xác thân, xác thân trường tồn của người đắc đạo.

⁽³⁴⁾ **Ngọc đường** (đàng) 玉堂: Nhà ngọc, nhà của bậc tôn quý. Ở đây ngụ ý nói là những cơ sở tu hành danh tiếng, uy tín.

⁽³⁵⁾ **Nghiêu Vương** 堯王: Vua Nghiêu. Thời của Ngài là thời thánh đức.

⁽³⁶⁾ **Đồng quy nhứt nguyên** 同歸一原: Cùng trở về một nguồn gốc (là Đại Đạo).

Tam Giáo Đạo Tổ ban hành cho phép chư đạo hữu lập Hội Đồng Liên Phái trong lúc này chăng?

(...)

Thời kỳ này phải có một hội đồng chi phái cùng liên hiệp với nhau để bảo vệ chánh pháp chân truyền giữa lúc loạn ly thế sự, tôn giáo phân tranh. Nhưng đó là một ý thức để gây dựng sự hòa hiệp nhân tâm.

Bản Tăng cũng nhắc cho đạo hữu rõ biết: Hãy khéo léo, hãy cẩn thận chọn một lối đi đúng trung nhưt chi đạo.⁽³⁷⁾ Đừng để thiên lệch, lại gây thêm một cái khổ cho sinh linh bách tính nữa nhé!

Nơi đây là nơi giữ gìn đạo pháp, bản chất thanh tịnh. Có thể đem sự thanh tịnh này để chế ngự loạn động được. (...) Đành rằng chưa đủ tài đủ đức để bước ra gánh vác việc trọng đại phổ tế quần linh, nhưng nếu chờ đợi đến thấy chỗ đủ của tài đức thì biết bao giờ thấy được. Vì vậy, một là đóng cửa dạy nhau, hai là gia công lập đức.

Bản Tăng đến viết kinh nơi này không phải chỉ một phận sự viết kinh mà thôi. Giữa lúc này, thời kỳ này, chư Phật Tiên Thân Thánh đều tuân Ngọc Sắc⁽³⁸⁾ để thiết Tam Long Huê Hội, không một vị nào không trách nhiệm trong cơ tậ

⁽³⁷⁾ **Trung nhưt** (nhất) **chi đạo** 中一之道: Con đường trung nhất (trung dung 中庸), không thiên lệch bên nào.

⁽³⁸⁾ **Ngọc Sắc** 玉敕: Sắc Chi, mệnh lệnh của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.

độ Kỳ Ba. Đối với chư đạo hữu đây cùng Bản Tăng xưa kia là một gốc, một môn phái nhà tu, vì vậy Bản Tăng mới nhận viết kinh cùng Hưng Đạo Đại Vương để góp công góp ý cùng đạo hữu vậy.⁽³⁹⁾

(...)

Chư đạo hữu và chư đạo muội nơi đây bằng an. Khi có điều chi, Bản Tăng được dịp sẽ giúp cho vững vàng tu niệm. Nhưt là phải đầy đủ đức tính khoan dung nhẫn nại trì thủ⁽⁴⁰⁾ mới mong đạt được kết quả trong đời hành đạo của mỗi đạo hữu.

(...)

THI

*Độ đời bao quản nhọc Thiêng Liêng
Mượn nước tràn gian để lướt thuyền
Vớt kẻ trầm luân còn hụp lặn
Khai thông lý Đạo dẫn về nguyên.*

Bản Tăng mừng chung chư đạo hữu trên đường chí tâm hành đạo. Chào chư đạo hữu, đạo muội. Bản Tăng lui gót. Thăng.

⁽³⁹⁾ Đức Hưng Đạo Đại Vương và Đức Vạn Hạnh Thiển Sư cùng nhau tả bộ kinh *Đạo Học Chí Nam* từ ngày 15-4 Mậu Thân (11-5-1968) đến ngày 01-3 Tân Hợi (27-3-1971) thì hoàn tất.

⁽⁴⁰⁾ **Trì thủ** 持守: Nắm giữ chặt, không buông bỏ, không bỏ cuộc.

Huệ Khải chú thích (12-5-2014)

PHÂN BIỆT GIẢ CHÂN LỘC LỬA HƯ THẬT

Minh Lý Thánh Hội

Tuất thời, 25-9 Canh Tuất (Thứ Bảy 24-10-1970)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Pháp đàn: Huỳnh Chơn. *Đồng tử:* Hoàng Mai.

THI

Lớp người học đạo độ nhân gian

Ví tựa tha nhân lọc kiếm vàng⁽¹⁾

Gạn đục lóng trong bao cát bụi

Kiên tâm trì chí⁽²⁾ với thời gian.

VẠN HẠNH THIÊN SƯ

Bản Tãng chào mừng chư hướng đạo, chư đạo hữu đạo tràng.

(...)

Bản Tãng mời chư đạo hữu đồng an tọa.

Chư đạo hữu! Bài thơ tứ tuyệt vừa rồi là đề tài chính mà Bản Tãng sắp đem ra để chi tiết hóa hầu làm tài liệu học tập trong khi đạo đàm.

⁽¹⁾ **Lọc kiếm vàng:** Gạn lọc quặng để tìm vàng.

⁽²⁾ **Trì chí 持志:** Giữ vững ý chí (*to maintain one's will firmly*).

Chư đạo hữu! Đã là sinh được làm người ở cõi vô thường này, con người hằng chung đụng với mọi phức tạp trong nếp sống. Do đó, tâm tư con người cũng phải chịu ảnh hưởng một phần lớn bởi sự phức tạp đó. Thế nên, người tu hành cần phải học hỏi đạo lý để phân định được cái chân cái giả, lẽ thiệt lẽ hư, điều chánh điều tà, sự thiện sự ác. Có chịu khổ công học hỏi, suy nghiệm phân tách rõ rệt để tìm lẽ chánh mà lánh điều tà, tìm lẽ chơn mà xa điều giả, tìm lẽ thiệt mà xa điều hư, và để làm sự thiện mà xa sự ác, ví như người tìm vàng trong giữa lòng đất cát.

Chư đạo hữu! Bởi sự nhận xét thiên cận thông thường của con người qua sự thấu nhận từ mắt thấy tai nghe, nên dễ bị dối gạt của giác quan, thế nên con người dễ bị lầm lẫn giữa sự chánh tà, hư thiệt, giả chơn và thiện ác. Ví như người lọc vàng, nếu không phải là con người có cặp mắt chuyên nghiệp cũng dễ bị nhầm lẫn giữa vàng thau, bạc thiếc, hoặc ngọc và đá.

Vàng thau, bạc thiếc, ngọc và đá được phân biệt tính chất của nó, người chuyên nghiệp còn dễ dàng phân biệt nhờ dụng cụ phân chất, nhưng sự chánh tà, chơn giả, thiệt hư, thiện ác không có dụng cụ hữu thể⁽³⁾ để phân chất chân tướng⁽⁴⁾ của chúng. Đó là điều rất khó đối với người tu học, nhưng không phải vì sự khó đó mà các bậc chơn tu hướng đạo không tìm ra chân tướng của chúng.

⁽³⁾ **Dụng cụ hữu thể:** Đồ nghề hữu hình (*physical tools*).

⁽⁴⁾ **Chân tướng** (chơn tướng) 真相: Bản (bổn) tướng 本相, thật tướng 實相. Đối lập với nó là *giả tướng* 假相.

Vậy, dụng cụ để phân tách tìm ra chân tướng của chúng là chi hơi chur đạo hữu? Có phải căn cứ vào cơ khí hữu thể như máy đo quang tuyến, ra đa, máy đo xạ tuyến, kính hiển vi để tìm loại vi trùng trong một phần nghìn của ly, v.v...?

Nếu là dụng cụ hữu thể thì chỉ có tác dụng tìm ra những gì hữu thể, nhưng đối với sự chân giả, thiện ác, hư thực thì những dụng cụ ấy là vô dụng. Như vậy, để phân biệt được chân tướng của dữ kiện ấy, cần phải dùng đến đạo tâm, chánh tâm, chơn tâm và thánh tâm để phân biệt được chúng mà thôi.

Nhưng than ôi! Đạo tâm, chơn tâm, thánh tâm, không phải để gì mua sắm được bằng phú quý công danh hoặc bằng tiền tài thế lực, mà phải cần sự kiên tâm trì chí, chân thành thiết tha, vô tư vô kỷ với đạo đức, với vong kỷ vị tha,⁽⁵⁾ với tinh thần phục vụ Thượng Đế và nhân sanh. Nhưng mức độ để phát triển đạo tâm, chơn tâm và thánh tâm ấy không phải mỗi ai cũng đồng đều giống nhau. Khó là khó ở chỗ đó.

Nếu là dụng cụ hữu thể để phân chất những gì hữu thể thì máy móc thuộc loại nào cũng giống như đồng loại ấy, miễn là ai có khả năng tài chánh tương xứng với dụng cụ ấy đều có thể mua về và dùng được. Còn phương tiện về tâm linh, về căn trí thì khác hẳn. Vậy nên mỗi một người,

⁽⁵⁾ **Vong kỷ** 忘己: Quên đi lợi ích của bản thân (*unselfish, selfless*). **Vị tha** 爲他: Vì người khác (*unselfish, selfless*). Hai từ này đồng nghĩa.

giữa đạo tâm, chơn tâm, và thánh tâm đều có mức độ khác nhau, tùy theo căn trí, tùy theo sự tu học. Do đó sự phát triển những dụng cụ ấy không đồng đều nhau.

Chư đạo hữu hãy tạm dùng một máy thu thanh hữu thể thu nhận các làn sóng điện để ngầm hiểu mức độ về dụng cụ đo lường sự thiệt hư, chân giả, và thiện ác. Không phải mỗi cái máy thu thanh nào cũng có thể bắt được đầy đủ các làn sóng điện xa gần, và cũng không phải mỗi cái máy thu thanh nào cũng đều thu nhận âm thanh rõ ràng từ bốn phương xa cách.

Về căn trí của con người cũng vậy. Thế nên, Thiêng Liêng thường nhắc nhở các hàng tín hữu trong sự tu học, nếu không có gì trở ngại thì sự tu học luôn luôn phải được liên tục trong nhứt nhứt thường hành, thời thời tập luyện, ví như pháp luân thường chuyển⁽⁶⁾ tiếp nối.

Một bộ máy trong chiếc xe hơi, máy có chuyển động liên tục, xe mới có thể tiếp tục vượt trên đường dài. Pháp luân có thường chuyển, đạo pháp có trường lưu, vạn vật mới có thể sinh tồn và tiến hóa. Sự tu học về nội tâm có liên tục thì sự phát triển tâm linh mới bén nhạy, dụng cụ đo lường chơn giả, thiệt hư, thiện ác mới chính xác, thời sự thành công đắc quả trong kiếp người tu học mới được trọn vẹn, thâm ngấn khoảng đường luân hồi chuyển kiếp.

⁽⁶⁾ **Pháp luân** 法輪: Bánh xe đạo pháp (*dharma wheel*). **Pháp luân thường chuyển** 法輪常轉: Luôn quay bánh xe đạo pháp; siêng năng hành thiền (*always turn the dharma wheel; permanently practising meditation*).

Trên đường tiến hóa giải thoát chẳng khác nào trên vạn nẻo đường nhân thế. Nẻo đường nhân thế tuy có đường quanh cũng còn có ngã tắt. Trên đường tiến hóa cũng thế.

Một võ sư huấn luyện hằng trăm võ sinh trên đường võ nghiệp. Suốt trong thời gian huấn luyện, những môn tổng quát thao diễn thường thức thì môn sinh nào cũng có thể làm được đồng đều giống nhau, nhưng hay dở là ở chỗ phân thế, phân miếng.

Sự hành đạo trên trường đạo và trên quăng đường tiến hóa cũng thế. Từ cõi thượng thiên, chơn linh được xuống đến cõi hồng trần, trên quăng đường dài bao nhiêu lớp, nhưng cứ tuần tự phản bổn hoàn nguyên trên quăng đường ấy rồi một thời gian dài cũng sẽ đến.

Tuy nhiên, cũng có lỗi đi tắt trong Tam Kỳ Phổ Độ để cho các hàng hướng đạo, các bậc chân tu sớm giác ngộ trì chí, hy sinh, can đảm để đi về ngõ tắt ấy, mà ngõ tắt ấy chính là dụng cụ bén nhọn để nhận chân, phân tách tính chất của sự hư thiệt, chơn giả, thiện ác đó, hồi chư đạo hữu!

Đạo lý pháp môn vô lượng, chúng sinh căn trí vô lượng. Hồi những ai muốn rút ngắn quăng đường tiến hóa để đi về ngõ tắt, phải thực thà, trì chí, kiên tâm, hy sinh, đại lượng, phá chấp, đừng dối lòng, để sớm trùng hoan⁽⁷⁾ cùng các

⁽⁷⁾ **Trùng hoan** 重歡: Vui mừng gặp lại nhau (*joyful at reunion*)..

Đấng trong thú tiêu dao⁽⁸⁾ non bồng nước nhược.⁽⁹⁾

(...)

Bản Tăng cũng khuyên toàn thể chư đạo hữu hiện diện đàn tiền hãy lưu ý đến phương thức hòa hiệp nhân tâm để hoàn thành sứ mệnh cứu rỗi chúng sinh. Đó là Bản Tăng muốn chư đạo hữu ý thức đến tác dụng của mỗi nơi, mỗi hình thức hiện tại mà phổ độ nhân sinh cho hợp tình hợp lý, nhân sinh mới hiểu rõ chỗ đắc nhứt của Đạo để đi về với Đạo, về với bản nguyên chơn lý được.

(...)

Thôi, chư đạo hữu bình an, hân hoan hành đạo. (...) Bản Tăng sẽ gặp lại chư đạo hữu.

THI

*Tạm biệt chia tay cõi sắc không⁽¹⁰⁾
Mặt chưa gặp mặt vẫn hòa đồng
Đôi câu thơ phú còn lưu lại
Tri kỷ cùng nhau một tác lòng.*

Chào chư đạo hữu. Thắng.

⁽⁸⁾ **Tiêu dao** (diêu) 逍遙: Thong thả nhàn du, tự do tự tại, không bị bó buộc (*to be free*).

⁽⁹⁾ **Non bồng nước nhược**: Cảnh tiên.

⁽¹⁰⁾ **Cõi sắc không**: Cõi sắc (thế gian hữu hình) và cõi không (cõi thiêng liêng vô hình).

Huệ Khải chú thích (28-5-2014)

HAI TIẾNG TU HÀNH

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam
Tuất thời, 15-4 Tân Hợi (Chủ Nhật 09-5-1971).
Pháp đàn: Huỳnh Chơn. Đồng tử: Thanh Căn xuất khẩu.

TIẾP ĐIỀN

VẠN HẠNH THIÊN SƯ

Bản Tăng chào chư hướng đạo Thiên ân.⁽¹⁾ Chào chư đạo hữu đàn tiền.⁽²⁾

THI

Thiền y⁽³⁾ một mảnh một lòng trong
Nguồn cũ bao phen nước lớn ròng
Sanh tử còn mơ đời bảo hợp⁽⁴⁾
Ngã nhân chưa tỏ đạo huyền thông⁽⁵⁾

⁽¹⁾ **Chư hướng đạo Thiên ân:** Các vị được ơn Trời có nhiệm vụ hướng dẫn đồng đạo.

⁽²⁾ **Đàn tiền** 壇前: (Có mặt) trước đàn cầu cơ. ([*present*] *before the séance*).

⁽³⁾ **Thiền y** 禪衣: Áo thiền, áo người tu.

⁽⁴⁾ **Bảo hợp** 寶合: Sự kết hợp tốt đẹp, bền vững. **Sanh tử còn mơ đời bảo hợp:** Đời người sống nay chết mai, thế mà còn mơ tưởng hão huyền những sự kết hợp bền vững, vì sẽ có lúc chúng phải ly tan.

⁽⁵⁾ **Huyền thông:** Thông huyền 通玄, hiểu rõ lẽ ảo diệu, sâu xa. **Ngã nhân chưa tỏ đạo huyền thông:** Còn phân biệt ta (ngã)

Ví dầu được có đừng mơ có
Thì lúc lia không cũng ngộ không⁽⁶⁾
Oi ả lạnh lùng thời mạt hạ⁽⁷⁾
Nương cơ⁽⁸⁾ *nhấn nhủ kẻ tâm đồng.*⁽⁹⁾

Nhân ngày lễ Phật Đản,⁽¹⁰⁾ Bản Tăng được sự thỉnh ý

với người (nhân) thì vẫn chưa hiểu rõ lý lẽ màu nhiệm, sâu xa của Đạo.

⁽⁶⁾ **Ngộ không** 悟空: Hiểu ra lẽ không. Không là đạo chân thật, trái với sắc là tạm bợ, chẳng bền vững. **Ví dầu được có đừng mơ có:** Sống trong thế gian (cõi nhị nguyên gồm sắc không đối đãi) thì khi có cũng đừng chấp có, đừng bám víu vào có, vì cái có ấy không bền vững (vô thường). **Thì lúc lia không cũng ngộ không:** Nhưng chẳng chấp có thì cũng đừng chấp không, như vậy mới thật là hiểu rõ, hiểu đúng lẽ không. Bởi vậy, **Bát Nhã Tâm Kinh** dạy: *Sắc tức thị không, không tức thị sắc* (Sắc tức là không, không tức là sắc).

⁽⁷⁾ **Mạt hạ:** Hạ nguon (nguyên) mạt kiếp 下元末劫 (*the last kalpa*); thời kỳ cuối cùng của một đại chu kỳ gồm có ① thượng nguon (nguồn thượng đức, nguồn tạo hóa), ② trung nguon (nguồn thượng lực, nguồn tranh đấu), ③ hạ nguon (nguồn điều tàn, nguồn tái tạo để trở lại thượng nguon). **Oi ả lạnh lùng thời mạt hạ:** Oi ả (rất nóng) và lạnh lùng (rất lạnh) là hai mặt đối lập ở mức độ cao; thời hạ nguon mạt kiếp, con người phá hủy, tàn hại lẫn nhau rất dữ dội; các giá trị đối lập (thiện ác, lành dữ...) cũng tương phản nhau rất mãnh liệt (cái ác càng tăng, điều thiện càng giảm).

⁽⁸⁾ **Nương cơ:** Mượn ngọn đại ngọc cơ để dạy đạo.

⁽⁹⁾ **Kẻ tâm đồng:** Người tri kỷ; người có cùng lý tưởng hay ước mơ, cùng một hướng đi.

⁽¹⁰⁾ **Lễ Phật Đản (Vesak):** Đại lễ mừng Đức Phật ra đời. Trước

của đạo hữu Ngọc Lịch Nguyệt⁽¹¹⁾ đến với chư đạo hữu, thiện tín⁽¹²⁾ giờ này, trước là gặp gỡ các hàng Thiên ân hướng đạo, các hàng nguyên nhân⁽¹³⁾ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và sau, nhân tinh thần ưu ái ấy, Bản Tăng có ít lời bày tỏ. Vậy mời chư đạo hữu an tọa.

Chư đạo hữu nam nữ! Hôm nay là ngày tối trọng của toàn thể tín đồ Phật Giáo trên hoàn cầu, và không chỉ tín đồ Phật Giáo mà thôi, cho đến cả tín đồ Đại Đạo nữa, đang thành khẩn dâng lên Đức Từ Bi Giáo Chủ Như Lai⁽¹⁴⁾ tẩm

năm 1950, cũng như một số nước Đông Á, Việt Nam mừng lễ này vào ngày 08-4 âm lịch. Đại Hội Phật Giáo Thế Giới lần thứ Nhất (*the First Conference of the World Fellowship of Buddhists*) tổ chức tại Tích Lan (Sri Lanka) từ 25-5 đến 08-6-1950, quy tụ đại biểu hai mươi sáu nước thành viên (trong đó có Việt Nam) đã đồng thuận chọn ngày Phật Đản cho toàn thể giới là ngày 15-4 âm lịch. Người Hoa chuyển âm (translitering) *Vesak* thành *Vệ Tắc* 衛塞; gọi lễ Phật Đản là *Vệ Tắc tiết* 衛塞節, *Phật Đản tiết* 佛誕節, *Phật Đản nhật* 佛誕日.

⁽¹¹⁾ **Ngọc Lịch Nguyệt**: Khi tại thế là Ngọc Đầu Sư, thế danh Lê Văn Lịch (1890-1947).

⁽¹²⁾ **Thiện tín** 善信: Người có lòng kính thành (*kiến thiêng* 虔誠) tin tưởng Trời Phật.

⁽¹³⁾ **Nguyên nhân** (nhơn) 原人: Những linh căn 靈根 nguồn gốc từ cõi trời, xưa kia nhận lãnh sứ mạng xuống thế gian độ đời.

⁽¹⁴⁾ **Như Lai** 如來: Một trong mười tôn hiệu của Đức Phật (*Tathāgata*). Kinh Kim Cương dạy: Đức Như Lai không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên gọi tên là Như Lai. (*Như Lai*

lòng thành kính hiến dâng trong ngày Phật Đản.

Theo tinh thần hoài tưởng ngày trọng đại này, chư đạo hữu và toàn thể thiện tín trên toàn thế giới hẳn đã tạo nơi lòng một quan điểm, một lập trường noi gương nào đó của Đấng đã khai sinh ra nền giáo lý làm thay đổi cả cuộc diện⁽¹⁵⁾ tôn giáo và tinh thần của một dân tộc vốn dĩ hiểu đạo và gây cho nhân loại một nguồn sống tinh thần cao cả. Thế là ngày lịch sử tôn giáo vậy.

Bây giờ, con người phải làm thế nào để được đúng với ý nghĩa chân thực của ngày lịch sử đó?

Dĩ nhiên, chư đạo hữu sẽ trả lời rất dễ dàng cho câu hỏi này. Đồng quan điểm với tất cả mọi người, Bản Tăng xin trình bày nơi đây một ý niệm rất thông thường cho chữ tu hành. Tuy là rất thông thường, nhưng chính nhờ nó mới tạo cho con người những yếu tố cao cả hơn trên bước đường tu thân tiến hóa.

Thế thì, chư đạo hữu đang sống trong một xã hội nhân sinh tương đối và chịu luật chi phối của đầy dẫy những nhân sự⁽¹⁶⁾ tầm thường, nên Bản Tăng cũng do đó đề nói lên lời tằm thường ngõ hầu trở nên phi thường, vượt lên cái xã hội tầm thường của nhân sinh thế sự.

Ngày xưa cho tới ngày nay, trên xã hội loài người, nhưt

giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai.
如來者, 無所從來, 亦無所去, 故名如來.)

⁽¹⁵⁾ **Cuộc diện**: Cục diện 局面, tình hình, tình thế (*situation*).

⁽¹⁶⁾ **Nhân sự** 人事: Việc người (*human affairs*).

là xã hội Việt Nam, người ta thường dùng hai tiếng *tu hành* để làm kim chỉ nam cho cuộc sống, dù là cuộc sống của bực ly gia cát ái,⁽¹⁷⁾ dù là cuộc sống của kẻ ra cúi vào lòn, dù là cuộc sống của kẻ mua gánh bán bưng, và hơn nữa, ở cửa thiền, mỗi khi đối diện với kẻ trần tục, thì người ta bảo tôi là kẻ tu hành, rồi họ định nghĩa luôn rằng ăn chay niệm Phật, không sát sanh, không uống rượu, không không và không...

Ở giới quan lại sĩ phu,⁽¹⁸⁾ mỗi khi muốn lấy lòng dân, muốn chiếm hữu một hữu thể vật chất nào, họ cũng tỏ rằng mình là những bực trị dân có đức độ, biết tu hành, ban bố ân sủng cho dân chúng đặng nhờ. Và đến cả những tay bán buôn tráo đầu,⁽¹⁹⁾ nhiều mưu chước lường gạt tha nhân⁽²⁰⁾ để cầu lấy cái lợi vật chất về mình, mỗi khi gặp việc cần để thân hút món ăn, họ cũng chẳng ngại đem hai tiếng tu hành để che đậy thói hư tật xấu của mình.

Nói quanh nói quẩn cũng hai chữ *tu hành*. Nó đã trở thành một từ ngữ phổ thông, mà phổ thông trong các giới. Giới nào xài cũng được, thì tự nó không còn ý nghĩa đích thực của nó nữa. Tức là nó đã biến thiên, nó được định

⁽¹⁷⁾ **Ly gia** 離家: Rời bỏ gia đình (*to leave one's family*). **Cát ái** 割愛: Cắt đứt tình cảm yêu thương ràng buộc (*to give up what one favours or loves*).

⁽¹⁸⁾ **Sĩ phu** 士夫: Những người có học thức, giới trí thức của một nước, một xã hội (*the intelligentsia*).

⁽¹⁹⁾ **Tráo đầu** (lường cân): Cân non đong thiếu để gian lận.

⁽²⁰⁾ **Tha nhân** 他人: Người khác (*other people*).

nghĩa đủ thứ. Cho đến cả những thành phần băng hoại nhân phẩm, đồ vỡ giá trị con người, cũng nhờ nó mà chớ che. Song dù thế nào chẳng nữa, là người tu chánh đạo, cũng nên đem nó trở lại ý nghĩa căn bản thực sự của nó hầu dùng nó cho đúng chỗ đúng nơi.

Tu là sửa. Ấy chỉ là phần tiêu cực, mà còn phải bồi bổ mới là phần tích cực. Nghĩa là sửa đổi đi những điểm xấu xa tội lỗi để không còn một bợn nhơ, một mặc cảm nào về tội lỗi; và còn phải bồi bổ nó thêm về những hành động hiền lành phước đức, đúng lời Phật dạy: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành.”⁽²¹⁾

Phần tu là bồi bổ, chỉ cho người một cái hướng, cái chỗ đi, nhưng chưa biết phải làm gì và đi tới đâu, tức phải nhờ vào sở học.⁽²²⁾ Nhưng học gì đây, trong khi mình là một người tu, một người phé đời⁽²³⁾ hành đạo, một người hướng thiện?

Học đạo, nếu chỉ một tiếng thôi, cũng chưa đủ. Nó còn phải hiểu thêm nhiều nữa, vì lâu nay, từ đâu tới đây, từ bao giờ tới bây giờ, chỗ nào cũng có người học đạo. Bao giờ cũng có người học đạo nhưng thế giới vẫn chưa được ổn

⁽²¹⁾ **Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành** 諸惡莫作, 眾善奉行. Chớ làm các việc ác, vâng làm những điều lành. (Lời Phật dạy trong kinh Pháp Cú, phẩm 183.)

⁽²²⁾ **Sở học** 所學: Chỗ học vấn, cái học mình có được (*one's learning*).

⁽²³⁾ **Phé đời**: Bỏ việc đời (*to give up worldly affairs*).

đỉnh, con người vẫn chưa nắm vững được giềng mối của đạo là thế nào, nên mới chịu những chia ly về chữ đạo, làm phân hóa con người ra từng mảnh. Bởi lời nói ra là tương đối nên phải bị chi phối đủ mọi mặt, không trách sao con người phải sa vào tình trạng hỗn loạn như ngày nay.

Bản Tăng muốn chỉ cho chư đạo hữu một lối học đạo, không phải là thứ đạo ngoài cái đạo. Nói như vậy chẳng phải chư đạo hữu xưa nay đã lầm lẫn về môn học đạo đâu. Chư đạo hữu đã gặp minh sư.⁽²⁴⁾ Hiện hữu minh sư là Đức Cha Trời Thượng Đế, bạn hữu là những người đồng hành trên Đại Đạo.

Trên Đại Đạo ấy, chư đạo hữu đã, đang học những gì, và cái học đó để giúp yếu tố cho sự tu đức, sự bồi bổ vậy.

Sự bồi bổ về đạo này cũng gọi là hành, mà từ ngữ tu hành được gói ghém trong đó.

Thường thường phân đông những nhà tu hành theo Đại Đạo hiểu chữ tu hành được chia ra hai giai đoạn, cũng không phải giai đoạn nữa, được chia ra hai phần là đúng hơn. Một phần tu đức, tu thân, sửa chữa thân mình cho đẹp, cho thiện mỹ, cho trong sáng, khỏi những vô minh.⁽²⁵⁾ Một phần nữa là hằng đem năng lực và sự hiểu biết về lẽ tu, lẽ đạo để làm cho người khác nên, làm cho người khác được yên vui cũng như mình, để đồng nhau dẫn dắt về nơi tuyệt đỉnh của sự tu, là sự đắc đạo.

⁽²⁴⁾ **Minh sư** 明師: Thầy sáng, thầy giỏi.

⁽²⁵⁾ **Vô minh** 無明: Ngu dốt, tối tăm, không hiểu biết (*ignorant*).

Nói một cách khác, là tự độ và độ tha đó. Cũng như Đức Phật đã dạy tự giác, giác tha,⁽²⁶⁾ để rồi giác hạnh viên mãn.⁽²⁷⁾

Quan trọng hơn hết, là trong thời kỳ hạ nguon này, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chủ trương không tu thân độc thiện⁽²⁸⁾ mà phải song hành độ tha nữa. Điều đó chư đạo hữu tất cả hiểu rõ lắm rồi.

Như vậy, không có lý do nào để khước từ nhiệm vụ hành đạo hữu vì để trở về chốn thâm sơn cùng cốc⁽²⁹⁾ mà an dưỡng thân trần,⁽³⁰⁾ sớm tối tụng kinh niệm kệ mà ngắm

⁽²⁶⁾ **Tự giác** 自覺: Giác ngộ cho mình (*enlightenment for self*).

Giác tha 覺他: Giúp cho người khác giác ngộ (*enlightenment for others*).

⁽²⁷⁾ **Giác hạnh viên mãn** 覺行圓滿: Giác ngộ và hoàn thành đều trọn vẹn (*perfect enlightenment and accomplishment*), nghĩa là ở mức độ cao nhất, hơn hẳn Bồ Tát. Có câu: *Phật sở cụ túc chi tam giác: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.* 佛所具足之三覺: 自覺, 覺他, 覺行圓滿. Phật có đủ ba giác là: Giác ngộ cho mình, giác ngộ cho người, giác ngộ và hoàn thành trọn vẹn. Bạc La Hán thì có tự giác. Bạc Bồ Tát thì có cả tự giác và giác tha. Chỉ riêng Phật mới có đủ ba (ở mức độ cao hơn Bồ Tát).

⁽²⁸⁾ **Tu thân độc thiện**: *Tu độc thiện kỳ thân* 獨善其身, tu cho riêng bản thân được tốt.

⁽²⁹⁾ **Thâm sơn cùng cốc** 深山窮谷: Núi sâu hang thẳm [ở chốn xa xôi hẻo lánh] (*remote mountains and grottos*).

⁽³⁰⁾ **Thân trần**: Thân phàm, tấm thân xác thịt cõi trần (*worldly body, physical body*).

nhìn thế sự đầy đầy những đau khổ, những hoạn nạn, những nghèo đói, những dốt nát, những vô minh, những đù thứ của kiếp con người xa đạo, xa nguyên bản⁽³¹⁾ của con người.

Đức Phật ngày xưa cũng thế, dù nhìn đời bằng đôi mắt xót thương, vì đời là biển khổ, nhưng không vì biển khổ mà con người giác ngộ lại hóa ra ích kỷ, lẩn tránh nhiệm vụ để giải thoát một mình, còn bao nhiêu nhân sinh thì phó mặc cho sóng thần⁽³²⁾ trôi dạt nhận chìm, không buồn biết đến.

So sánh như trên để nhận thấy rằng tu hành tự độ độ tha, không phải là hai giai đoạn cách biệt, mà nó phải song hành với nhau.

Không cần phải đi xa vào thế giới ảo tưởng nào hơn, nhìn lại xã hội loài người hiện đang trước mắt, những sụp đổ nền tảng tinh thần, những rạn nứt tình đệ huynh tứ hải, những hủy hoại nền phong hóa⁽³³⁾ cao đẹp của từng xã hội dân tộc, không phải do luồng gió độc bởi phong vân bất trắc⁽³⁴⁾ hay phong vũ bất kỳ,⁽³⁵⁾ cũng không phải do bàn tay

⁽³¹⁾ **Nguyên bản** 原本: Nguồn gốc (*origin*).

⁽³²⁾ **Sóng thần** (hải khiêu 海嘯): Sóng lớn, cao từ 20 đến 30 mét, do nước biển rút ra khơi rồi trở lại bờ với tốc độ 500 đến 800 km/giờ, sức tàn phá vô cùng khốc liệt (*tsunami*).

⁽³³⁾ **Phong hóa** 風化: Tập tục (phong tục) đã được dạy bảo (giáo hóa) và trở thành tốt đẹp.

⁽³⁴⁾ **Phong vân bất trắc** 風雲不測: Những thay đổi vận mạng không lường trước được, không ngờ được (*sudden change of fortune*).

sắt thép hữu hình nào đè ép phá vỡ xô ngã được nó, mà tất cả đều do lòng người, do con người không còn nhận một hiện thể của chơn thường diệu hữu⁽³⁶⁾ nào cả. Con người đã phản kháng chính con người mà tự con người không hay không biết. Chỉ bằng đôi mắt phàm gian tự mãn⁽³⁷⁾ về trí khôn, về quyền lực, để mong tiến bộ tột đỉnh cho nền văn minh nhơn loại, hóa ra một sự nhảm lẫn to tát của con người. Cái có đó, cái mà con người chấp nhận là một hiện hữu bất di bất dịch⁽³⁸⁾ ấy, lại là cái hữu thể⁽³⁹⁾ hện ngày sụp đổ bởi thời gian. Không gìn giữ, không biết đến cái sâu thẳm và nguyên thủy là cái chơn không mà diệu hữu. Cái đó được mệnh danh là Đạo, là tâm linh, là linh quang,⁽⁴⁰⁾ tiêu

⁽³⁵⁾ **Phong vũ bất kỳ** 風雨不期: Những thử thách gian nan không hện trước (*unexpected trials and hardships*).

⁽³⁶⁾ **Diệu hữu** 妙有: Cái có tuyệt đối (cái có mà không phải là có), đối lập với cái có tạm bợ (giả hợp) của mọi sự vật, hiện tượng thế gian. (*The absolute reality, the incomprehensible entity, as contrasted with the superficial reality of phenomena; supernatural existence.*)

⁽³⁷⁾ **Tự mãn** 自滿: Tự cho là mình đã có đầy đủ, hài lòng với những gì mình đang có (*complacent, self-satisfied*).

⁽³⁸⁾ **Bất di bất dịch** 不易: Không dời đổi, không thay đổi (*unchanging, steadfast*).

⁽³⁹⁾ **Hữu thể** 有體: Tiếng gọi bất kỳ một vật, một hình thể, một cái trừu tượng, một ý tưởng, một pháp (*a thing, form, dharma, anything of ideal or real form*).

⁽⁴⁰⁾ **Linh quang** 靈光: Ánh sáng thiêng liêng (*sacred light*).

thiên địa⁽⁴¹⁾ vậy.

Biết được những sụp đổ tinh thần, những sụp đổ vật thể không phải do ai, do đâu, chính do cái lòng trần hay dịch biến nó tạo nên mà thôi. Cũng như xưa kia, thời Đức Lục Tổ Huệ Năng, những vị tăng đồ đang ngồi thưởng cảnh trước sân thiền, nhìn lá phướn phát phơ trước gió, người thì cho là tại như thế này, người thì cho là như thế nọ lá phướn nó mới bay. Sự thật thì lá phướn không có bay có động, bản thể⁽⁴²⁾ của nó là như như,⁽⁴³⁾ chẳng lay chẳng động. Có động chẳng là do cái nhìn của con người...

THI

*Tánh động cảnh trần cũng động theo
Người tu chơn chánh hãy xem vào⁽⁴⁴⁾
Chẳng lo chấp trước hình thính sắc⁽⁴⁵⁾*

⁽⁴¹⁾ **Tiểu thiên địa** 小天地: Vũ trụ nhỏ (*microcosmos*), ám chỉ thân xác con người.

⁽⁴²⁾ **Bổn (bản) thể** 本體: Theo triết học, bản thể là cái tự nó tồn tại (đôi lập với hiện tượng), thường dịch là *substance, being...* Trong đạo học, bản thể còn gọi là *bản tính, pháp tính, chân như, v.v...*

⁽⁴³⁾ **Như như** 如如: Không thêm không bớt, không lay không động (*free from any effect*). [Khi dùng như danh từ, *như như* đồng nghĩa với *chân như, như lai, Phật tánh, Thượng Đế tánh, bản thể, chân như bản thể...*]

⁽⁴⁴⁾ **Xem vào**: Xem nó là khoảnh khắc tan biến rất nhanh.

⁽⁴⁵⁾ **Hình thính (thanh) sắc** 形聲色: Hình thể, âm thanh, hình tướng (những thứ không bền vững, vô thường).

Mà để thần linh⁽⁴⁶⁾ phải hiểm nghèo.

HỤU

*Nghèo tiền nghèo bạc chẳng hề đâu⁽⁴⁷⁾
Đạo đức gìn trau được đủ giàu
Diệu hữu⁽⁴⁸⁾ trường tồn trong một lẽ
Chơn thường⁽⁴⁹⁾ không chuyển bởi ba đào.⁽⁵⁰⁾*

HỤU

*Đào nguyên⁽⁵¹⁾ khó đặng ở nơi nao
Hồi khách trần gian bước ngõ nào?
Đây lộ trình đang khơi đạo mạch⁽⁵²⁾
Quay về chẳng nệ những gian lao.*

⁽⁴⁶⁾ **Thần linh**: Ý nói phần giá trị rất thiêng liêng ẩn giấu bên trong con người.

⁽⁴⁷⁾ **Chẳng hề đâu**: Chẳng hề hán gì, chẳng sao đâu, chẳng hệ trọng đâu (*insignificant*).

⁽⁴⁸⁾ **Diệu hữu** 妙有: Cái có tuyệt đối (cái có mà không phải là có), đối lập với cái có tạm bợ (giả hợp) của mọi sự vật, hiện tượng thế gian. (*The absolute reality, the incomprehensible entity, as contrasted with the superficial reality of phenomena; supernatural existence.*)

⁽⁴⁹⁾ **Chơn (chân) thường** 眞常: Cái vĩnh cửu chân thật (*the true eternity*).

⁽⁵⁰⁾ **Ba đào** 波濤: Sóng lớn (*great wave, billow*).

⁽⁵¹⁾ **Đào nguyên** 桃源: Cối Tiên.

⁽⁵²⁾ **Đạo mạch** 道脈: Nguồn, dòng của Đạo; nguồn này từ Đạo chảy ra, theo nguồn này người tu trở về Đạo.

HỮU

Lao khổ tu đi một kiếp này
Tu là sửa đổi dở ra hay
Tu là bồi bổ nền âm chất⁽⁵³⁾
Tu rạng thanh danh mỗi đạo Thầy.

HỮU

Thầy hiện nhân gian ở chúng sinh
Khuyên cho nhơn loại cuộc đặng trình⁽⁵⁴⁾
Hành tròn sứ mạng trang hiền sĩ⁽⁵⁵⁾
Hành đức tha nhân được thái bình.⁽⁵⁶⁾

⁽⁵³⁾ **Âm chất** 陰騭: Âm công 陰功, âm đức 陰德. Việc lành, việc thiện không phô trương, tuy che giấu người đời nhưng Trời Phật, Thánh Thần đều biết (*hidden good deeds*). Chúa Giêsu dạy làm âm chất như sau: *Khi làm việc lành phúc đức, anh em phải coi chừng, chớ có phô trương cho thiên hạ thấy. Bằng không, anh em sẽ chẳng được Cha của anh em, Đấng ngự trên trời, ban thưởng.* (Matthêu 6:1); *Còn anh, khi bố thí, đừng cho tay trái biết việc tay phải làm, để việc anh bố thí được kín đáo. Và Cha của anh, Đấng thấu suốt những gì kín đáo, sẽ trả công cho anh.* (Matthêu 6:3-4)

⁽⁵⁴⁾ **Đặng trình** 登程: Lên đường (*to start a journey*).

⁽⁵⁵⁾ **Hành tròn sứ mạng trang hiền sĩ** 賢士: Làm tròn sứ mạng thì là người hiền có tài có đức.

⁽⁵⁶⁾ **Hành đức tha nhân được thái bình**: Thi hành đạo đức với người khác thì thế gian được hưởng thái bình.

HỮU

Bình tâm⁽⁵⁷⁾ thấy rõ lẽ mâu vi⁽⁵⁸⁾
Vi hiển⁽⁵⁹⁾ cùng soi đạt trí tri⁽⁶⁰⁾
Chẳng chạy đầu non và cuối bể
Cũng nhìn đầy đủ Đạo Tam Kỳ.

HỮU

Kỳ chót là kỳ tuyển lựa đây
Hỡi ai còn bận cõi trần ai
Mau chơn kéo trẻ trường công quả
Điểm đạo cho người chẳng lệch sai.

Chư đạo hữu nam nữ! Với những lời tắt yếu⁽⁶¹⁾ trên, Bần Tăng mong mọi tâm đạo của mỗi người trên bước đường tu kỹ độ tha⁽⁶²⁾ luôn luôn tiến triển, không phải ngừng nghỉ để bị bánh xe thời gian lăn cán và được đúng

⁽⁵⁷⁾ **Bình tâm** 平心: Lòng phẳng lặng, không xao động.

⁽⁵⁸⁾ **Mâu**: Huyền diệu, mâu nhiệm. **Vi** 微: Huyền diệu, mâu nhiệm (nghĩa 1, xem thêm nghĩa 2 ở chú thích 59 bên dưới).

⁽⁵⁹⁾ **Vi** 微: Ẩn giấu (nghĩa 2). **Hiển** 顯: Bày ra cho thấy.

⁽⁶⁰⁾ **Trí tri** 致知: Biết cho rốt ráo, biết cho đến cùng tột (*to attain the utmost knowledge*).

⁽⁶¹⁾ **Tắt yếu** 必要: Rất cần thiết, không thể thiếu được (*indispensable*).

⁽⁶²⁾ **Tu kỹ** 修己: Tu thân, sửa đổi và luôn cải thiện chính con người mình (*to cultivate and constantly improve oneself*). **Độ tha** 渡他: Giúp người khác tu.

với Đạo Trời hành vận ⁽¹⁾ luôn luôn như quân tử tự cường bất tức. ⁽²⁾ Bất tức là không nghỉ, nếu nghỉ là chệnh mảng. Hễ chệnh mảng là đi sai với Đạo Trời rồi vậy.

*Mấy lời đạo lý hôm nay
Mong chư đạo hữu đem tài chiếu tri ⁽³⁾
Dù cho gặp buổi loạn ly
Mỗi người mỗi ngã cứ y tu hành
Chẳng tu xa lánh nhơn sanh
Chẳng tu độc thiện để hành độc thân
Vi nhân cùng với chúng nhân ⁽⁴⁾
Xử sao cho vẹn mỗi phần thì thôi.*

Bản Tăng ban ơn lành toàn tất chư đạo hữu đàn trung lớn nhỏ nữ nam. Hẹn ngày tái ngộ. Bản Tăng xin chào chung.
Giã từ. Thăng.

-
- ⁽¹⁾ **Hành vận** 行運: Chuyển động, xoay vần.
⁽²⁾ **Quân tử tự cường bất tức**: Do câu *Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức*. 天行健, 君子以自強不息. Trời vận hành mạnh mẽ, quân tử nhân đó mà tự mình cố gắng mạnh mẽ không ngừng. (Đại Tượng Truyện quẻ Kiên)
⁽³⁾ **Chiếu tri** 照知: Hiểu biết rõ (*to comprehend*). [*Chiếu cũng có nghĩa là hiểu biết. Thí dụ: Tâm chiếu bất tuyên. 心照不宣. Trong lòng đã hiểu rõ nhưng không nói ra.*]
⁽⁴⁾ **Vi nhân cùng với chúng nhân** 為人 cùng với chúng nhân 眾人: Làm người cho đúng nghĩa, đúng đạo lý con người trong lúc sống chung với mọi người.

Huệ Khải chú thích (22-5-2014)

TỪ TAM GIÁO, TỬ GIÁO, TỚI VẠN GIÁO ĐỒNG NGUYÊN

Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý Hội Thánh Di Lạc
Tuất thời, 30-8 Tân Hợi (Thứ Hai 18-10-1971)
Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài
Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.
Pháp đàn: Huệ Chơn. *Đồng tử*: Thanh Căn xuất khẩu.

THI

THIỆN nguyện Thiên tùng sự cổ kim ⁽⁵⁾
HẠNH viên vun quén với tâm điền ⁽⁶⁾
ĐỒNG bào đau xót gan bào cũng ⁽⁷⁾

-
- ⁽⁵⁾ **Thiện nguyện Thiên tùng sự cổ kim** 善願天從事古今: Sự việc xưa nay là hễ có lòng mong muốn tốt lành thì Trời đều chịu theo (*The everlasting fact is that God always meets people's good will*).
⁽⁶⁾ **Hạnh viên** 行園: Vườn hạnh, mảnh vườn đức hạnh (*the garden of virtues*), biết vun quén thì cảnh vườn tươi đẹp, bỏ bê thì cỏ dại um tùm (tánh xấu đầy đầy). **Tâm điền** 心田: Ruộng lòng. Lòng người như thửa ruộng, không chăm sóc thì cỏ dại mọc hoang. Biết vun phân tưới nước, gieo giống tốt thì sẽ sanh ra trái ngọt, cây lành, kết quả tốt đẹp. (*The field of the mind, or heart, in which spring up good and evil.*)
⁽⁷⁾ **Đồng bào** 同胞: Cùng một bọc; người cùng một dòng giống, dân cùng một nước (*fellow citizen, countryman*). **Bào**: Đau đớn (như bị cái bào của thợ mộc xát lên da thịt). Truyện Kiều có câu: *Sinh [Thúc Sinh] càng thảm thiết khát khao / Như nung*

TỬ tế vị tha sạch nghiệp duyên.⁽⁸⁾

THIỆN HẠNH ĐỒNG TỬ

Tiểu Thánh chào chư liệt vị hướng đạo Thiên ân. Chào chư đạo tâm nam nữ. Giờ này Tiểu Thánh vâng lệnh xuống báo tin có Đức Vạn Hạnh Thiên Sư lai cơ.⁽⁹⁾ Vậy trong ngoài thành tâm nghinh tiếp. Tiểu Thánh xin xuất ngoại hộ đàn.

TIẾP ĐIỀN

VẠN HẠNH THIÊN SƯ

Bản Tăng chào mừng chư hiền đệ, hiền muội lưỡng ban đàn nội.

THI

Chuỗi dài ý hệ⁽¹⁰⁾ *cõi Nam Giao*⁽¹¹⁾

gan sắt như bào lòng son. Câu thơ của Đức Thiện Hạnh Đồng Tử có nghĩa: Đồng bào đau xót (trong cảnh khổ) thì gan ruột (người tu) cũng đau xót lây. Ở đây Ngài chơi chữ khi dùng hai chữ *bào* đồng âm khác nghĩa. *Bào* 胞 (trong *đồng bào*) là cái dạ con (*womb*); và *bào* 刨 là cái bào của thợ mộc (*carpenter's plane*).

⁽⁸⁾ Dem lòng tử tế đối đãi với người khác (*vị tha*) thì bản thân mình hết nghiệp quả.

⁽⁹⁾ **Lai cơ** 來乩: Đến đàn cơ, cũng như *lai đàn* 來壇, *giáng đàn* 降壇, *lâm cơ* 臨乩, *lâm đàn* 臨壇.

⁽¹⁰⁾ **Ý hệ:** Ý thức hệ, hệ tư tưởng (*ideology*).

⁽¹¹⁾ **Nam Giao** 南交: Đất Giao Chỉ ở phương Nam. Xem thêm chú thích (16) về *Giao Chỉ*.

Thích, Đạo, Nho Tông những sắc màu

Đã có trường thi Tam Giáo trước

Nhịp đầu để nổi nhịp theo sau.

Hôm nay Bản Tăng thừa hành thánh ý của Đức Di Lạc Thiên Tôn và Tòa Tam Trấn đến đây để chứng minh ngày lễ khai mạc Văn Phòng đại diện Phổ Thông Giáo Lý của Hội Thánh Trúc Lâm Thiên Điện Di Lạc Bửu Tòa. Tuy chỉ có Bản Tăng giáng đàn chứng lễ, nhưng nơi thiên không,⁽¹²⁾ Đức Di Lạc đang chiếu lãn quang điển trong cuộc lễ này.

Để đáp ứng những công lao hoàn thành vị trí làm phương tiện phổ độ nhơn sanh và tâm thành hiến dâng lên Ôn Trên của chư hiền đệ, hiền muội nơi này và các nơi lân cận, Bản Tăng miễn phép toàn thể chư hiền đệ muội đồng an tọa tịnh tâm nghe Bản Tăng có đôi lời gọi rằng huấn dụ sau buổi lễ khai mạc vừa xong.

Chư hiền đệ, hiền muội!

Xuyên qua cuộc lễ khai mạc này, những phát biểu về ý nghĩa của vấn đề phổ thông giáo lý trong hiện tại của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói chung, và nơi Hội Thánh Di Lạc này nói riêng, tưởng cũng đủ rồi với chư hiền. Nơi đây, Bản Tăng cũng bày tỏ thêm về nhiệm vụ phổ thông giáo lý trên căn bản đồng nguyên vạn giáo.

Này chư hiền đệ, hiền muội!

⁽¹²⁾ **Thiên không** 天空: Bầu trời (*sky*).

THI

*Tinh thần vạn giáo cỡi trời Đông
Từ thuở xa xưa muốn hiệp đồng
Trên những tinh anh về lẽ Đạo
Nhưng chưa kết hợp sự duy tâm.*

Trước hết, Bàn Tăng nói qua vài nét về phổ thông giáo lý trên hai phương diện:

Thứ nhất, trên đường lối sinh hoạt thực tế.

Chư hiền đệ, hiền muội!

Một nền tôn giáo, một chủ thuyết nào có mang đầy những tính chất sống động hợp thời đại nhân tâm đều là những tôn giáo, những chủ thuyết nằm trọn vẹn trong lòng sự sống của nhân sinh.

Thật vậy, đã mang tiếng là con dân trong một nước có một nền văn hóa huy hoàng từ ngàn xưa được cấu tạo trên một nền tảng văn minh nhân bản sớm nhất nhân loại, dĩ nhiên chư hiền đệ, hiền muội và tất cả đều ý thức được đường hướng, được truyền thống cao cả của hiền nhân tiên tổ lưu lại. Phần lớn đều có một bản chất miên viễn⁽¹³⁾ lâu dài. Lại nữa, cho tới những thời đại sau này, đời sống con người được mở mang và tiếp nhận thêm những ánh sáng tư tưởng hoàn mỹ để tô điểm cho kiếp vi nhân.⁽¹⁴⁾ Gần hơn

⁽¹³⁾ **Miên viễn** 綿遠: Lâu dài (everlasting).

⁽¹⁴⁾ **Vi nhân** 為人: Làm người.

nhất và điển hình nhất là phương châm hành đạo trong giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Cao Đài Giáo.⁽¹⁵⁾

Đã có một tôn chỉ, một hướng tiến đến tột đỉnh của lẽ sống miên trường⁽¹⁶⁾ theo Đại Đạo rồi, chư hiền tất nhiên đã, đang và sẽ sống, sẽ dần thân trong một thế giới hỗn tạp này để tiến hóa bằng sự tu hành độ tha. Thế thì, nhìn ngay vào cuộc sống, chư hiền phải là những người sống với tất cả ý nghĩa mà Thượng Đế phó giao và an bài, thị hiện⁽¹⁷⁾ cho mỗi người một quyền năng, một sở hữu tuy khác nhau nhưng cũng đồng tánh đồng chất như nhau, làm gương mẫu cho đời trông vào, từ những tiểu tiết của sự ăn uống, xê dịch, sống còn trong đời vật chất tầm thường, mặc dầu những phong thái ăn mặc, ngôn ngữ giao tế ấy hoàn toàn là phần hữu vi vật chất, song phải được thành hình bởi một động lực tinh thần mà giáo lý đạo đức đã lên khung.

Người tín hữu sở dĩ khác đời là ở chỗ đó, ở chỗ đối với bản thân mình thì trong sạch từ tư tưởng lời nói đến việc làm, ở tha nhân, gia đình hay xã hội thì mưu được sự hòa thuận an bình lợi ích cho chung.

Mình muốn siêu thoát khỏi cái đời sống ô trược này thì cũng mong ước cho kẻ khác được như vậy bằng tấm gương

⁽¹⁵⁾ Theo Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch, khi nói tắt là đạo Cao Đài, khi nói đầy đủ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đản tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Tân Hợi (10-02-1971).

⁽¹⁶⁾ **Miên trường** 綿長: Dài lâu (everlasting).

⁽¹⁷⁾ **Thị hiện** 示現: Bày ra cho mọi người thấy.

chối lợi. Chẳng hạn, muốn bảo thiên hạ cùng ăn chay, cùng không sát sanh hại vật, cùng đem tình thương vô tư chan rưới khắp nơi, trước ý muốn ấy là tự thân mình đã sống trọn vẹn hy sinh hoàn toàn cho ý hướng ấy bằng bất cứ khó khăn nào.

Vả lại, Đức Thượng Đế Ngài ban cho loài người lẽ sống thì lẽ sống phải được thể hiện vuông tròn linh động theo định luật đạo lý. Như thế là Ngài mới vui vì được các con cái chứng minh rõ ràng về nguồn sáng tạo, đức háo sanh vô lượng vô biên của Ngài.

Cho nên vấn đề đem giáo lý hay thể gian gọi là văn hóa vào đời sống tầm thường chan hòa trong mọi lãnh vực, thấm nhuần được cốt tủy của sự thật, của lẽ thuần lương và tốt đẹp rất là quan trọng, đứng vào bậc nhất trong quá trình tiến bộ đạo đức con người.

Những sự kiện ấy, ngày xưa các phái đạo gia thường cho đó là bất ngôn chi giáo,⁽¹⁸⁾ không dạy bảo thiên hạ bằng ngôn ngữ hình thức mà thiên hạ vẫn nghe theo, làm theo đúng đường. Các đấng tiên vương⁽¹⁹⁾ ở thời cổ đại cũng hằng thể hiện được lẽ sống linh hoạt ấy mà đem hạnh phúc thịnh trị cho muôn dân. Tinh thần ấy đến nay vẫn còn giá trị to tát. Chư hiền đệ, hiền muội lưu ý để làm đà phát triển cơ phổ độ nhơn quần.

⁽¹⁸⁾ **Bất ngôn chi giáo** 不言之教: Dạy không dùng lời (*Teaching without words*).

⁽¹⁹⁾ **Tiên vương** 先王: Vua đời trước (*former king*).

Thứ hai là phổ thông giáo lý trên hình thức giáo điều thuyết lý.

Giai đoạn này là kết quả, là hậu thân của giai đoạn sống đạo trọn vẹn ở trên.

Thật vậy, trong xã hội đảo điên về mọi mặt này, con người ít khi bình tâm tâm trí để kiểm tầm những lẽ mầu vi huyền bí, những an ủi tinh thần nào xa xăm. Thái độ của người đời như vậy không phải tại họ lười biếng hay không ưa thích tự đáy lòng, nhưng tại hoàn cảnh phủ ngăn từ mọi chiều hướng đưa tới. Nhiệm vụ của những người sống đạo như ban nãy, chư hiền đệ, hiền muội là người hữu duyên đi trước, có bổn phận phải phát huy đường hướng ấy lên trên mắt thiên hạ để họ thấy mà tùy tiện cùng theo. Sự theo những giáo lý của Đại Đạo mà chư hiền có sứ mạng cảm nắm và phát huy không có nghĩa là theo chư hiền, vì chư hiền chỉ là một tiểu thiên địa, một con người như hàng vạn con người khác, chỉ khác là giác ngộ trước lẽ Đạo và hướng dẫn người theo sau mà thôi.

Cũng cần phải nói thêm là trên phương diện truyền bá giáo lý phải được thuần nhất đúng theo chơn truyền tâm pháp, không được bẻ cong bởi tư tâm nào nếu không có Hội Đồng Tam Giáo chỉnh tu.

Người cầm đuốc dẫn đường luôn luôn phải là thông hiểu rõ đường nào phải đi, đường nào phải tránh, không được lẫn lộn với nhau, cùng lúc phải giữ gìn ngọn đuốc cho sáng tỏ mãi mãi để mình và mọi kẻ đi mút được khoảng đường. Sự vinh quang thành công theo lý tưởng là ở đó.

THI

*Hai đường phổ độ đến nhân sanh
Phải được hy sinh để đạt thành
Sống với Đạo Trời miên viễn sống
Mọi thời mọi kẻ rạng thanh danh.*

Sau vài nét về phổ thông giáo lý, bây giờ chur hiền đệ, hiền muội chịu khó nghe thêm, nhớ lại vài nét đại cương về căn bản đồng nguyên Tam Giáo.

Sở dĩ Bản Tăng nêu lại nơi đây vì thấy chur hiền đệ muội vừa rồi cũng đề cập tới.

Thứ nhất, sự mạnh nha lý đồng nguyên Tam Giáo.

Này chur hiền đệ, hiền muội!

Như chur hiền đã biết, tư tưởng Tam Giáo đồng nguyên đã khai sinh từ những triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần. Trước thời kỳ này, các tôn giáo như Phật Giáo, Đạo Giáo và Nho Giáo đều biệt lập với nhau về thể đứng trong xã hội lúc bấy giờ, nhưng bản chất con người Giao Chi⁽²⁰⁾ vốn là hảo hòa nên sự thể hiện tinh thần đồng nguyên ba nhà đạo giáo ấy qua các đấng tiên vương cho mở những trường thi Tam

Giáo⁽²¹⁾ và cho những giáo lãnh,⁽²²⁾ những bậc tu hành mỗi phái này được tham dự vào công cuộc đại sự quốc gia.⁽²³⁾ Song le,⁽²⁴⁾ những cuộc trao đổi thi thố tài năng giữa ba nhà đạo giáo ấy khi xưa chỉ có tánh cách hình thức nông cạn mà thôi.⁽²⁵⁾

⁽²¹⁾ **Trường thi Tam Giáo:** Trong buổi đầu rục rờ của lịch sử dân tộc, các vua tuyển chọn nhân tài giúp nước thông qua hai kỳ thi về Tam Giáo. Lần thứ nhất mở năm 1195, triều Lý Cao Tông (trị vì 1175-1210). Lần thứ hai mở năm 1247, triều Trần Thái Tông (trị vì 1226-1258).

⁽²²⁾ **Giáo lãnh** (lãnh) 教領: Người lãnh đạo trong tôn giáo (*religious leader*).

⁽²³⁾ Các vua Đinh, Lê, Lý chọn các thiền sư, đạo sĩ vào triều làm cố vấn hoặc quốc sư. Chẳng hạn: ① Vua Đinh Tiên Hoàng (trị vì 968-979) phong thiền sư Khuông Việt (Ngô Chân Lưu, 933-1011) làm Tăng Thống, phong thiền sư Đặng Huyền Quang làm Sùng Chân Uy Nghi, phong đạo sĩ Trương Ma Ni làm Tăng Lục. ② Vua Lý Thái Tổ (trị vì 1009-1028) tôn thiền sư Vạn Hạnh làm Quốc Sư. ③ Vua Lý Nhân Tông (trị vì 1072-1127) thường kê cận thiền sư Giác Hải và đạo sĩ Thông Huyền. ④ Vua Lê Đại Hành (trị vì 980-1005) thì tham vấn thiền sư Đỗ Pháp Thuận (915-990). ⑤ Vua Lý Thần Tông (trị vì 1128-1138) được thiền sư Viên Thông (1080-1151) giúp. ⑥ Vua Lý Cao Tông (trị vì 1176-1210) cử thiền sư Nguyễn Thường làm Tăng Phó.

⁽²⁴⁾ **Song le:** Tuy nhiên (*however*).

⁽²⁵⁾ Một hôm vua Lý Nhân Tông đang đàm đạo cùng thiền sư Giác Hải và đạo sĩ Thông Huyền thì trính nhà phía trên đầu có hai con tắc kè đua nhau kêu điếc cả tai. Vua bảo đạo sĩ làm cho nó im. Thông Huyền lâm râm niệm chú, liền rơi xuống một con. Giác Hải ngẩng lên, định thần nhìn con còn lại, nó liền rớt

⁽²⁰⁾ **Giao Chi** 交趾 (趾): Tên gọi Việt Nam thời xưa, có từ thời Hùng Vương, bao gồm lãnh thổ tương đương Hà Nội ngày nay và miền hữu ngạn sông Hồng. Sau khi nhà Đông Hán (Trung Quốc) chiếm Giao Chi, vua Hán Hiến Đế đổi tên Giao Chi thành Giao Châu vào năm 203.

Vì sao? Vì ba nhà này chỉ được quyền phát huy tôn giáo của mình mà chưa có ý thức quy mô về sự trao đổi giáo lý hòa hiệp tinh thần; cho nên, trải qua từng thời gian, phái này thành bởi nắm được quyền bính nơi tay, thì phái kia phải chịu thối thân vào nơi lạng lẽ để tu dưỡng hành đạo.

Tuy nhiên, nói như vậy không phải là dân mình thời ấy và dần dần những năm kế tiếp không có tư tưởng đồng nguyên Tam Giáo. Chính tư tưởng đồng nguyên Tam Giáo ấy được thể hiện đầy đủ nơi chốn dân gian qua đời sống nhàn tản tiêu dao xa lánh lợi danh để tu tâm dưỡng tánh, hay có chăng làm những việc lành để khỏi bị luân hồi kiếp nạn về sau, hay dốc chí đem tài đức của mình ra để tề gia trị quốc.

Sự đồng nguyên của ngày xưa là ở chỗ đó, không tác thành một hệ thống rõ rệt, một là có tính cách thi thố tài năng với nhau, hai là bằng bạc trong mọi tầng lớp xã hội nhân gian.⁽²⁶⁾

xuống. Vua làm thơ khen: *Giác Hải tâm như hải / Thông Huyền đạo hựu huyền / Thần thông kiêm biến hóa / Nhất Phật, nhất Thần Tiên.* 覺海心如海 / 通玄道又玄 / 神通兼變化 / 一佛一神仙. (Giác Hải lòng như biển / Thông Huyền đạo lại càng huyền diệu / (Cả hai đều giỏi) thần thông và biến hóa / Một vị là Phật, một vị là Thần Tiên.)

⁽²⁶⁾ Để hiểu thêm điều này, có thể tham khảo: Huệ Khải, *Tam Giáo Việt Nam, Tiền Đề Tư Tưởng Mở Đạo Cao Đài* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013). Quyển 22-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

Sang điểm thứ hai là sự đồng nguyên Tam Giáo trong thời đại này.

Tục ngữ có câu: Có bột mới gột nên hồ. Những tư tưởng dung hòa Tam Giáo từ xưa đã là những nền tảng của bột để sang đến thời kỳ này, Đức Chí Tôn mới thị hiện để làm nên hồ, có đầy đủ một hệ thống giáo lý căn bản không sót từ xưa, chẳng những từ cổ tới kim mà còn từ Đông sang Tây nữa.

Điểm phong phú dồi dào sinh lực tinh thần ở thời kỳ hạ nguyên⁽²⁷⁾ này là như thế. Tam Giáo, Tứ Giáo⁽²⁸⁾ và cả vạn giáo⁽²⁹⁾ nữa để góp thành một tôn giáo mệnh danh là Cao Đài Giáo hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nhưng lẽ sống dồi dào trên phương diện tinh thần này không phải đơn thuần có sự sống ban cho nhơn loại rồi thôi, nhơn loại tha hồ mà hưởng. Nếu thế thì nói làm chi nữa. Từ mấy chục năm nay, vì bên cạnh nguồn sống đạo vô biên nhưng tín nhiệm này, trong xã hội loài người đã có một sự phá giá⁽³⁰⁾ rất to về sự sống, về lẽ sống tinh thần đi rồi. Lặp lại thêm

⁽²⁷⁾ **Hạ nguyên** (nguyên) 下元: Cũng gọi là hạ nguyên mạt kiếp 下元末劫, nguyên điều tàn, nguyên tái tạo để trở lại thượng nguyên (*the last kalpa*). Hai thời kỳ trước đó là: ① Thượng nguyên, nguyên thượng đức, nguyên tạo hóa (*the first kalpa*), ② Trung nguyên, nguyên thượng lực, nguyên tranh đấu (*the second kalpa*).

⁽²⁸⁾ **Tứ Giáo**: Nho, Lão, Phật, và Thiên Chúa (Công Giáo).

⁽²⁹⁾ **Vạn giáo** 萬教: Tất cả các tôn giáo (*all religions*).

⁽³⁰⁾ **Phá giá**: Làm giảm giá trị, mất giá trị (*to devalue*).

những trạng huống ấy chi cho thêm đau lòng ở kẻ chơn tu nhiệt thành ưa tể độ! Thôi thì hãy trở lại con đường phải làm sao để không hổ danh với nhiệm vụ dung hòa Tam Giáo hay vạn giáo, tức là chư hiền đệ, hiền muội không phải theo lối xưa của các vua muôn thử tài các ông đạo sĩ, tăng lữ nữa, mà phải dung hòa trên tinh thần chơn thật.

Vạn Hạnh Đạo Tràng hay Văn Phòng Đại Diện để phổ thông giáo lý nơi đây nói riêng, là thể hiện điều đó.

Bản Tăng muốn bảo rằng mỗi khi chư hiền đứng lên nói lời đạo lý về tôn giáo mình giữa những người bạn khác cũng nói lên giáo lý của họ, thì chư hiền và những bạn khác không phải cách biệt nhau bởi màn tư tưởng tranh đua với nhau, mong cho lời của mình nói ra được nhiều người hưởng ứng hơn các bạn khác. Như vậy, sẽ không có ý nghĩa đồng nguyên nào cả, mà chỉ là cuộc tranh tài nơi thí trường cho thiên hạ xem, không hơn không kém.

Chư hiền sứ mạng nên lưu tâm điều đó luôn, để nâng đỡ các bạn ở những tôn giáo khác, để họ không có một mặc cảm không tốt đẹp nào mỗi khi đặt chân lên bục, vì giáo lý của những giáo chủ ấy chư hiền mạnh dạn học hỏi thi hành lấy, các bậc giáo chủ khác chư hiền dám thờ phụng lấy, thì sá chi việc nâng đỡ tận tình đối với những kẻ anh em.

Hỡi chư hiền đệ, hiền muội!

THI

*Đó là Tam Giáo được đồng nguyên
Về với ông cha một chiếc thuyền*

*Thuyền đạo đóng bằng tư tưởng đạo
Cho tròn danh nghĩa Đấng Cao Thiên.
Thiên địa giao nhơn⁽³¹⁾ lẽ sống còn
Lập đời thánh đức chẳng chi hơn
Là tâm, là tánh, là công quả
Đều thể hiện trong sự Thánh Nhơn.⁽³²⁾*

Sau đây, Bản Tăng dặn dò thêm chư hiền đệ hiền muội nơi Hội Thánh Di Lạc. Văn Phòng Đại Diện Phổ Thông Giáo Lý nay đã thành tựu rồi, chỉ còn tổ chức lại nhân sự chăm nom và điều khiển. Việc này, Bản Tăng sở cậy chư hiền đệ lo cho. Mọi sự gì cũng thế, bền bỉ nuôi dưỡng lâu dài vẫn là sự kiện đưa đến thành công. Trường đồ tri mã lực,⁽³³⁾ sự cửu kiến nhân tâm⁽³⁴⁾ là thế. Những người được giữ nhiệm vụ cho phần phổ thông giáo lý thường xuyên phải là người có khả năng về đạo lý trên căn bản Tam Giáo và Đại Đạo rõ ràng để khỏi phải sơ hở trên công cuộc phổ truyền, vì nhất hào sai thiên lý⁽³⁵⁾ đó chư hiền đệ.

⁽³¹⁾ **Thiên địa giao nhơn:** Trời đất và con người cùng giao hòa.

⁽³²⁾ **Sự Thánh Nhơn:** Việc làm của Thánh Nhơn.

⁽³³⁾ **Trường đồ tri mã lực** 長途知馬力: Đường dài mới biết sức ngựa (*Long distance tests the strength of a horse*).

⁽³⁴⁾ **Sự cửu kiến nhân tâm** 事久見人心: Làm việc lâu dài mới thấy được bụng dạ con người (*Longtime work tests people's will*).

⁽³⁵⁾ **Nhất hào sai thiên lý** 一毫差千里: Sai một ly đi một dặm (*one false step leads to another*).

(...)

THI

Ban ơn toàn thể đàn trung ⁽¹⁾
Nữ nam lớn nhỏ trùng phùng ⁽²⁾ *nơi đây*
Cơ Quan thừa lệnh hiệp vậy
Phổ Thông Giáo Lý phận này tròn xong
Minh thiên hồi phản chung đồng ⁽³⁾
Tiếp lo sứ mạng phổ thông Đạo Trời
Nữ nam tín hữu nhớ lời
Quy nguyên vạn giáo Thầy Trời chủ trương
Giã từ đàn nội tam ban
Diễn thiên lần trở, Niết Bàn đời chơn.

Thăng.

⁽¹⁾ **Đàn trung** 壇中: Những người có mặt trong đàn cầu cơ (those who are present at the seance).

⁽²⁾ **Trùng phùng** 重逢: Gặp lại nhau (to be reunited).

⁽³⁾ **Minh thiên** 明天: Ngày mai (tomorrow). **Hồi phản** 回反: Trở về (returning). **Minh thiên hồi phản chung đồng**: Ngày mai trở về rồi cùng nhau chung lo (hành đạo).

Huệ Khải chú thích (28-5-2014)

LỄ SỐNG VÀ LỄ CHẾT

Minh Lý Thánh Hội

Tuất thời, 01-11 Tân Hợi (Thứ Bảy 18-12-1971)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Đồng tử: Hoàng Mai. *Độc giả*: Huệ Chơn.

TIẾP ĐIỀN

VẠN HẠNH THIÊN SƯ

Bàn Tăng chào mừng chư Thiên ân hưởng đạo. Mừng chư đạo hữu lưỡng phái.

THI

Người đời úy tử ⁽⁴⁾ *với tham sanh*
Mà chẳng sớm lo phục tánh lành
Úy tử nên tìm phương bắt tử
Tham sanh mới kiếm vị trường sanh
Mãi lo hồn sống trong thân tử
Quên thấy tử hồn ở thể sanh
Tiên Phật, phàm nhân còn khác biệt
Bởi đời chưa thấu tử và sanh.

Bàn Tăng may duyên tái ngộ chư đạo hữu hôm nay. Cũng như tự lúc nào, thương nhau không phải chỉ để lời chào hỏi xã giao hoặc thăm nom sức khỏe, hoặc khen ngợi

⁽⁴⁾ **Úy tử** 畏死: Sợ chết (to fear death).

để chư đạo hữu hài lòng, mà việc chính là việc giúp đỡ cho nhau những gì cần biết trên phương diện tu học. Như thế mới thật là thương. Vậy Bản Tăng xin mời chư đạo hữu đồng tọa thiền.

(...)

Chư đạo hữu đàn trung! Vấn đề Bản Tăng sắp đàm đạo là vấn đề *lẽ sống và lẽ chết*.

Chư đạo hữu! Thế gian, đã là con người đang mang phần nhục thể, ai ai cũng thiết tha với sự sống và sợ sệt sự chết. Giới hạn kiếp sống của thể nhân trung bình là một trăm năm, nhưng thử hỏi trong khoảng thời gian ba vạn sáu ngàn ngày có mấy ai trọn hưởng?

Đã biết thế, nghĩa là không ai tránh khỏi luật sanh tử trong ý nghĩa sanh trưởng thu tàng.⁽⁵⁾ Nhưng ai ai cũng sợ lẽ tử, ham chuộng lẽ sanh.

Thử hỏi, dầu có hoảng hốt kinh sợ cách mấy đi nữa, nhưng có ai thoát khỏi cái định luật ấy đâu! Tuy ước định rằng đời người một kiếp trăm năm chỉ có một lần, nhưng có mấy ai hiểu được và suy nghĩ đến việc sống chết lai vãng⁽⁶⁾ với con người không biết bao nhiêu lần trong một kiếp sống. Nhân thể chỉ biết rằng con người chỉ có một lần chết

⁽⁵⁾ **Sanh** (sinh) **trưởng thu** (thâu) **tàng** 生長收藏: Bốn giai đoạn tương ứng với bốn mùa là xuân (sinh sôi), hạ (trưởng, phát triển), thu (gom lại, co cụm lại), đông (tàng bết, cất giữ); đồng nghĩa với *thành trụ hoại không, thành thịnh suy hủy*.

⁽⁶⁾ **Lai vãng** 來往: Tới lui (*to come and go*).

là lần dứt hơi thở, ngũ tạng⁽⁷⁾ lục phủ⁽⁸⁾ tứ chi ngừng hoạt động, nhưng nào có mấy ai để ý đến mỗi ngày hoặc mỗi đêm con người đều bị chết ít nhất là một lần. Cái chết trước tiên, như đã nói phần trên, là cái chết dài hạn. Cái chết trong giấc ngủ là cái chết trung hạn. Còn biết bao nhiêu cái chết khác từng giờ từng phút từng giây của các tế bào trong cơ thể của con người. Sự sanh tử tử sanh luôn luôn đến rồi đi, đi rồi lại đến, sanh rồi diệt, diệt lại nương cho sự sanh khác nữa. Đó chỉ nói ở phần nhục thể của con người mà thôi.

Đã là con người mang phần nhục thể, là một trong những hằng hà sa số sinh vật. Việc ấy đâu có chi rằng quan trọng mà phải lo âu sợ hãi, lo tính việc trăm năm. Điều tối quan trọng là sự sanh tử về mặt tinh thần hoặc tâm linh, hoặc linh hồn hay chơn như bản thể cũng thế. Sự sanh tử của phần này mới là quan hệ cho kiếp nhân sinh khi chơn linh ẩn tàng vào phần chủ thể.

Thử hỏi con người sanh ở trần gian để làm chi? Không

⁽⁷⁾ **Ngũ tạng** 五臟: Năm cơ quan trong thân thể con người, gồm tâm, can, tỳ, phế, thận 心, 肝, 脾, 肺, 腎 (tim, gan, lá lách, phổi và thận: *heart, liver, spleen, lungs, and kidneys*).

⁽⁸⁾ **Lục phủ** 六腑: Vị, đởm, đại tràng, tiểu tràng, bàng quang, tam tiêu 胃, 膽, 大腸, 小腸, 膀胱, 三焦. Dạ dày, mật, ruột già, ruột non, bóng đái, và *tam tiêu* (miệng trên của dạ dày, phần giữa của dạ dày, và miệng trên của bóng đái). [*Six bowels (hollow organs): stomach, gall bladder, large intestine, small intestine, bladder, triple focus.*]

phải chỉ sanh ra một thời gian nào đó để rồi lại từ *như* các loài sinh vật khác.

Nếu nói rằng tiếng *như* nơi đây, dầu cho như các loài sinh vật khác cũng phải cần đến sự tiến hóa từ thấp lên cao, nhưng nhiệm vụ và sứ mạng của con người, ngoài cái như đó, lại còn có phần quan trọng khác nữa, vì Tạo Hóa đã ban cho con người một Thiên tánh, đó là tâm linh, khôn hơn muôn vật. Vì con người được biết đâu là phải và trái, đâu là thiện và ác, đâu là tội và phước, đâu là liêm sỉ và không liêm sỉ. Con người dầu cho có hung ác bạo tàn đến cách mấy đi nữa, nhưng có lúc lương tri cũng hiện đến với họ, tự họ nhận biết việc đã làm đó là phải hay trái, thiện hay ác, tội hay phước, nhưng vì lòng tham dục quá nặng nề khiến họ không thể cải ác tùng thiện ⁽⁹⁾ mà thôi.

Sứ mạng của con người mà Bản Tạng vừa nêu lên trên, đó là sứ mạng tự mình làm cho mình tiến hóa bằng cách tu học tu hành, khêu tỏ ngọn đèn Thiên lương ⁽¹⁰⁾ và giữ ánh sáng Thiên lương ấy mãi mãi trong nội tâm. Kế đến là sứ mạng đem đạo độ đời, cảnh tỉnh giác ngộ người đời hiểu biết để cùng khêu tỏ ngọn đèn Thiên lương ấy mà danh từ đạo học gọi là tâm đăng.

⁽⁹⁾ **Cải ác tùng (tòng) thiện** 改惡從善: Sửa đổi những gì không tốt, đi theo đường ngay chính (*correcting one's wrong deeds and following the right way*).

⁽¹⁰⁾ **Thiên lương** 天良: Phần tốt đẹp của con người do Trời ban cho, lương tâm (*conscience*).

Nếu mỗi người hằng giữ cho ngọn tâm đăng hằng sáng tỏ mãi mãi, thì ngôi Tiên vị Phật đã sẵn dành một bên cho họ. Ngọn tâm đăng ấy trường tồn vĩnh cửu trong hiện kiếp cũng như các kiếp bất sanh bất diệt. Đó mới gọi rằng sống trong thể chết. Còn trái lại, nếu con người không biết sứ mạng vi nhân, ⁽¹¹⁾ tưởng rằng một kiếp sống hiện tại, chạy đôn chạy đáo, làm đủ mọi cách để gầy dựng sự nghiệp trăm năm cho mình, cho con cháu trong hậu thế; trong sự gầy dựng sự nghiệp vật chất đó, đã vùi lấp chơn linh Thiên tánh trong mê muội tham dục, phú quý đỉnh chung, danh lợi tình tiền, làm ngọn đèn tâm đăng bị che lấp trong muôn thuở. Đó là con người đã và đang chết trong xác thể còn sống.

Tuy nhiên, có lúc lương tri hoặc nói đúng hơn là tánh tham lam hoặc lòng ích kỷ cũng nhắc nhở họ rằng rồi đây trăm năm cũng bỏ xác, còn linh hồn; nhưng nhớ đến Thập Điện Diêm Vương ngán quá, bèn đem dung lễ vật trong số tiền kiếm được bằng phương tiện bất lương đó để dâng Trời cúng Phật [lo lót] cho linh hồn được siêu thoát sau khi lìa khỏi xác.

Xuyên qua những điều đan cử ⁽¹²⁾ đó, chư đạo hữu đã hiểu người đời hằng lo sợ sự chết, mãi lo gầy dựng sự nghiệp cho linh hồn ở kiếp lai sanh, ⁽¹³⁾ mà quên hẳn rằng linh hồn đang chết trong thân sống.

⁽¹¹⁾ **Vi nhân** (nhon) 爲人: Làm người.

⁽¹²⁾ **Đan** (đơn) **cử** 單舉: Nêu ra.

⁽¹³⁾ **Kiếp lai sanh**: Kiếp sau (*next life*).

Như vậy, để chư đạo hữu thấy rằng không thể đem tài sản sự nghiệp vật chất làm cho linh hồn được tiến hóa nếu không lo tu học để cải tạo tư tưởng lần hồi trên đà tiến hóa.

Nói như vậy, Bản Tăng vừa thấy trong nội tâm một số đạo hữu nơi đây vừa phân vân hoang mang rằng: Ủa, như vậy bấy lâu nay mình đã góp phần vật chất sự nghiệp và sự nghiệp đạo đức vô bổ hay sao?

Khoan đã chư đạo hữu! Đừng vội nghĩ vậy không nên. Những của cải tiền tài vật chất đem sử dụng vào lãnh vực xã hội từ thiện đạo đức rất có ích, chư đạo hữu! Đó là của cải đem gởi nhà băng trên thượng giới, trộm không cắp, cướp không giựt được, hỏa hoạn bom rơi không thiêu hủy được. Đã vậy mà một vốn đến trăm ngàn lần lãi suất. Nhưng nó [của cải vật chất] có ích ở các lãnh vực sau đây:

1. Là có cơ hội may duyên để trả bớt lần những món nợ tiền khiên mình đã thiếu [tiền nghiệp].
2. Là dùng vật chất để tạo điều âm chất, để dùng cho kiếp lai sanh [luân hồi tái thế].
3. Là nếu của ấy giúp cho người tu hành trong cơn khốn khổ về vật chất, cái âm đức ấy đã khiến kẻ thụ hưởng cảm động hằng hộ niệm cho sở thí chủ⁽¹⁴⁾ được tăng trưởng phước đức sớm trừ bớt nghiệp xấu tiền khiên.
4. Nếu của cải giúp cho người chưa biết tu hành, nhưng

⁽¹⁴⁾ **Sở thí chủ** 所施主: Người công quả vật chất giúp mình (*one's own donor*).

biết chừng đâu đó là cơ duyên được trả nợ tiền kiếp như ở phần số một.

5. Là nếu của cải ấy sử dụng đúng với tinh thần tương thân, tương ái, tương trợ vì phát tâm hành thiện, thì sẽ là tài sản sự nghiệp để dành cho kiếp lai sanh, nếu còn đầu thai tái thế sẽ được hưởng cảnh phú quý vinh hoa hoặc nhiều hoặc ít do hiện kiếp biết để dành trong hành thiện.

Chư đạo hữu để ý phần số 5 sẽ thấy rằng, nhìn hiện kiếp của một người nào đó, sẽ hiểu được quá khứ kiếp hoặc vị lai kiếp của họ.

Nhưng rất tiếc thay! Có người hiện kiếp đương hưởng phú quý vinh hoa, tưởng rằng do tài năng của mình tạo ra hoặc của phụ âm⁽¹⁵⁾ để lại, mà không hiểu cái nhân của nó. Thế nên, người đời thường mỉa mai rằng: *Tại sao những kẻ tham tàn độc ác vẫn giàu có phây phây, còn người chí công tu niệm hành đạo suốt đời lại bị nạn nợ tai kia, khó nghèo theo đuổi? Như thế, tu cũng vậy, không tu cũng vậy.*

Chư đạo hữu ý thức được điều chót này nên lấy đó làm phương tiện để an ủi, vỗ về, nhắc nhở, khuyến khích hoặc giúp đỡ những người bạn đạo trong cảnh ấy, đang trả quả, để ngăn chặn sự sa sút đức tin, phé đạo rồi bỏ lỡ cơ hội được trả bớt nghiệp tiền khiên quá nặng.

Xuyên qua những phần ấy, chư đạo hữu hãy cố gắng khắc phục mọi khó khăn trong hiện kiếp, làm sao nuôi

⁽¹⁵⁾ **Phụ âm** 父蔭: Tài sản cha để lại.

dưỡng sự sống (thiên lương, tâm đấng) trong thể chết, chớ
đừng để tinh thần, chơn như bốn tánh bị chết trong thân xác
còn đang sống.

THI

*Sanh tử hai đường có lạ chi
Người nào rồi cũng phải qua đi
Phải lo sự sống trong thân chết
Đừng để chết khi hiện sống này.*

BÀI

*Tiên Phật trước cũng người thế tục
Nhờ biết lo tu đức tu công
Gian lao chẳng lúc sòn lòng
Khó nghèo đạo hạnh mãi không xa mình.
Sống như kẻ thường tình bên ngoài⁽¹⁶⁾
Nhưng bên trong mãi mãi trau dồi
Tâm đấng mỗi lúc sáng ngời
Nặng phần đạo đức, nhẹ đời lợi danh.
Lòng chí quyết tu hành sớm tối
Lỡ may may làm lỗi điều chi
Ấn năn cải hối tức thì
Cho lòng an định lương tri lối bày.
Nên học tập hằng ngày trau sửa
Tu với hành hằng bữa không lơ*

⁽¹⁶⁾ **Bên ngoài:** Bên ngoài, bề ngoài.

*Chung quy⁽¹⁷⁾ bỏ lối người đời
Chơn linh về chốn cõi Trời Phật Tiên.
Đạo khó chỗ nhân kiên bền bỉ
Đạo khó nơi hữu thi hữu chung
Vui thì hăng hái gia công⁽¹⁸⁾
Buồn thì phé phận giữa dòng buông trôi.
Chưa làm chủ sáu ngôi lục dục
Chưa điều hành lãnh vực thất tình
Buồn vui giận ghét quanh mình
Mặc cho sai khiến, mặc tình kéo lôi.
Khó là khó vô hồi vô tận
Chủ nhân ông bị dẫn dắt đi
Bên này kéo, bên kia trì
Làm cho rối loạn lương tri chủ quyền.
Đạo cao thấp, thành Tiên thành Phật
Do tâm mình còn mất tử sanh
Đừng rằng đã có duyên lành
Nguyên căn tá thế rồi sanh kiêu kỳ.
Dầu Tiên Phật từ bi bác ái
Từ trên trời sanh lại thế gian
Nếu không tu tập mọi đường*

⁽¹⁷⁾ **Chung quy** 終歸: Kết cục; chung cục 終局 (in the end, eventually). Trong bài có nghĩa là khi chết.

⁽¹⁸⁾ **Gia công** 加功: Thêm sức, ráng sức làm việc gì (to try hard).

*Trau dồi linh tánh huy hoàng vị ngôi
Thì vẫn bị luân hồi chuyển kiếp
Tùy căn duyên quả nghiệp ít nhiều
Thế nên người thế đừng kiêu
Ráng tu ráng sửa sớm chiều luôn luôn.
Dù trước việc vui buồn đắc thất
Dầu khen chê chớ phật ý tà
Rời mình tách bước đi xa
Đó là mắc kế quỷ ma dẫn đường.
Hỡi ai giữ mãi Thiên lương!*

Chư đạo hữu! Vì từ hơn một năm qua, có nhiều chư đạo hữu muốn được Bản Tăng gọi riêng mình để dạy đạo nhưng chưa được mãn nguyện. Sở dĩ như thế, vì trong suốt thời gian viết kinh,⁽¹⁹⁾ nào đâu có đủ thì giờ để thỏa mãn. Tuy nhiên, mỗi lần có chút thì giờ nào tạm gọi rằng dư, Bản Tăng cũng không bỏ qua cơ hội đem những kinh nghiệm tu học của mình để hàn huyên,⁽²⁰⁾ đàm đạo một vấn đề nào đó để chư đạo hữu xem qua hầu suy nghiệm.

Tuy nhiên, mỗi một vấn đề, tuy trình bày tổng quát nhưng đã giải đáp gián tiếp từng lãnh vực, từng hoàn cảnh

⁽¹⁹⁾ **Viết kinh:** Đức Thiên Sư và Đức Thánh Trần Hưng Đạo tả bộ kinh *Đạo Học Chỉ Nam* từ ngày 15-4 Mậu Thân (11-5-1968) đến ngày 01-3 Tân Hợi (27-3-1971).

⁽²⁰⁾ **Hàn huyên** 寒暄: Lạnh và ấm. Hỏi han, tâm sự khi gặp lại nhau.

Huệ Khải chú thích (28-5-2014)

riêng mỗi chư đạo hữu, đã được gói ghém trong vấn đề ấy.

(...)

Đã hết giờ. Bản Tăng hẹn còn tái ngộ cùng chư đạo hữu. Bản Tăng cảm ơn chư đạo hữu đã kiên chí đợi chờ, và dành nhiều thiện cảm đối với Bản Tăng. Xin chào chung chư đạo hữu. Bản Tăng lui diễn trở về thượng giới.

HỘI THÁNH LÀ GÌ?

Minh Lý Thánh Hội

Tuất thời, 06-02 Quý Sửu (Thứ Bảy 10-3-1973)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Pháp đàn: Chơn Tâm. *Đồng tử:* Hoàng Mai, Thanh Thủy.

TIẾP ĐIỀN

THI

VẠN duyên tương hội ⁽¹⁾ buổi Tam Kỳ

HẠNH ngộ ⁽²⁾ nguyên căn ⁽³⁾ đến luyện thi

THIÊN định khai tâm tu luyện tánh

SU huynh, sư đệ sẽ hồi quy. ⁽⁴⁾

VẠN HẠNH THIÊN SƯ

Bản Tểng chào chư Thiên ân hướng đạo, ⁽⁵⁾ mừng chư đạo hữu lưỡng phái ⁽⁶⁾ đàn trung. ⁽⁷⁾ Bản tểng xin mời chư vị

⁽¹⁾ **Tương hội** 相會: Gặp nhau (*to meet*).

⁽²⁾ **Hạnh ngộ** 幸遇 (*hạnh phùng 幸逢*): May mà gặp nhau.

⁽³⁾ **Nguyên căn** 原根 (*nguyên khách 原客, nguyên nhân 原人*): Những linh căn 靈根 nguồn gốc từ cõi trời, xưa kia nhận lãnh sứ mạng xuống thế gian độ đời.

⁽⁴⁾ **Hồi quy** 回歸: Trở về (*to return*).

⁽⁵⁾ **Hướng đạo** 向導: Người dẫn dắt đạo hữu (*those who lead their brethren*).

⁽⁶⁾ **Lưỡng phái** 兩派: Hai phái nam và nữ (*male and female*).

đồng an tọa.

Hồi giờ Dậu tại thế gian này ⁽⁸⁾ Bản Tểng có hội kiến Đức Hưng Đạo Đại Vương để luận đàm đạo sự và tìm phương độ dẫn các hàng nguyên nhân và hóa nhân ⁽⁹⁾ trên đường siêu thoát. Vừa xong Bản Tểng trở lại đây để cùng chư đạo hữu luận đàm đạo sự.

(...)

Chư đạo hữu! Thật là một vinh hạnh cho chư đạo hữu Minh Lý Thánh Hội trong thời kỳ đại ân xá đã và đang hạnh ngộ Đức Hưng Đạo Đại Vương. Không nệ sự khó nhọc nơi chốn hồng trần ô trược này, Người đã đến đây dìu dắt dạy dỗ chư đạo hữu mọi phương diện tu học để có thể trở nên hàng hướng đạo uyên thâm tại thế gian và đặc vị Tiên Phật ngày căn viên quả mãn. ⁽¹⁰⁾

(...)

Lời Tiên Phật đã từng dạy trước kia rằng sau đây sẽ có Tiên Phật xuống phàm gian ⁽¹¹⁾ tiếp tay Thượng Đế dìu dắt

⁽⁷⁾ **Đàn trung** 壇中: Có mặt trong đàn cầu cơ (*present at the seance*).

⁽⁸⁾ Đức Thiên Sư hội kiến Đức Hưng Đạo Đại Vương trên thượng giới, nhằm vào giờ Dậu tại thế gian.

⁽⁹⁾ **Hóa nhân** 化人: Những ai từ kim thạch, thảo mộc, cầm thú tiến hóa lên làm người.

⁽¹⁰⁾ **Căn viên quả mãn** (căn quả viên mãn): Nhân quả trả xong, công tu tròn vẹn đủ đầy.

⁽¹¹⁾ **Phàm gian** 凡間: Trần gian, cõi phàm, cõi trần (*the world*).

nguyên căn, độ dẫn sanh linh quy hồi cựu vị.⁽¹²⁾

Có nhiều người hiểu lời dạy đó như vậy: Sau này sẽ có Tiên Phật hiện thân xuống thế gian đủ đầy phép tắc, phép thuật nhiệm mầu, siêu nhân quán chúng.⁽¹³⁾

Sự hiểu ấy không đúng chân lý đạo, vì cõi thế gian là cõi hữu thể hữu chất nhưng vô thường.⁽¹⁴⁾ Trong cái hữu thể hữu chất ấy, có con người là tối linh. Trong con người đã có Thiên tính, có Phật tâm. Khi con người ngộ đạo, tu tâm luyện tính thì tâm tính sẽ phát huệ, hiểu đường chơn nẻo giả, lẽ siêu lẽ đạo.

Tiên Phật không phải hiện thân người đâu, nhưng khi người đã biết chế ngự phàm tâm, nuôi dưỡng Thánh tâm, phát triển Thiên tâm, đó là môi dây hoặc vị trí để diễn hành của các Đấng trọn lành nương vào đó để làm những công việc của Phật Tiên Thánh Thần giúp thế độ đời. Đó là hình thức thay hồn đổi xác tạm thời, tùy cơ tâm⁽¹⁵⁾ của mỗi người hành đạo mà ứng mà hiện vào ý nghĩ, lời nói đến việc làm.⁽¹⁶⁾

⁽¹²⁾ **Cựu vị** 舊位: Ngôi vị cũ ở trên trời, trước khi xuống trần làm người (*former position in heaven*).

⁽¹³⁾ **Siêu nhân** 超人: Vượt lên tất cả mọi người (*transcending all people*). **Quán chúng** 冠眾: Đứng đầu, giỏi hơn hết mọi người (*the best of all*).

⁽¹⁴⁾ **Vô thường** 無常: Không bền vững lâu dài (*impermanent*).

⁽¹⁵⁾ **Cơ tâm** 機心: Lòng toan tính, rắp làm việc gì.

⁽¹⁶⁾ Xem thêm lời Đức Lý Giáo Tông dạy ông Geoffrey Hodson

(1886-1983) và bà Sandra Chase tại Huồn Cung Đàn (Tam Giáo Điện Minh Tân, Sài Gòn) ngày 17-9-1959 (Huệ Khải dịch):

“Geoffrey Hodson và Sandra Chase nhị hiền. Bất ngờ thay! Diễm phúc thay! Đây không phải là lần đầu tiên, mà đã nhiều lần Lão đến với nhị hiền trong vài trường hợp và nhị hiền nên lấy trực giác để biết điều ấy.

Quả thực, những mối liên lạc giữa Lão với nhị hiền, cũng như giữa nhị hiền với Christ luôn luôn hòa quyện lẫn nhau. Nếu nhị hiền biết rằng nhiệm vụ của nhị hiền trên đời này là hết lòng trợ giúp tất cả chúng sanh bằng cách phổ thông phổ truyền lẽ đạo Trời, thì đó là nhị hiền bắc một nhịp cầu đưa nhị hiền trở lại với Thượng Đế.

Lão luôn luôn sống trong tâm nhị hiền. Nhiều phen, nhị hiền đã ngỡ ngàng khi biết ra điều đó. Rồi liền ngay khi Lão xuất ra, nhị hiền có được một tư tưởng lành để trợ giúp loài người.”

Nguyên văn:

“*Dear Geoffrey Hodson and Sandra Chase. What accident! What happiness! It isn't this time, but several times I have come to you in some cases in which you should use your intuition to know that.*

Certainly, the connections between you and I, and also between you and Christ are always mixed up in each other. If you know that your duty in this world is to help all creatures with your heart by the way to propagate religious dogmas of God, that is you establish a bridge on which you should come back to God.

I always live in your heart. Many times, you were astonished to know that. As soon as I come out, you have a good thought to help mankind.”

Geoffrey Hodson và Sandra Chase là hai nhân vật tên tuổi

Thế nên Thiêng Liêng đã đặt các cơ cấu hành đạo mang danh Hội Thánh là thế đó.

Hội Thánh là cơ sở của chư thánh hội hiệp để làm thánh sự, suy nghĩ thánh ý, phát xuất thánh ngôn. Cơ duyên sắp bày đưa đẩy các hàng nguyên căn từ Nhứt Kỳ Phổ Độ, từ Nhị Kỳ Phổ Độ đến Tam kỳ Phổ Độ, trải qua một chuỗi dài tiến hóa trui rèn luyện đức bản linh chơn tánh. Ngày nay, nếu vị nào còn hiện diện trong lãnh vực xả thân giúp đời hành đạo, tế chúng⁽¹⁷⁾ đùm nhân, xem công danh phú quý, lợi lộc tiền tài nhẹ hơn sứ mạng thể Thiên hành hóa,⁽¹⁸⁾ đó là những hàng nguyên căn sắp đổ đạt đến nơi vào hàng Tiên Phật.

Chư đạo hữu ngày hôm nay còn đeo đuổi việc tu học hành đạo, đó không phải duyên nhứt kiếp ngộ nhứt thời đầu, mà đó là những hạt chuỗi kết xâu liên tục trong nhiều kiếp dĩ vãng.

(...)

thuộc Hội Thông Thiên Học quốc tế, trụ sở ở Adyar (Ấn Độ).
Xem thêm:

Huệ Khải chủ biên. *Đại Đạo Văn Uyển (tập Hạnh, năm Giáp Ngọ)*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2014, tr. 93-95.

⁽¹⁷⁾ **Tế chúng** 濟眾: Cứu giúp chúng sinh (*to help or save all living beings*).

⁽¹⁸⁾ **Thế Thiên hành hóa** 替天行化: Thay Trời hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành.

Huệ Khải chú thích (21-4-2014)

Nói về lãnh vực tu học thì tất cả là huynh đệ tỷ muội bình đẳng dưới mái thánh đường.

Còn nói về lãnh vực hành đạo thì phải có tôn ty trật tự, kính nể thương yêu lẫn nhau. Trong hàng huynh đệ tín hữu không nên vì trội hơn một vài lãnh vực nào đó hơn cấp lãnh đạo mà lờn dễ uy quyền đức độ đối với đàn anh được giao phó. Nhưng cũng không nên giao phó tất cả [việc đạo cho lãnh đạo] thiếu sự xem xét thiệt hư để giúp đàn anh hành tròn nhiệm vụ.

Còn đứng về phương diện cấp lãnh đạo tinh thần, không phải vì sự được Thiêng Liêng thương yêu trù mến hộ trì, ban phát quyền uy rồi dụng cái quyền vượt phạm vi đạo pháp và ngăn cách giữa tình huynh đệ đồng môn.

Hai lãnh vực ấy cần được nương nhau, phối hợp nhau, tương trợ nhau để cùng hành đạo tiến hóa trên đường thánh thiện.

Xưa kia, trong giới tu hành đã vấp phải một điều đáng tiếc, đó là khi được tôn sư thì bao nhiêu các hàng tín hữu đều nhắm vào vị sư ấy rồi quên xét về phương diện chánh pháp.

Ngày nay chư đạo hữu nên tránh vết xe đã gãy đổ của hai thời kỳ ấy, vì khi còn mang nhục thể máy ai được toàn thiện, toàn mỹ, toàn chân.

Câu *Thiên nhân hiệp nhứt* đã thể hiện trong Hội Thánh. Trên có Thiêng Liêng vạch đường chỉ nẻo, dưới có cấp lãnh đạo tinh thần làm giới trung gian để dìu dắt sanh linh.

Trong hàng sanh linh ráng lo tu học tu hành để tiến lên thay lần cấp lãnh đạo trong luật tre tàn măng mọc. Đó là một chuỗi dài thường hành tiếp nối.

Chư đạo hữu ý thức và hành đạo được như vậy mới khỏi phụ lòng dạy dỗ của Hưng Đạo Đại Vương và khỏi phụ lòng nuôi dưỡng dẫn dắt của Thiên Sư Bác Nhã.

(...)

Nhiệm vụ Bàn Tăng đến đây đã xong, xin nhường bút lại cho hàng Đại Đạo Tiên Khai Tôn Linh Liệt Vị. Chư đạo hữu thành tâm tiếp điển. Bàn Tăng xin giã từ lui điển. Thăng.



Trúc Lâm Thiền Điện (Vĩnh Long):
nơi Đức Vạn Hạnh Thiền Sư lâm đàn dạy đạo.
Ảnh: Bùi Thụy Đào Nguyên

HÃY BIỂU LỘ VÀ CHỨNG MINH CHÂN GIÁ TRỊ NGƯỜI TU GIỮA CÔI ĐỜI GIẢ TẠM

Trúc Lâm Thiên Điện

Tuất thời, 07-5 Quý Sửu (Thứ Năm 07-6-1973)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài

Cơ Quan Phó Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Pháp Đàn: Chơn Tâm. *Đồng Tử:* Thanh Thủy.

Độc giả: Bạch Tuyết.

THI

Thanh vân đỡ gót giáng đàn trung

Chào hét Thiên ân dưới cửu trùng ⁽¹⁾

Xin báo tin cho huynh tử rõ

Thiền Sư Vạn Hạnh đến mừng chung.

THIỆN HẠNH ĐỒNG TỬ

Tiểu Thánh chào chư Thiên ân hướng đạo. Chào chư liệt vị lương phái. Tiểu Thánh đến báo đàn. Chư Thiên ân và chư liệt vị thành tâm tiếp Đức Thiên Sư giáng lâm. Tiểu Thánh xin xuất ngoại hộ đàn. Lui.

⁽¹⁾ **Cửu trùng** 九重: Chín bậc, chín bệ. Chỗ ngự của Đức Thượng Đế.

TIẾP ĐIỀN

THI

VẠN HẠNH THIÊN SƯ đến côi trần

Giúp người mộ đạo thoát mê tân ⁽²⁾

Hỡi ai đã có cơ duyên ⁽³⁾ *sẵn*

Thuyền đến bên sông kíp ⁽⁴⁾ *bước lần.*

VẠN HẠNH THIÊN SƯ

Bàn Tăng khánh hỷ! Khánh hỷ! ⁽⁵⁾

Giờ nay, Bàn Tăng đến với chư đạo hữu lương phái để đem pháp thuyền ⁽⁶⁾ trợ duyên cho khách trần chí tâm mộ đạo. Bàn Tăng miễn lễ. Chư đạo hữu đồng tọa thiền.

Vì sự thiết tha cầu khẩn của Thiện Đức nên Bàn Tăng cảm lòng hy sinh trên đường đạo học mà đến để giúp đỡ một vài lý màu nhiệm của người tu.

⁽²⁾ **Mộ đạo** 慕道: Yêu mến đạo lý, tín ngưỡng (*to love faith*).

Mê tân 迷津: Bến mê (*the shore of delusion*), ám chỉ thế gian.

⁽³⁾ **Cơ duyên** 機緣: Cơ là vốn liếng tu hành tích lũy trong các kiếp trước, làm nền móng cho kiếp này tiếp tục tu hành. *Duyên* là cơ hội tốt lành đưa đến.

⁽⁴⁾ **Kíp** (cấp 急): Gấp, vội, đừng chậm trễ (*urgent, urgently*).

⁽⁵⁾ **Khánh hỷ** 慶喜: Chúc mừng (*congratulations*). Đức Thiên Sư chúc mừng hai lần, tỏ lộ niềm vui khi thấy nhiều người có lòng thành tu học, tìm đến hầu đàn cơ để nghe dạy đạo.

⁽⁶⁾ **Pháp thuyền** 法船: Con thuyền đạo pháp (*dharma boat*).

Này chư đạo hữu! Này Thiện Đức!

Tất cả các pháp biến hiện trên đời đều do vạn duyên mà khởi, từ cái to rộng bao la cho đến nhỏ như hạt vi trần⁽⁷⁾ cũng vẫn có nhân duyên để khởi sanh vạn pháp. Vì thế mà Đức Đạo Tổ Lão Quân chỉ dùng có hai chữ *đắc Nhất*⁽⁸⁾ để thành Đạo. Đức Thích Ca Như Lai chỉ dùng một câu *phản bốn huòn nguyên* để chứng kim thân chánh đẳng chánh giác. Hai bậc Đạo Tổ đã từng quán triệt⁽⁹⁾ chỗ hư linh để xả vạn duyên mà đắc pháp; đó cũng là thực sự chứng minh cho hậu thế tìm đường giải thoát, liễu tử siêu sinh.

Nếu luận đến Tam Giáo Thánh Nhân thì Khổng Tử không đồng hình thức sắc thái của các hàng Đạo Tổ; nhưng sau, Đức Khổng Tử cũng được vạn thế sư biểu,⁽¹⁰⁾ đứng

⁽⁷⁾ **Vi trần** 微塵: Hạt bụi nhỏ xíu (*a particle of dust*).

⁽⁸⁾ Mở đầu chương 39 của Đạo Đức Kinh có câu: *Thiên đắc Nhất dĩ Thanh. Địa đắc Nhất dĩ Ninh. Thần đắc Nhất dĩ Linh. (...)* Vạn vật đắc Nhất dĩ Sinh... 天得一以清. 地得一以寧. 神得一以靈. (...) 萬物得一以生. (Trời đặng Một mà khinh thanh; Đất đặng Một mà yên bình; Thần đặng Một mà hiển linh. [...] Vạn vật được Một mà sản sinh.)

⁽⁹⁾ **Quán triệt** 貫徹: Hiểu tường tận, hiểu thông suốt tất cả (*understand thoroughly*).

⁽¹⁰⁾ **Vạn thế sư biểu** 萬世師表: ① *Biểu* là khuôn mẫu, mẫu mực. *Sư* (danh từ) là ông thầy; *sư* (động từ) là bắt chước, noi theo. *Vạn thế* là muôn đời. ② Dùng *sư* như danh từ, *vạn thế sư biểu* có nghĩa là gương mẫu để cho muôn đời noi theo (*a good example for ever*). Do đó, ta nói Đức Khổng Tử là đáng *Vạn Thế Sư Biểu*. ③ Dùng *sư* như động từ, *vạn thế sư biểu* có nghĩa

vào hàng Tam Giáo Đạo Tổ ở cõi Á Đông. Đồng thời, Đức Jesus là người sinh ra từ trong máng cỏ, dù là dòng dõi của David, nhưng sự kiện không đưa cho Jesus được ngang nhiên để có một đức hy sinh xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần như Thái Tử Sĩ Đạt Ta.⁽¹¹⁾ Hai hoàn cảnh, hai hiện tượng khác biệt, một từ ngai vàng điện ngọc đi xuống, một từ máng cỏ đi lên. Đông tây gặp gỡ ở chỗ Trung Đạo, đó con đường mà Đức Khổng Tử đã chủ xướng và thành đạo để nghìn đời vạn thế vẫn tôn sùng như chư đạo hữu ngày nay cũng đang thờ kính.

Bản Tạng muốn chư đạo hữu tự hỏi lại lòng có khi nào lưu tâm đến cái lý xác thực trong việc thờ kính chiêm bái hàng ngày hay chẳng? Có lẽ cũng có một thiếu sót nào đó, mà đại đa số là luôn luôn đặt niềm tin tưởng hướng về một Đấng toàn tri toàn năng, đủ huyền nhiệm đạo pháp cao siêu ở cõi vô hình nào đó, rồi đặt tất cả những hình ảnh huyền năng vào tư tưởng, vào tâm hồn để chiêm bái cầu phúc huệ gia ban, cầu danh cao lộc cả, v.v...

Bản Tạng phân như vậy là muốn cho chư đạo hữu hãy

là muôn đời đều noi theo tấm gương ấy (*that example is followed from generation to generation*). Trong bài thánh giáo này, Đức Thiên Sư dạy Đức Khổng Tử cũng được *vạn thế sư biểu*, tức là Ngài dùng *sư* như động từ; câu văn này có nghĩa: Đức Khổng Tử cũng được muôn đời noi gương (*Confucius's example has been followed from generation to generation*).

⁽¹¹⁾ **Sĩ Đạt Ta**: Phiên âm tiếng Phạn *Siddhārtha*. Ngài họ Cồ Đàm (*Gautama*).

tinh sát ⁽¹²⁾ nội tâm để tu hành cho đắc quả.

Thời kỳ này, Đức Huyền Khung Thượng Đế tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát đến với nhân loại bằng chiếc đàn không dây, bằng chiếc địch không lỗ ⁽¹³⁾ để tái tạo dinh hoàn ⁽¹⁴⁾ lập thượng nguồn thánh đức. Chỉ có một Thiên Nhân trong sự sùng bái của dân tộc này dưới bằng hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Như vậy thì tất cả những người Thiên ân chức sắc, tín đồ, đạo hữu nhắm vào hình thức nào, ảnh hưởng nào, để biết được Đấng mà chư Thiên ân chức sắc, tín đồ, đạo hữu đặt niềm tin trọn vẹn với bao sự hy sinh cao cả từ buổi sơ khai?

Trước Con Mắt được họa lên bằng giấy bút, không có đem đến cho nhân loại chúng sinh một gương mẫu giá trị nào cụ thể như Thích Ca Phật Tổ, như Khổng Thánh Tiên Sư, như Gia Tô Giáo Chủ, chư Thiên ân chức sắc, tín đồ, đạo hữu vin vào lý do nào để đặt trọn niềm tin hiện tại mà

⁽¹²⁾ **Tinh sát** 省察: Xem xét, xét nét, kiểm điểm. (*Tinh và sát* đồng nghĩa: *to examine, to inspect, to scrutinize*).

⁽¹³⁾ **Đến với nhân loại bằng chiếc đàn không dây, bằng chiếc địch không lỗ**: Đàn không dây, địch (sáo) không lỗ nên không phát ra tiếng, không có âm thanh. Vậy con người không thể nghe bằng hai lỗ tai mà phải nghe bằng tâm đạo, tâm tu chơn thật. Đồng nghĩa với tiếng đàn không dây, tiếng sáo không lỗ là thành ngữ *tiếng nói vô thanh* (*the voice of silence*).

⁽¹⁴⁾ **Dinh hoàn** 瀛寰: Thế gian, địa cầu (*the world, the globe, the earth*). **Tái tạo dinh hoàn** 再造瀛寰: Tạo lại thế gian, làm lại địa cầu (*to rebuild the world, to recreate the earth*).

quên mình hành đạo? Có phải chăng do huyền nhiệm trên ngọn linh cơ hay trong vị đồng tử? Nếu niềm tin đặt như thế thì chưa hẳn là niềm tin chân lý của người giác ngộ tu hành.

Này chư đạo hữu! Này chư Thiên ân chức sắc Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ!

Cùng sứ mệnh to tát ban trao cho mảnh đất cò con, ít oi bé nhỏ này, Bàn Tăng tưởng lại rất may duyên cho nước non dân tộc. Vì thế từ thuở sơ khai đã có những hàng Thiên ân hướng đạo ý thức được mới chịu hy sinh mọi cái tư hữu ⁽¹⁵⁾ của chính mình để lập thành nền Đại Đạo.

Cho đến ngày nay, thế giới đã ghi nhận Cao Đài thánh địa Nam bang, đó là đường giải thoát nạn khổ trầm luân của dân tộc Việt Nam, mà cũng là cơ cứu rỗi trong kỳ hạ nguồn của nhân loại.

Những gì đã qua để cho chư đạo hữu ngày nay cũng được vào hàng Thiên ân hướng đạo đủ chứng minh cho những ai là chí tâm mộ đạo, những ai là người còn truyền thống Ròng Tiên, sức tinh giác nồng qua bao thế kỷ, để nhìn lại cái hay cái đẹp, cái hùng vĩ uy nghi, cái gấm vóc tân kỳ của Tạo Hóa ban cho, vẫn có thể un đúc nên Thánh Hiền Tiên Phật như lịch sử cổ kim.

Tóm lại, Bàn Tăng muốn bảo với chư liệt vị đạo hữu

⁽¹⁵⁾ **Tư hữu** 私有: Cái có của riêng mình, của cải riêng tư (*private possessions*).

như thế này: Các hình thức phô bày trong vạn hữu, các pháp biến hiện ở trần gian đều do nhân duyên của mỗi con người cấu tạo. Cảnh và tâm là hai mà một, một mà muôn ngàn duyên nghiệp chủng tử Hằng sa.⁽¹⁶⁾

Thì giờ đã điếm đúng với Thiên cơ, tất cả mọi cái giả sẽ trở về với vạn vật để chi phối mà tạo nhân duyên. Còn lại, nếu người giác ngộ ắt nhận thấy cái thực để nắm giữ và dưỡng nuôi cho trở thành một hạt giống trên cõi tối thượng niết bàn hay vào nơi vô sinh bất diệt. Đó mới chính thực là Đạo, là quyền năng sở hữu của Tạo Hóa ban cho con người, và con người là một trong Tam Tài⁽¹⁷⁾ có thể huyền đồng thiên địa⁽¹⁸⁾ như Lão Tử, Thích Ca, v.v...

Bản Tạng luận có hơi dài dòng, vì Bản Tạng muốn cái chân giá trị của các hàng Thiên ân hướng đạo trong Đại Đạo phải được biểu lộ một cách xứng đáng, và chân giá trị của người tín đồ, đạo hữu trong Đại Đạo được thực sự chứng minh ở chỗ giác ngộ phi thường giữa cõi đời đầy chông gai cạm bẫy.

(...)

⁽¹⁶⁾ **Chủng tử** 種子: Hạt giống, mầm mống (*seed, germ*).
Chủng tử Hằng sa: Các hạt giống (mầm mống) nhiều vô số, như cát sông Hằng (*innumerable seeds or germs*).

⁽¹⁷⁾ **Tam Tài** (thiên, địa, nhân) 三才(天地人): Ba ngôi đồng đẳng trong vũ trụ là trời, đất, người (*the Three Powers: heaven, earth, man*).

⁽¹⁸⁾ **Huyền đồng thiên địa:** Phối hợp, hợp nhất mẫu nhiệm với trời đất, vũ trụ càn khôn (*mystic union with the cosmos*).

Ôi! Tất cả danh từ hội thánh, chi phái cũng chỉ là danh từ. Các danh từ được đặt để làm phương tiện cứu rỗi sanh linh tùy theo nhân duyên của mỗi người, mỗi địa phương. Thế thì danh từ nếu có bao nhiêu mà vẫn ở trong mục đích đưa người về chơn lý đạo đức nào có hại gì! Chỉ đáng quan ngại là cái danh sẽ làm lụy cái thân, đó là người đời; còn trong đạo lại là đạo nghiệp. Các bậc Tiên Khai Đại Đạo đã trút áo ra đi, nhưng vẫn còn lưu lại đạo nghiệp mà chư đạo hữu đang mang đang gánh.

Bản Tạng bảo như vậy cốt ý để chư đạo hữu lưu ý đến hiện tình cơ đạo cũng như nước nhà. Các đảng tiên nhân khai quốc nào có cắt xén sơn hà. Các Bậc Tiên Khai Đại Đạo nào có chia ranh biệt giới. Sở dĩ những gì hiện hữu để chư tín đồ, đạo hữu cùng các hàng Thiên ân hướng đạo mang gánh, đó là những cái hoa phải trở ngoài cành, những chiếc quả phải kết tự do hoa, nhưng hoa quả vẫn sinh nở là nhờ hấp thụ nhựa sống của cội cây. Nếu ai bảo rằng quả là rễ, là gốc, là cành, là lá, thì sẽ bị bác ngay. Nhưng nếu ai đã dứt rễ, đốn gốc thì cành lá héo khô, quả hoa không có, hoặc nếu bảo vun gốc để cầu lấy trái ắt không ai chối bỏ cả.

Như vậy, việc làm của chư Thiên ân đạo hữu không là sai mà cũng chưa đúng hẳn. Phải chờ thời gian hoạt động, chờ thời gian hoằng hóa, đạo giáo mới trả lời được giá trị của sứ mạng được ban trao có thể là chân lý hay chẳng. (...)

Nay đạo đệ [Thiện Đức] trọn lòng hy sinh với bất cứ giá nào, chỉ một mục đích tạo thế nhơn hòa để hoằng dương

chánh pháp phổ độ Kỳ Ba là đủ rồi. Bản Tăng sẽ trợ duyên để đạo đệ thực hiện được điều mong ước của các hàng cứu thế khi xưa. Bởi có chút duyên trên cõi thượng với lòng ngưỡng mộ đối với Bản Tăng, nên Bản Tăng đến để chứng minh đạo tâm và đạo sự của đạo đệ cũng như toàn thể chư đạo hữu lưỡng phái hiện diện trong buổi lễ và trước đàn tiền hôm nay.

THI

*Muôn dòng cũng trở một nguồn trôi
Chí thiện lo chi việc chẳng rồi
Lựa thế lựa vèo⁽¹⁹⁾ cho đúng lúc
Tìm cơ siêu thoát độ người đời.
Người đời đã mất hẳn Thiên lương⁽²⁰⁾
Gây cảnh phong ba cõi thế thường
Chỉ một cái ta nhiều hệ lụy
Ta tìm sao dựng đấng tâm vương.
Tâm vương ngự trị ở con người
Đó cũng là nơi hiệp với Trời
Nếu biết không gây nhiều nghiệp lớn
Thuận theo Thiên lý khỏe muôn đời.*

⁽¹⁹⁾ **Lựa vèo:** Lựa khúc quanh trên sông để thuyền đi an toàn.

⁽²⁰⁾ **Thiên lương** 天良: Phần tốt đẹp của con người do Trời ban cho, lương tâm (*conscience*).

*Muôn đời có kẻ dựng nêu danh
Nào phải bồn ba⁽²¹⁾ với giựt giành
Chỉ để thân mình thiên hạ thưởng
Còn lưu vạn thế bực Thiên sanh.⁽²²⁾*

Bản Tăng dạy bao nhiêu lời để đáp lại lòng ngưỡng mộ của chư đạo hữu đối với Đại Đạo cũng như các bậc Tiên Khai. Chư đạo hữu nên dọn mình trước giờ phút điểm đạo sau Hội Long Hoa.

Bản Tăng ban ơn toàn thể chư Thiên ân hướng đạo, chư đạo hữu nam nữ.

(...)

Thăng.

⁽²¹⁾ **Bồn ba** 奔波: Vội vã chạy hết nơi này lại sang nơi khác (*to rush about, to be constantly on the move*).

⁽²²⁾ **Thiên sanh** (sinh) 天生: Trời sinh.

Huệ Khải chú thích (27-5-2014)

Ý NGHĨA THẬT CỦA CHỮ ĐẠO

Minh Lý Thánh Hội

Tuất thời, 04-9 Quý Sửu (Thứ Bảy 29-9-1973)

Thông công: Bộ phận Hiệp Thiên Đài

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Pháp đàn: Chơn Tâm. *Đồng tử:* Hoàng Mai, Thanh Thủy.

Độc giả: Huệ Chơn.

TIẾP ĐIỀN

THI

VẠN giáo đồng nguyên tự bốn lai

HẠNH duyên khai ngộ Đạo minh khai

THIÊN đường nhứt nhứt năng tu dưỡng

SU đệ trùng hoan⁽¹⁾ tại bửu đài.⁽²⁾

VẠN HẠNH THIÊN SU

Bàn Tăng mừng chư Thiên mạng, Thiên ân. Chào chư đạo hữu đàn trung.

Nể tình bạn đạo của Bác Nhã Thiên Sư và cũng để đáp tạ lòng mến luyến của chư đạo hữu trên môi trường giáo lý tu học, nên Bàn Tăng đến trần gian giờ này, nương ngọn cơ Tiên bủa lasso linh điển viết ra thành chữ, đọc lên thành lời,

⁽¹⁾ **Trùng hoan** 重歡: Vui mừng gặp lại nhau.

⁽²⁾ **Bửu đài** 寶臺: Đài quý báu; tức là Cao Đài, nơi Đức Chí Tôn ngự.

để giúp nhau trên bước đường tu học hầu thực hiện câu:

Kẻ đi trước khuyên chớ chậm bước

Người đi sau cố gắng tiến mau...

Bàn Tăng xin mời chư đạo hữu đồng tọa thiền.

Chư đạo hữu!

THI

Đạo tuy định nghĩa khắp muôn phương

Căn bản làm đầu, một chữ thương

Thương chúng, thương mình, thương tất cả

Thì đem Chơn Đạo sớm hồng dương.⁽³⁾

Chư đạo hữu! Cũng như tự thuở nào, mỗi lần đến trần gian rọi lasso Thiên điển, Bàn Tăng thấy tâm tư mỗi chư đạo hữu dành cho Bàn Tăng mỗi thiện cảm sâu xa với chân tình kính cẩn về phương diện hành văn tả chân để diễn tả những khía cạnh khác nhau cho một vấn đề. Đó là giáo lý tu học.

Vì tiếng Nôm cần phải dùng nhiều tiếng để diễn tả một từ ngữ giáo lý bằng Hán tự, thế nên Bàn Tăng cố gắng dùng nhiều tiếng thông thường quen thuộc với chư đạo hữu, dụng ý là làm sao giúp chư đạo hữu hiểu rõ ráo một vấn đề, mặc dù danh từ đạo rất là trừu tượng mông lung. Nếu được dùng Hán tự, đó là một điều rất dễ đối với Bàn

⁽³⁾ **Hoàng dương** 弘揚: Cũng như *hoàng khai* 弘開, phát triển rộng lớn (*to develop and expand*).

Tăng, nhưng ngại e không được phổ thông đến phần đại chúng.

Chư đạo hữu ơi! Bàn Tăng nhìn xem nơi chánh điện hôm nay ở phía trước, trong chư đạo hữu có thể tạm phân làm bốn bậc căn trí:

Một là thành phần giác ngộ đang đi sâu vào cửa đạo và đang tìm học và hành cái đạo.

Hai là thành phần đã vào cửa đạo rồi nhưng chưa thấu triệt⁽⁴⁾ đạo lý ở khía cạnh vô vi huyền nhiệm.

Ba là thành phần nhập môn giữ đạo nhưng chưa biết đạo là chi, đặt nặng vấn đề hình thức tụng niệm lễ bái cúng kính, còn về phần giáo lý uyên thâm của Đạo, nếu rảnh học được cũng tốt, bằng không cũng chẳng sao, vì đa đoan⁽⁵⁾ việc đời tại với bị về sinh kế.

Chót hết là thành phần thứ bốn, vì chán ngán những giả dối của cuộc đời muốn tìm cái chân thiện mỹ trong xã hội đạo đức qua một nhóm hoặc một tổ chức của người tu, nhứt là tổ chức đó lại được Phật Tiên Thánh giáng cơ điều dắt, muốn gần nơi đây để tìm xem sự màu nhiệm Phật Tiên như thế nào, may ra giải đáp hoặc mách bảo giúp mình những sự rủi may tốt xấu trên đường hoạn lộ⁽⁶⁾ thế sự phù vân.⁽⁷⁾

⁽⁴⁾ **Thấu triệt** 透徹: Thông suốt, hiểu rõ hết (*to understand thoroughly*). Thấu và triệt cùng nghĩa.

⁽⁵⁾ **Đa đoan** 多端: Rối rắm (*tangled*).

⁽⁶⁾ **Hoạn lộ** 宦路: Đường công danh, đường làm quan.

Trước bốn thành phần căn trí đó đã đặt Bàn Tăng trước một bối cảnh xử sự thế nào trên phương diện định nghĩa chữ Đạo nơi đây.

Bàn Tăng trước kia cũng là thế nhân⁽⁸⁾ như chư đạo hữu, đã cởi áo ra đi, rũ bỏ phần nhục thể từ lâu lắm rồi. Nhưng đã là gốc người nhân thế, không sao quên được hồn thiêng đất nước, khí thiêng dân tộc, không sao quên được tình đồng chủng đồng bào. Hôm nay, Bàn Tăng muốn mượn chữ Đạo để nói lên một trong muôn nghìn tâm trạng của mình muốn nói, để cho chư đạo hữu lưu ý, hầu đáp một phần nào trong mối tình dân tộc.

Chư đạo hữu ơi! Nói đến chữ Đạo, có người liên tưởng đến chùa thất, am tự, thánh thất, thánh đường, hoặc thí phát quy y, phé đời hành đạo. Hoặc nói đến chữ Đạo, có nhiều người liên tưởng đến mặc áo bả nâu sồng,⁽⁹⁾ trường trai giới sát,⁽¹⁰⁾ vào chùa gõ mõ tụng kinh, quỳ hương bái sám, cắt đứt mọi sự sinh hoạt ở thế gian. Nói đến chữ Đạo, có nhiều

⁽⁷⁾ **Thế sự** 世事: Việc đời, việc trần tục (*worldly affairs*). **Phù vân** 浮雲: Mây nổi trên bầu trời rồi sẽ tan đi, ám chỉ những thứ không bền vững (*temporary*).

⁽⁸⁾ **Thế nhân** 世人: Nhân thế, người đời, người trần tục (*worldly man*).

⁽⁹⁾ **Áo bả nâu sồng**: Áo vải thô nhuộm nâu bằng củ nâu hay lá cây sồng; ám chỉ người sống giản dị, thanh bần.

⁽¹⁰⁾ **Trường trai giới sát** 長齋戒殺: Ăn chay trường (quanh năm) và giữ giới không sát sanh (*to observe perpetual vegetarianism and abstain from killing sentient beings*).

người lại liên tưởng xa hơn nữa, đó là lập cơ xây bàn cầu Tiên Thánh Phật để thỏa mãn những gì mình muốn do các Đấng thiêng liêng mách bảo, chỉ giúp cho mọi phương diện nhu cầu.

Chư đạo hữu ôi! Nếu tất cả những quan niệm mà Bàn Tăng vừa kể bên trên đó là đúng thì chữ Đạo không còn có ý nghĩa gì với nó nữa. Bởi vì thế gian chưa vào một đạo nào hết mà người ta còn nói được câu “Đạo quân thân, đạo phụ tử, đạo phu thê, đạo huynh đệ, đạo bằng hữu” hoặc là “Thị đạo tắc tấn, phi đạo tắc thoái”⁽¹¹⁾ hoặc câu “Minh vương thánh đạo”, hoặc câu “Lãnh đạo tinh thần, lãnh đạo tôn giáo”, hoặc “Lãnh đạo quốc gia” hoặc “Đoàn hướng đạo sinh”, v.v... và v.v...

Ở lãnh vực nào cũng có kèm theo chữ Đạo trong danh từ hoặc từ ngữ ấy. Như vậy, người thế gian đã hòa mình trong các lãnh vực Đạo nhưng vô ý thức. Vì bởi vô ý thức cho nên không theo đuổi để khai thác cùng phát triển cho đến chỗ tận thiện tận mỹ cái Đạo của lãnh vực đó. Vì bởi vô ý thức cho nên có lắm người rớt trong cái hố sâu tội lỗi, làm trái với tôn chỉ mục đích cùng đường lối của tổ chức đó. Vì vô ý thức cho nên thiên hạ mới gây ra những điều tàn bạo tội lỗi nhưng lúc nào cũng nhân danh cái Đạo, như lãnh đạo tinh thần, lãnh đạo tôn giáo, lãnh đạo quốc gia, v.v...

Tiền nhân đã dùng chữ Đạo ghép trong các từ ngữ trong

⁽¹¹⁾ **Thị Đạo tắc tấn** (tiên), **phi Đạo tắc thoái** 是道則進, 非道則退: Đúng Đạo thì tiến, trái Đạo là lùi.

khắp các lãnh vực là đã có dụng ý rằng bất cứ một hành động nào dầu ở lãnh vực nào cũng không nên tách rời cái Đạo, mà phải thuận Đạo. Thuận Đạo tức là thuận Thiên. Hễ thuận Thiên thì còn, nghịch Thiên thì mất. Như vậy chữ Đạo đâu phải nhứt thiết chỉ đóng khung trong lãnh vực chùa tháp, am tự, v.v... mà chữ Đạo nó có cái lý huyền nhiệm ẩn tàng trong khắp cả các lãnh vực từ lớn hết sức lớn đến nhỏ hết sức nhỏ, không chỗ nào là không có cái Đạo. Vì Đạo là lẽ phải, là nguồn sống, là an bài cho vạn vật. Thí dụ:

Đạo mà lòng trong quân thân⁽¹²⁾ thì quân có minh, thần có trung.

Đạo lòng trong phụ tử thì phụ có từ, tử có hiếu.

Đạo lòng trong phu thê thì phu thê tương ái, trọn đạo thì chung, xây dựng hạnh phúc gia đình, dưỡng nuôi con cái nên người hữu ích trong quốc gia xã hội, nhỏ nhứt là gia đình.

Đạo nếu lòng trong tình bằng hữu thì bằng hữu tương thân tương kính.

Đạo lòng trong huynh đệ thì huynh tắc hữu, đệ tắc cung.⁽¹³⁾

⁽¹²⁾ **Quân thân** 君臣: Vua tôi (chánh phủ và người dân).

⁽¹³⁾ **Huynh (tắc) hữu, đệ (tắc) cung** 兄(則)友, 弟(則)恭: Anh (chị) em hòa ái, tôn kính nhau (*loving, friendly and respectful siblings*).

Đạo lòng trong người lãnh đạo quốc gia thì người ấy phải xem mình như cha như mẹ, còn quần chúng trong nước như con cháu ruột rà.⁽¹⁴⁾ Mẹ cha lúc nào cũng nhường và xem sự an nguy của con trước hơn là bản thân mình.

Đạo lòng trong đoàn thể, thì người lãnh đạo đoàn thể ấy phải được chí đức, chí nhân, chí công, chí trực, chí minh, chí chánh.⁽¹⁵⁾

Đạo mà lòng trong giới lãnh đạo quân binh tướng sĩ thì người lãnh đạo ấy phải đem thân mình ra trước để che chở mạng sống muôn binh, xem sự đói no ấm lạnh buồn vui sướng khổ của hạ thuộc⁽¹⁶⁾ như chính mình.

Đạo lòng trong đoàn thể tôn giáo thì người lãnh đạo tinh thần tôn giáo đó phải có hai thái độ trong hai lãnh vực:

- Thái độ thứ nhất là xả thân. Khi nói về xả thân thì đem thân mình ra trước quán xuyên tất cả sự khổ cực khó khăn, kiên nhẫn hy sinh để làm cây cầu cho hàng tín hữu bước trên đó đi đến đường Đạo.

- Thái độ thứ hai là danh vọng quyền hành và thụ hưởng. Người lãnh đạo ở khung cảnh này phải để mình ra sau và

⁽¹⁴⁾ Do thành ngữ **dân chi phụ mẫu** 民之父母: Cha mẹ của dân. Ý nói kẻ làm quan hãy coi mình là cha mẹ hiền của dân, phải thật lòng thương yêu dân như cha mẹ hiền luôn hy sinh bảo bọc, dưỡng nuôi con cái.

⁽¹⁵⁾ **Chí 至**: Rất, lắm (*very*).

⁽¹⁶⁾ **Hạ thuộc** 下屬: Cấp dưới của mình.

núp trong bóng tối để xiển dương, khích lệ, ngợi khen, nung đúc tinh thần cho hàng tín hữu hoan hỷ, hăng hái trên đường tu học.

Tóm lại, bậc lãnh đạo tinh thần tôn giáo, khi cực khổ thì xung phong đảm nhận làm trước, lúc thụ hưởng phải đặt mình ở chót phía sau. Dầu trong lãnh vực nào cũng thế, gương khiêm tốn, lòng nhẫn nại, đức hy sinh, công quán xuyên, làm nên cho người, kết quả của vấn đề là gây tình thương yêu hòa ái cho mọi người. Dù muốn dù không, cái phản ứng tốt đẹp sẽ hướng về cho nơi xuất phát. Nhân tâm là yếu tố làm đầu, tình thương là căn bản thành công cho mọi việc. Như vậy, chữ Đạo bây giờ không còn bị đóng khung trong chật hẹp nữa.

Bản Tãng muốn nói thêm:

- Thú dữ như cọp, gấu, beo, sư tử, tuy là loài ăn thịt, nhưng không nở ăn con. Đó là Đạo. Người nhân thế mỗi lần bịnh hoạn sanh sản, đến lương y, bác sĩ hoặc nữ hộ sinh, nhưng loài thượng cầm hạ thú cho đến loài hạ ngư nào đâu cần lương y bác sĩ vẫn sống, vẫn sanh, vẫn được an bài. Đó là Đạo.

- Cây, cành, lá xanh giống nhau, nhưng tại sao không trở cùng một thứ hoa, sanh cùng một sắc hoa, kết thành một loài trái, mà lại có thứ hoa hường, hoa tím, hoa trắng, hoa nâu, hoa vàng, hoa đỏ. Còn trái thì đắng, trái lại ngọt, trái lại chua, trái lại cay. Tại sao không chua từ đầu chí cuối, tại sao không chát từ nhỏ đến lớn, mà lại chua lúc đầu ngọt lúc cuối như trái xoài, chát lúc nhỏ như chuối non, ngọt lúc lớn

như chuối chín, v.v... Đó cũng là Đạo.

- Trên quãng đường đời có mặt xa lộ, tuy trên mặt lộ ấy không lắm nhiều xe, nhưng tai nạn lưu thông giết người thường xảy ra trên mặt báo. Nhưng trong vũ trụ thiên không⁽¹⁷⁾ đã có, đang có hằng triệu triệu quả tinh cầu quay tít mù trong vạn đời,⁽¹⁸⁾ nhưng cứ điều hòa xoay [xoay] chuyển chẳng chạm chẳng va. Đó cũng là Đạo.

Như vậy, chữ Đạo nơi đây chỉ tạm mượn để mà gọi mà kêu, thật ra không biết gọi những cái đó bằng tiếng gì khác.

Chư đạo hữu ôi! Sau đây Bản Tăng chỉ thấu hẹp chữ Đạo lại trong lãnh vực bé tí. Đó là đạo đức cho người tu hành.

Trong lãnh vực tu hành cũng thường dùng chữ Đạo, như đạo lý, đạo đức, đạo hạnh, đạo học, đạo pháp, hành đạo và thành đạo, v.v... Từ ngữ nào cũng có chữ Đạo.

Thử định nghĩa sơ qua và cái tác dụng của nó.

Đạo lý: Là cái lý diễn tả giải bày sự huyền nhiệm mông lung của chữ Đạo. Tuy giải lý trong giới hạn nào đó thôi cũng đã giúp cho những ai muốn học đạo cần học qua giáo lý để bắt mỗi dây lần phăng để thấy hiểu được Đạo là danh từ trừu tượng mông lung nhưng nó có lý thật của nó.

Đạo đức: Khi những ai hiểu được cái lý của đạo rồi thì

⁽¹⁷⁾ **Thiên không** 天空: Bầu trời (*sky*).

⁽¹⁸⁾ **Vạn đời** (đại) 萬代: Muôn đời, mãi mãi (*eternally, forever*).

tự nguyện khép mình ăn ở xử thế sao cho phải đạo. Khi xử thế được trong lãnh vực đạo quân thân, phụ tử, phu thê, huynh đệ, bằng hữu rồi thì đó là cái đức sáng của con người hiểu lý Đạo.

Đạo hạnh: Là tác phong đức hạnh của người giữ đạo. Khi đã hiểu lý Đạo rồi, hành cho sáng cái đức của Đạo rồi tự nhiên tác phong đạo hạnh từ bên trong bộc lộ thể hiện ra bên ngoài. Đó là câu *Hữu tâm vô tướng, tướng tự tâm sanh*.⁽¹⁹⁾ Người ta chỉ nhìn qua khuôn mặt, tướng đi đứng ngồi, đã hiểu ngay tác phong đạo hạnh của người ấy có được đến mức độ nào rồi.

Đạo pháp: Là cái pháp, là giềng mối, là chìa khóa cho hành giả mở đi vào trung tâm sự tạo Phật tác Tiên, giải thoát kiếp hồng trần tạm bợ, trầm luân khổ hải để về chốn an nhàn vĩnh cửu vô sanh bất diệt.

Hành đạo: Hành là làm. Khi đã hiểu lý đạo như thế nào rồi thì hành giả phải bắt tay hành sự để thành công. Hành sự ấy tuy kể ra thì nhiều nhưng tựu trung chỉ có hai phần: Một là tự giác, nghĩa là mình phải làm cho bản thân mình

⁽¹⁹⁾ Câu này nói đầy đủ là: *Hữu tâm vô tướng, tướng tự tâm sanh. Hữu tướng vô tâm, tướng tùng tâm diệt.* 有心無相, 相自心生; 有相無心, 相從心滅: Có lòng lành mà không có tướng mạo tốt đẹp bên ngoài, thì từ trong lòng lành sẽ phát sinh ra tướng mạo dễ mến dễ thương; có tướng mạo bên ngoài đẹp đẽ mà không có lòng lành, thì tướng mạo ấy sẽ theo tâm lòng xấu xa mà mất đi sự tình cảm thương mến của người khác. Người Việt nói gọn: *Cái nét đánh chết cái đẹp.*

nên đạo hoàn thiện chí đức, chí nhân. Hai là giác tha, nghĩa là đem sự hiểu biết của mình truyền bá giúp đỡ cho kẻ khác muốn biết để cùng nhau tu tiến trên đường thánh thiện.

Thành đạo: Khi hành giả đã thực thi trọn vẹn, trải qua các đoạn đường trên, đến giai đoạn thành đạo là gặt hái kết quả do công trình, công quả, công phu; kiên tâm trì thủ;⁽²⁰⁾ gieo hạt, bón phân, tưới nước của các giai đoạn đạo lý, đạo hạnh, đạo đức, đạo pháp, hành đạo, v.v... kể trên.

Vì chữ Đạo không ai làm sao định nghĩa rõ ràng bằng ngôn từ,⁽²¹⁾ thế nên phải tạm mượn ngôn từ diễn tả để đi dắt nhau đi suốt được những đoạn đường đó rồi tự nhiên mỗi người có phát huệ. Từ chỗ phát huệ đó, tâm linh cảm ứng với các Đấng thiêng liêng. Nhờ sự dắt dìu chỉ dẫn trong chỗ mặc mặc,⁽²²⁾ hư hư, ảo ảo chôn tịn phòng mà tìm được về nơi quê xưa vị cũ. Nếu hành giả⁽²³⁾ đã đến mức đó rồi thì có cần chi đến Phật Tiên giảng cơ dạy Đạo, cần chi đến việc học hỏi giáo lý từ quyền này sang quyền

⁽²⁰⁾ **Kiên tâm** 堅心: Lòng dạ bền chặt, không chuyển lay trước mọi cám dỗ hay thử thách. **Trì thủ** 持守: Nắm giữ chặt, không buông bỏ, không bỏ cuộc, bất kể khó khăn trở ngại đến đâu chẳng nữa.

⁽²¹⁾ Đức Lão Tử dạy: *Đạo khả đạo phi thường Đạo*. Cái Đạo mà nói ra được thì chẳng phải cái Đạo thường hằng, vĩnh cửu.

⁽²²⁾ **Mặc mặc** 默默: Âm thầm lặng lẽ, không tiếng không lời (*speechless, in silence*).

⁽²³⁾ **Hành giả** 行者: Người tu thiền, thực hành công phu, tịnh luyện (*meditation practitioner*).

khác. Lúc bấy giờ gọi là vô tự chơn kinh.⁽²⁴⁾ Yéng [ánh] sáng Đạo từ nơi tâm ẩn mà nên. Còn chữ Đạo lúc bấy giờ không gọi Đạo nữa. Nó chỉ là con số không mà thôi.

THI

*Đạo tại tâm trung⁽²⁵⁾ chẳng phải xa
Thật hành quyết chí sẽ tìm ra
Phật Tiên, Thượng Đế không xa lắm
Xa hoặc được gần cũng bởi ta.*

THI

*Ta phải biết ta mới thiệt ta
Nếu không thì hóa cái ta tà⁽²⁶⁾
Tà do loạn động, do câu chấp⁽²⁷⁾
Ma Phật, Phật ma bởi đó mà.*

Chư đạo hữu! Kể ra thì hôm nay Bản Tăng cũng nói hơi mắc⁽²⁸⁾ rồi đó. Chư đạo hữu cố gắng thành tâm thiện chí

⁽²⁴⁾ **Vô tự chơn kinh** 無字真經: Kinh chân thật mà không có chữ (*the true scripture full of blank pages*).

⁽²⁵⁾ **Tâm trung** 心中: Trong lòng (*in your heart, your mind*).

⁽²⁶⁾ **Cái ta tà:** Cái ta (tôi) tà vạy, không chơn chánh (*evil self, evil ego*).

⁽²⁷⁾ **Câu chấp** 拘泥: Cố chấp, chấp nhất, câu nệ, không biết phóng khoáng bỏ qua những điều lè tè, vặt vãnh (*to be finicky about something*).

⁽²⁸⁾ **Hơi mắc:** Hơi mắc mỏ, cao kỳ, không đơn giản dễ hiểu (*rather complicated*).

ché ngự phạm tâm để nhường chỗ cho đạo tâm sanh. Chừng đó mỗi người tự cầm đuốc mà đi, khỏi mong ai dắt đường chỉ lối.

(...)

Thôi, đêm đã khuya rồi, Bàn Tăng tạm dừng bút nơi đây. Bàn Tăng cảm ơn chư đạo hữu đã dành lòng thành theo dõi suốt mấy tiếng đồng hồ.

THI

*Vì thương mới chỉ tỏ tình thương
Phân tách thiệt hơn những bước đường
Đạo hữu gắng công tu học lấy
Giã từ lui điễn lại Tây phương.⁽²⁹⁾*

Thăng.

⁽²⁹⁾ **Tây phương** 西方: Cõi phương Tây, cõi Phật (*the Western realm of Buddhas*).

Huệ Khải chú thích (27-5-2014)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ PHƯƠNG CHÂM PHỔ THÔNG GIÁO LÝ



“Giáo lý Đạo Trời cốt đem lại những gì hạnh phúc cho vạn loại, cho tất cả mọi tầng lớp chúng sanh, không riêng cho lớp người nào, cho tôn giáo nào, cho phe phái nào. Nếu có riêng là riêng cho những người dục vọng bại hoại lương tri.

Còn sự phổ thông giáo lý Đại Đạo cũng không dành riêng cho lớp người nào. Ai cũng có thể làm được, miễn là hiểu được đường lối, mục đích và chủ trương cao cả của nó. Việc làm này không luận là lớn tuổi, nhỏ tuổi, không luận là hội thánh hay tòa thánh, cũng không luận là có đạo nhiều năm hay người mới vào, ít tuổi đạo. Nó đã đến, đang đến và sẽ đến với những ai am tường Thiên ý, học hỏi đạo lý, tận tụy phổ thông, say sưa truyền bá.”

Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh

Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-7 Bính Ngọ (20-8-1967) *

* Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, *Thánh Giáo Suu Tập Năm Bính Ngọ - Đinh Mùi (1966-1967)*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, tr. 251.

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1-3. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐẾN VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2012.
- 2-3. **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN.** Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 3-2. **LỜI VÀNG SEN TRẮNG.** Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 4-2. **LÒNG CON TIN ĐÁNG CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010.
- 5-3. **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 6-2. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐẾN PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008 in hai lần, 2010.
- 7-1. **CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN.** Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 8-2. **BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN.** Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
- 9-2. **LỄ BỐN.** Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận 2008, 2009.
- 10-3. **CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ.** Phạm Văn Liêm, 2009 in hai lần, 2012.
- 11-2. **NHỚ ĐẠT LINH.** Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
- 12-3. **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. **HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TỶ (1965).** Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
- 14-2. **ĐẠO ÁO TRẮNG.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2010.
- 15-3. **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI.** Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO.** Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-2. **THIỆN THƯ.** Lê Anh Minh, 2009, 2013.
- 18-2. **HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 19-1. **XUÂN TRI ẮN.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 20-2. **CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG.** Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. **BA MÓN BÁU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Thanh Căn, 2010, 2012.
- 22-2. **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐẾN TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2010, 2013.
- 23-2. **ƠN GỌI MIỀN TRUNG.** Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-4. **HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Diệu Nguyên, 2010 in hai lần, 2012, 2013.
- 25-3. **CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN.** Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.
- 26-1. **NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010.
- 27-2. **HÀNH TRANG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT.** Cao Bạch Liên & Huệ Khải, 2010, 2012.
- 28-2. **TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH.** Huệ Khải, 2010, 2012.
- 29-2. **DANH THẤY DANH ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010, 2012.
- 30-2. **MỘT DÒNG BÁT NHÃ.** Huệ Khải, 2010, 2013.

- 31-2. **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU.** Huệ Khải, 2010, 2011.
- 32-1. **NGÀI MINH THIÊN - CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP.** Đại Cơ Huòn, 2010.
- 33-2. **TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.
- 34-3. **THẮT CHÂN NHÂN QUẢ.** Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 in hai lần, 2012.
- 35-1. **XUÂN CHUNG TÂM.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
- 36-1. **ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO.** Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 37-2. **NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 38-3. **KINH SÁM HỐI MINH HỌA.** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tranh 4 màu, 2011, 2012, 2014.
- 39-2. **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN.** Huệ Khải.
- 40-2. **SỬ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 41-2. **TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ.** Phạm Văn Liêm, 2011, 2013.
- 42-2. **NHIP CẦU TƯƠNG TRI.** Huệ Khải, 2011, 2013.
- 43-2. **ĐIỂM TỰA TÂM LINH.** Huệ Khải, 2011, 2012.
- 44-2. **ĐỌC LẠI THẮT CHÂN NHÂN QUẢ.** Huệ Khải, 2011, 2013.
- 45-1. **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.** Huệ Khải, 2011.
- 46-1. **TIẾNG CHIM QUYÊN.** Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
- 47-1. **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2011.
- 48-2. **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC.** Huệ Khải, 2011, 2013.
- 49-1. **KINH CÚNG TỬ THỜI.** Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 50-1. **XUÂN HÒA ĐỒNG.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.
- 51-3. **CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA.** Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 in hai lần, 2013.
- 52-2. **TU CỨU CỨU HUYẾN THẮT TỔ.** Huệ Khải, 2012, 2013.
- 53-1. **CẨM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỶ (1928-1950).** Huệ Khải, 2012.
- 54-2. **BẮC CẦU TÂM LINH.** Huệ Khải. / 55-2. **HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN.** Huệ Khải, 2012, 2013.
- 56-1. **ĐẠO LÝ HUYẾN CƠ.** Thiện Bảo. / 57-1. **LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI.** Thiện Bảo, 2012.
- 58-1. **CAO ĐÀI KHÁI YẾU.** Đạt Đức, 2013.
- 59-1. **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2013.
- 60-1. **MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO.** Đơn Tâm, 2013.
- 61-2. **GIỌT NGỌC KIM BÀN.** Thanh Căn, 2013, 2014.
- 62-1. **CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ.** Huệ Khải & Lê Anh Minh, truyện tranh, 2013.
- 63-1. **CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ PHỤC SINH.** Nhiều người viết, 2013.
- 64-1. **ĐẠI ĐẠO VÀ TÔN GIÁO.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2013.

- 65-1. **BÁT QUÁI ĐỒ THIÊN XƯA VÀ NAY.** Nhiều người viết, 2013.
 66-1. **THƠ NGƯỜI ÁO TRẮNG.** Nhiều người viết, 2013.
 67-1. **ƠN CỨU ĐỘ.** Diệu Nguyên, 2013.
 68-1. **TRUNG DU HÀNH ĐẠO.** Nhiều người viết, 2013.
 69-1. **DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN.** Huệ Khải, 2013.
 70-1. **CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIÁNG SINH.** Nhiều người viết, 2013.
 71-1. **HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2014.
 72-1. **PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2014.
 73-1. **TƯỚNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ.** Nhiều người viết, 2014.
 74-1. **HÀNH TRANG ĐỨC AN TRINH THẦN NỮ.** Huệ Khải, 2014.
 75-1. **AN THUẬN QUẢ DUYÊN.** Diệu Nguyên, 2014.
 76-1. **TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2014.
 77-1. **THIÊN BÀN TẠI NHÀ.** Huệ Khải, 2014.
 78-1. **SƠ KHẢO BÀI KINH NGỌC HOÀNG TÂM ẤN.** Lê Anh Minh, 2014.
 79-1. **NGŨ GIỚI CẤM XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2014.
 80-1. **VẠN HẠNH THIÊN SƯ XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2014.
 81-1. **THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC HAI BÊN.** Diệu Nguyên, 2014.
 82-1. **TÌM HIỂU NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO.** Thanh Căn, 2014.
 * **ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7-8, 9, 10.** Hiệp tuyển thơ văn, 2012, 2013, 2014.
Ghi chú: 82-1 tức là quyển 82, in lần thứ nhất. 24-4 tức là quyển 24, in lần thứ tư.

HIỆP THÔNG VÀ CẦU NGUYỆN

Từ quý Ba 2013, *Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài* (Đà Nẵng) liên kết với *Nhà Xuất Bản Tôn Giáo* (Hà Nội) đã chính thức **ấn tống** tập san **SÓNG ĐẠO**, phát hành mỗi quý.

Xin quý đạo hữu cùng hiệp tâm kính thành cầu nguyện và ủng hộ **SÓNG ĐẠO** mau chóng phát triển vững chắc.

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

Liên hệ *Sóng Đạo*: ĐH Bùi Ngọc Chinh ☎ **0912213277**.

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

HUỆ KHẢI kết tập

VẠN HẠNH THIÊN SƯ XƯA VÀ NAY

IN LẦN THỨ NHẤT

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám Đốc - Tổng Biên Tập: NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SƠN

Trình bày & Kỹ thuật: DŨ LAN

Vẽ bìa: LÊ ANH HUY & LÊ ANH THỨ

Bìa 4: HUỆ KHẢI VĂN TẬP 慧啓文集

Thư pháp: TRƯƠNG LỘ 張路

Sửa bản in: LÊ ANH MINH, DIỆU NGUYỄN, ĐẶNG THIÊN KIM

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841

In năm ngàn quyển, khổ 14,5x20,5 cm, tại XN In FAHASA

774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số xuất bản **699-2014/CXB/39-52/TG**, ngày 19-6-2014.

Mã số **ISBN: 978-604-61-1154-2**.

In xong và nộp lưu chiểu quý Ba năm 2014.

SÁCH ẤN TỐNG (KHÔNG BÁN)

Tổng phát hành: Hiền huynh **TRẦN VĂN QUANG**

59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653